

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Nguyễn Thị Thanh Vân

**BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

Thành phố Hồ Chí Minh – 2012

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH**

Nguyễn Thị Thanh Vân

**BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN**

Chuyên ngành : **Tâm lý học**

Mã số : **60 31 80**

LUẬN VĂN THẠC SĨ TÂM LÝ HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC

TS. HUỖNH VĂN SƠN

Thành phố Hồ Chí Minh – 2012

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận văn là trung thực và chưa được công bố trong các công trình khác.

Học viên

Nguyễn Thị Thanh Vân

LỜI CẢM ƠN



Với tình cảm chân thành, tôi xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến:

- Quý Thầy Cô Khoa Tâm lý Giáo dục, Phòng Sau đại học trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và Quý Thầy Cô đã tận tình giảng dạy và quản lý hoạt động học tập của lớp Cao học K21, đã cung cấp tri thức và truyền lòng nhiệt huyết với nghề cho tôi;

- TS. Huỳnh Văn Sơn – Người thầy giàu tri thức và tâm huyết đã động viên, chia sẻ, tận tình hướng dẫn tôi trong quá trình học tập và thực hiện luận văn;

- Đảng ủy, Ban Giám hiệu, tập thể giảng viên – cán bộ quản lý giáo dục, sinh viên các khóa D19, D20 và D21 trường Đại học An ninh nhân dân, đặc biệt là Lãnh đạo và giảng viên Bộ môn Tâm lý đã tạo điều kiện, hỗ trợ cho tôi trong quá trình nghiên cứu, khảo sát và thu thập thông tin phục vụ cho việc hoàn thành luận văn tốt nghiệp;

- Quý Thầy Cô trong Hội đồng chấm luận văn đã có những góp ý khoa học và khách quan để giúp tôi hoàn thiện công trình nghiên cứu của mình;

- Các anh chị, các bạn cùng khóa K21 đã hợp tác, đoàn kết, giúp đỡ tôi trong quá trình học tập cũng như thực hiện luận văn này.

Học viên

Nguyễn Thị Thanh Vân

MỤC LỤC

| | |
|--|-----------|
| Trang phụ bìa | |
| Lời cam đoan | |
| Lời cảm ơn | |
| Mục lục | |
| Danh mục các ký hiệu, chữ viết tắt | |
| Danh mục các bảng | |
| Danh mục các biểu đồ, sơ đồ | |
| MỞ ĐẦU | 1 |
| Chương 1. LÝ LUẬN VỀ BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC | 7 |
| 1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề bầu không khí tâm lý của lớp học | 7 |
| 1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài về bầu không khí tâm lý của lớp học | 7 |
| 1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước về bầu không khí tâm lý của lớp học ... | 12 |
| 1.2. Một số vấn đề lý luận cơ bản về bầu không khí tâm lý của lớp học | 18 |
| 1.2.1. Tập thể..... | 18 |
| 1.2.2. Lớp học..... | 24 |
| 1.2.3. Bầu không khí tâm lý | 33 |
| 1.2.4. Bầu không khí tâm lý của lớp học..... | 37 |
| Chương 2. THỰC TRẠNG BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN | 56 |
| 2.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu thực trạng..... | 56 |
| 2.1.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu thực trạng | 56 |
| 2.1.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng | 58 |
| 2.2. Kết quả khảo sát thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân..... | 61 |
| 2.2.1. Đánh giá khái quát về bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân | 61 |
| 2.2.2. Đánh giá cụ thể về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua từng nhóm tiêu chí | 67 |

| | |
|--|------------|
| 2.2.3. Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND trên các chiều kích khác nhau của nhóm khách thể..... | 88 |
| 2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân | 91 |
| Chương 3. THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP TÁC ĐỘNG NHẪM CẢI THIỆN BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN | 107 |
| 3.1. Một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân..... | 107 |
| 3.1.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân | 107 |
| 3.1.2. Một số biện pháp cụ thể nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân | 110 |
| 3.2. Tổ chức thực nghiệm một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân..... | 113 |
| 3.2.1. Mục đích và nhiệm vụ thực nghiệm..... | 113 |
| 3.2.2. Khách thể thực nghiệm..... | 113 |
| 3.2.3. Giả thuyết và mô hình thực nghiệm | 114 |
| 3.2.4. Điều kiện và quy trình thực nghiệm..... | 115 |
| 3.2.5. Công cụ đánh giá thực nghiệm..... | 116 |
| 3.3. Kết quả thực nghiệm một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân | 116 |
| 3.3.1. So sánh nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm | 116 |
| 3.3.2. So sánh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm..... | 119 |
| 3.3.3. So sánh từng biểu hiện nổi bật trong các tiêu chí đánh giá về bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm..... | 121 |
| 3.3.4. Kết quả thực nghiệm bằng các phương pháp khác | 123 |
| KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ | 128 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | |
| PHỤ LỤC | |

DANH MỤC CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

| | | |
|------|---|------------------|
| ANND | : | An ninh nhân dân |
| ĐLC | : | Độ lệch chuẩn |
| TB | : | Trung bình |
| R | : | Hệ số tương quan |
| Sig | : | Mức ý nghĩa |

DANH MỤC CÁC BẢNG

| | | |
|------------|--|----|
| Bảng 2.1. | Điểm TB và DLC của các biểu hiện khái quát bầu không khí tâm lý của lớp học | 61 |
| Bảng 2.2. | Đánh giá khái quát mức độ bầu không khí tâm lý của lớp học..... | 62 |
| Bảng 2.3. | Kết quả tương quan giữa các mặt biểu hiện của bầu không khí tâm lý của các lớp..... | 65 |
| Bảng 2.4. | Điểm TB và DLC của các biểu hiện về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ với nhau | 67 |
| Bảng 2.5. | Đánh giá mức độ bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ với nhau | 68 |
| Bảng 2.6. | Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp học D19C và D20D thông qua thái độ với nhau..... | 73 |
| Bảng 2.7. | Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp học D20B1 và D21A2 thông qua thái độ với nhau..... | 75 |
| Bảng 2.8. | Điểm TB, DLC và mức độ các biểu hiện về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với bản thân | 75 |
| Bảng 2.9. | Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của các lớp học thông qua thái độ đối với bản thân | 77 |
| Bảng 2.10. | Điểm TB và DLC của các biểu hiện về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhiệm vụ..... | 79 |
| Bảng 2.11. | Đánh giá mức độ bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhiệm vụ..... | 80 |
| Bảng 2.12. | Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp D19C thông qua thái độ đối với học tập và rèn luyện | 82 |
| Bảng 2.13. | Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp D20B1, D20D và D21A2 thông qua thái độ đối với học tập và rèn luyện..... | 84 |
| Bảng 2.14. | Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo giới tính | 88 |
| Bảng 2.15. | Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo thành phần khách thể là Cán bộ đi học hay học sinh phổ thông | 89 |
| Bảng 2.16. | Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo thành phần khách thể là Ban chỉ huy lớp, cán bộ Đoàn - Hội, Ban chủ nhiệm các CLB và sinh viên là Đoàn viên - Hội viên..... | 89 |

| | | |
|------------|--|-----|
| Bảng 2.17. | Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo kết quả xếp loại về học tập..... | 90 |
| Bảng 2.18. | Kết quả đánh giá thái độ đối với học tập theo kết quả xếp loại về học tập | 91 |
| Bảng 2.19. | Ảnh hưởng của tính chất các quan hệ xã hội trong nhà trường đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 92 |
| Bảng 2.20. | Ảnh hưởng của nội quy - kỷ luật - điều lệnh đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 93 |
| Bảng 2.21. | Ảnh hưởng của đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 94 |
| Bảng 2.22. | Ảnh hưởng của điều kiện học tập và rèn luyện đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 95 |
| Bảng 2.23. | Ảnh hưởng của đặc điểm người giảng viên đứng lớp đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 97 |
| Bảng 2.24. | Ảnh hưởng của sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 98 |
| Bảng 2.25. | Ảnh hưởng của đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 100 |
| Bảng 2.26. | Ảnh hưởng của đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp học (biểu hiện cụ thể) đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 101 |
| Bảng 2.27. | Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài đến bầu không khí tâm lý của lớp học | 103 |
| Bảng 3.1. | Bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm..... | 117 |
| Bảng 3.2. | Bầu không khí tâm lý của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm..... | 120 |
| Bảng 3.3. | Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm thông qua thái độ đối với nhau trước và sau thực nghiệm..... | 122 |
| Bảng 3.4. | So sánh số người được yêu thích trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm | 124 |
| Bảng 3.5. | So sánh số người được lựa chọn cộng tác trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm | 125 |

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ, SƠ ĐỒ

| | | |
|---------------------------------|---|-----|
| Biểu đồ 2.1. | Biểu hiện khái quát bầu không khí tâm lý của các lớp | 65 |
| Biểu đồ 2.2. | Biểu hiện bầu không khí tâm lý của các lớp thông qua thái độ với nhau..... | 70 |
| Biểu đồ 2.3. | Biểu hiện bầu không khí tâm lý của các lớp thông qua thái độ đối với bản thân..... | 76 |
| Biểu đồ 2.4. | Biểu hiện bầu không khí tâm lý của các lớp thông qua thái độ đối với nhiệm vụ | 80 |
| Biểu đồ 2.5. | So sánh mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý giữa các lớp | 86 |
| Biểu đồ 3.1. | Bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm..... | 118 |
| Biểu đồ 3.2. | Bầu không khí tâm lý của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm | 121 |
| Biểu đồ 3.3. | So sánh số người được yêu thích trong nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm..... | 124 |
| Biểu đồ 3.4. | So sánh số người được yêu thích trong nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm..... | 124 |
| Biểu đồ 3.5. | So sánh số người được lựa chọn cộng tác trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm | 126 |
| Sơ đồ mô hình thực nghiệm | | 114 |

DANH MỤC CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Phiếu khảo sát

Phụ lục 2: Biên bản phỏng vấn

Phụ lục 3: Biên bản quan sát

Phụ lục 4: Phiếu thăm dò thái độ của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm

Phụ lục 5: Phiếu chọn người cộng tác của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm

Phụ lục 6: Một số bảng số liệu xử lý SPSS

Phụ lục 7: Một số hình ảnh của lớp học

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Đảng và Nhà nước ta luôn xác định giáo dục và đào tạo có vai trò đặc biệt quan trọng trong đường lối phát triển kinh tế - chính trị, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng của đất nước Việt Nam, đặc biệt là trong thời kỳ hội nhập với xu thế toàn cầu hóa. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam đã khẳng định: *“Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển”*, trong đó nhấn mạnh: *“Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao là một trong những yếu tố quyết định sự phát triển nhanh, bền vững đất nước”*, *“tập trung nâng cao chất lượng đào tạo”*, *“xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh [12, tr.41]*. Có thể thấy, đã từ lâu vấn đề xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, tích cực là một trong những nội dung quan trọng được quan tâm nhằm hướng đến một nền giáo dục có chất lượng tốt. Với việc lần đầu tiên được đề cập cụ thể trong văn kiện cũng đã cho thấy đây thực sự là vấn đề có ảnh hưởng rất lớn đến công tác giáo dục và đào tạo trong tình hình hiện nay.

Để xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, cần đầu tư và tiến hành nhiều giải pháp khác nhau, trong đó đòi hỏi sự phối hợp đồng bộ và hiệu quả của toàn ngành giáo dục từ trung ương đến các cơ sở giáo dục địa phương, đến các ban ngành có liên quan, đến các Khoa, Phòng ban của các cơ sở giáo dục và nhất là phải kể đến “tế bào” quan trọng bậc nhất trong hệ thống giáo dục - các tập thể lớp học. Tập thể lớp học là nhóm xã hội có trình độ tổ chức cao với các thành viên có mối quan hệ chặt chẽ với nhau vì mục đích học tập và rèn luyện. Theo đó, trong quá trình hoạt động của nó, tất yếu sẽ diễn ra các hiện tượng tâm lý mang những đặc trưng riêng theo quy luật tâm lý nhóm như tâm trạng tập thể, truyền thống tập thể, dư luận tập thể, ý thức tập thể, trí tuệ tập thể và đặc biệt là bầu không khí tâm lý tập thể. Thực tế cho thấy, bầu không khí tâm lý tập thể là hạt nhân cố kết mọi thành viên của tập thể tạo thành một sức mạnh thống nhất. Do vậy, để góp phần tạo nên

môi trường giáo dục thân thiện, lành mạnh không thể không nói đến việc xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực trong các tập thể lớp học. Bầu không khí tâm lý của lớp học thuận hòa, tích cực, đoàn kết sẽ là điều kiện thuận lợi cho sự phát triển nhân cách của các thành viên, tạo nên môi trường giáo dục thân thiện, gắn gũi với người học. Ngược lại, bầu không khí tâm lý tẻ nhạt, căng thẳng sẽ tạo ra cảm xúc, tâm trạng tiêu cực cho các thành viên trong tập thể lớp học.

Trường Đại học ANND nằm trong hệ thống các trường Công an nhân dân, là trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của lực lượng sỹ quan An ninh các tỉnh thành phía Nam. Với vị trí quan trọng đó, những năm qua, nhiều thế hệ sinh viên nhà trường đã không ngừng học tập và rèn luyện, xây dựng bản lĩnh chính trị vững vàng, phấn đấu trở thành những sỹ quan An ninh giỏi về chính trị, vững về pháp luật và tinh thông về nghiệp vụ. Nhà trường đã không ngừng quan tâm đến việc đổi mới nội dung và phương pháp giảng dạy, đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất và nhất là đầu tư phát triển đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu tình hình mới. Đội ngũ cán bộ quản lý và giảng viên cũng đã quan tâm sâu sát với từng tập thể lớp học nhằm xây dựng môi trường học tập lành mạnh, tích cực. Tuy nhiên, thực tế vẫn còn một số khía cạnh cần xem xét như vấn đề tuân thủ kỷ luật, điều lệnh ngành... làm hạn chế sự thân thiện, chia sẻ giữa các thành viên với nhau và ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý chung của lớp học. Sinh viên trường Đại học ANND rất cần được sinh hoạt, học tập và rèn luyện trong những lớp học có bầu không khí tâm lý thân thiện, ở đó có sự quan tâm và hỗ trợ lẫn nhau. Theo đó, sẽ tác động tích cực đến tâm trạng của mỗi thành viên trong lớp, sinh viên sẽ ý thức về tinh thần trách nhiệm với tập thể và với việc học tập, rèn luyện cao hơn, góp phần mang lại kết quả tốt cho hoạt động của lớp học. Đây cũng chính là những điều kiện cần thiết trên con đường lĩnh hội tri thức khoa học và hình thành những phẩm chất, năng lực quan trọng góp phần hoàn thiện nhân cách người sỹ quan An ninh.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, chúng tôi xác lập nghiên cứu đề tài:
“BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN”.

2. Mục đích nghiên cứu

Nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học và những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND. Trên cơ sở đó, đề xuất một số biện pháp nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học.

3. Nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Hệ thống hóa một số vấn đề lý luận cơ bản có liên quan đến đề tài như: tập thể, lớp học, bầu không khí tâm lý, bầu không khí tâm lý của lớp học.

3.2. Tìm hiểu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND và chỉ ra những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

3.3. Đề xuất một số biện pháp tác động nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

4. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

4.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu của đề tài gồm 317 sinh viên (ở các lớp D19C, D20B1, D20D và D21A2 - hệ chính quy thuộc các chuyên ngành Trinh sát chống gián điệp, Trinh sát chống phản động, Trinh sát Bảo vệ nội bộ và An ninh điều tra) đang học tập tại trường Đại học ANND.

5. Giả thuyết khoa học

Bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND nhìn chung có những biểu hiện tích cực, song bên cạnh đó cũng còn tồn tại một số biểu hiện tiêu cực. Có những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND như đặc điểm của hoạt động học tập và rèn luyện tại trường, đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục, sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong lớp học... Nếu có những biện pháp tác động phù hợp sẽ cải thiện được bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

6. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu

6.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề tài chỉ tập trung nghiên cứu bầu không khí tâm lý của một số lớp hệ chính quy đại diện cho 4 chuyên ngành, không nghiên cứu bầu không khí tâm lý của tất cả các lớp học tại trường Đại học ANND.

6.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu bao gồm 317 sinh viên thuộc 4 chuyên ngành đào tạo hệ chính quy tại trường Đại học ANND (không nghiên cứu sinh viên thuộc các hệ đào tạo khác).

Khách thể thực nghiệm bao gồm 151 sinh viên thuộc hai chuyên ngành khác nhau.

7. Phương pháp nghiên cứu

Để tiến hành nghiên cứu đề tài này, chúng tôi sử dụng phối hợp các phương pháp sau:

7.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý luận

- Thu thập những tài liệu (sách, báo, tạp chí, đề tài nghiên cứu...) có liên quan đến vấn đề nghiên cứu nhằm làm rõ những lý luận cơ bản của đề tài.
- Đọc, chọn lọc, phân tích, tổng hợp, đánh giá các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc nghiên cứu.

7.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

7.2.1. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi

- Căn cứ vào cơ sở lý luận, các khái niệm công cụ, chỉ báo nghiên cứu và lĩnh vực đánh giá để thiết kế bảng hỏi.
- Khảo sát thử, chỉnh sửa và hoàn chỉnh bảng hỏi.
- Điều tra chính thức.

7.2.2. Phương pháp phỏng vấn sâu

- Thu thập, bổ sung và làm rõ hơn những thông tin thu được từ khảo sát, lý giải nguyên nhân của các vấn đề đã được điều tra bằng phương pháp định lượng.

- Phỏng vấn trực tiếp một số cá nhân. Câu hỏi phỏng vấn được soạn sẵn để định hướng quá trình phỏng vấn, kèm theo một số câu hỏi dự phòng trên cơ sở tiên liệu trước câu trả lời của sinh viên.

Nội dung phỏng vấn được ghi thành biên bản [Phụ lục 2].

7.2.3. Phương pháp quan sát

Nghiên cứu, tìm hiểu bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua:

- Hoạt động học tập trên lớp
- Giờ sinh hoạt lớp
- Buổi thảo luận theo tiểu đội

Kết quả quan sát được ghi theo bản mẫu [Phụ lục 3].

7.2.4. Phương pháp thực nghiệm

- Tiến hành thực nghiệm một số biện pháp nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

- Kết quả thực nghiệm được phân tích dựa trên số liệu của hai lớp học (lớp thực nghiệm và lớp đối chứng).

7.2.5. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

Sử dụng phần mềm SPSS phiên bản 13.0 để xử lý các số liệu điều tra khảo sát.

8. Đóng góp mới của đề tài

8.1. Về lý luận

- Hệ thống hóa những nghiên cứu có liên quan đến đề tài.
- Làm rõ những vấn đề lý luận về bầu không khí tâm lý, bầu không khí tâm lý của lớp học nói chung và bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND dân nói riêng.

8.2. Về thực tiễn

- Nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.
- Làm rõ những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

- Đề xuất một số biện pháp tác động nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND, góp phần xây dựng các lớp học giỏi về học tập, mạnh về phong trào, các thành viên đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau; hưởng ứng mạnh mẽ các phong trào thi đua trong nhà trường và toàn ngành cũng như đóng góp vào sự phát triển chung của nhà trường.

9. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và kiến nghị, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục, luận văn được bố cục thành 3 chương:

Chương 1 : Lý luận về bầu không khí tâm lý của lớp học

Chương 2 : Thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND

Chương 3 : Thực nghiệm một số biện pháp tác động nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND

Chương 1

LÝ LUẬN VỀ BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC

1.1. Lịch sử nghiên cứu vấn đề bầu không khí tâm lý của lớp học

1.1.1. Những nghiên cứu ở nước ngoài về bầu không khí tâm lý của lớp học

Đã từ lâu, vấn đề bầu không khí tâm lý trong các nhóm, tổ chức đã được nghiên cứu trên thế giới, đặc biệt là ở các nước phương Tây. Ban đầu, các nhà khoa học đã tập trung đi sâu nghiên cứu vấn đề này để ứng dụng trong lĩnh vực Tâm lý học lao động, từ đó góp phần nâng cao năng suất lao động và làm giảm bớt xung đột giữa chủ và thợ. Hầu hết các nghiên cứu này đã chỉ ra được những đặc trưng cơ bản của bầu không khí nhóm trên cơ sở các đặc trưng của nhóm như quy mô, cấu trúc, phong cách lãnh đạo... Trong đó, bầu không khí tâm lý được hiểu là một tập hợp các đặc trưng tâm lý của môi trường sản xuất mà người công nhân có thể cảm nhận được.

Sau này, cùng với sự phát triển của các ngành khoa học, Tâm lý học cũng đạt được những thành tựu to lớn. Có thể thấy rằng, trong các lĩnh vực ứng dụng tâm lý ở phương Tây như: Tâm lý học xã hội, Tâm lý học quản lý, Tâm lý học quản trị và kinh doanh, Tâm lý học công nghiệp, Khoa học quản lý, Khoa học hành vi tổ chức... đều có đề cập đến vấn đề bầu không khí tâm lý của tập thể. Theo đó, việc tổ chức nghiên cứu và đưa các kết quả nghiên cứu về bầu không khí tâm lý ứng dụng vào hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội luôn là thế mạnh của Tâm lý học xã hội nói riêng và Tâm lý học phương Tây nói chung.

Tâm lý học phương Tây nghiên cứu về bầu không khí tâm lý theo nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trước hết, cần phải đề cập đến “những cuộc thí nghiệm lâm sàng” của E. Mayo và F. Roethlisberger (Mỹ) vào những năm 1924 - 1929. Họ đã tiến hành nghiên cứu các quan hệ không chính thức và ảnh hưởng của nó đến hiệu quả sản xuất tại các nhóm lao động. Bằng thí nghiệm, họ đã chứng minh được vai trò quyết định của trạng thái tâm lý đến năng suất lao động. Đồng thời chỉ ra yếu tố đoàn kết giữa các thành viên trong việc thực hiện mục đích chung sẽ là động lực

kích thích sự hăng say lao động hơn là những khuyến khích về vật chất. Mặc dù chưa chính thức đưa ra khái niệm về bầu không khí tâm lý nhưng những nghiên cứu này đã đề cập đến một số khía cạnh của hiện tượng bầu không khí tâm lý. Những kết luận về mối quan hệ không chính thức, hệ thống thái độ cảm xúc giữa các thành viên, sự hòa hợp và đoàn kết tâm lý - tinh thần là tiền đề vô cùng giá trị cho việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý sau này.

Kể đến, cần phải đề cập công lao của K.Lewin và các cộng sự vào những năm 30 của thế kỷ XX. Ông được biết đến như là người đầu tiên sử dụng thuật ngữ bầu không khí tâm lý. Ông đã phát hiện ra quy luật tâm lý về việc phụ thuộc hành vi cá nhân vào các mối quan hệ tác động qua lại giữa môi trường và tâm lý cá nhân. Trong quyển “*Một lý thuyết động lực về nhân cách*”, ông cho rằng các mối quan hệ bên trong nhóm và phong cách của người lãnh đạo, quản lý ở những thời điểm khác nhau có ảnh hưởng đến việc tạo ra bầu không khí tâm lý tích cực hoặc tiêu cực trong các nhóm nhỏ.

Về sau, ngày càng có nhiều nghiên cứu về bầu không khí tâm lý dựa trên thuyết quan hệ người - người. Có thể kể đến các nghiên cứu của L. Festinger, S. Schacter, K.W. Back, B.E. Collins, B.H. Raven [76] (vào những năm 50 của thế kỷ XX) chủ yếu tập trung vào việc làm rõ ảnh hưởng của bầu không khí tâm lý đối với hiệu quả sản xuất của cá nhân và nhóm. Bên cạnh đó, còn có hai nhà Tâm lý học là G. Forehand và B. Gilmor đã làm rõ những chỉ số về nhân cách tạo ra bầu không khí tâm lý của tổ chức, tìm ra các phương pháp nghiên cứu thực nghiệm bầu không khí tâm lý của tổ chức cũng như tìm hiểu sự phụ thuộc của hành vi vào các yếu tố tâm lý nhân cách và các yếu tố tâm lý nhóm [80, tr.363]. Vào những năm 60, G.H. Litwin và R.A. Stringer cũng có những nghiên cứu về động lực thúc đẩy con người hoạt động, theo đó có nêu bật vai trò của bầu không khí tâm lý trong việc thúc đẩy hay kìm hãm con người thực hiện nhiệm vụ được giao.

Ngày nay, những nghiên cứu về bầu không khí tâm lý của các nhóm, tập thể trong Tâm lý học phương Tây ngày càng được đầu tư, song có thể khái quát thành những hướng nghiên cứu chính như hướng nghiên cứu thiên về những đặc trưng

bên trong của tổ chức, trong đó nhấn mạnh những đặc trưng cơ bản của bầu không khí tâm lý tổ chức như quy mô tổ chức, cấu trúc chính thức của tổ chức, phong cách lãnh đạo, sứ mệnh của tổ chức... (các công trình nghiên cứu của L. James, A. Jones [83]); hay hướng nghiên cứu về những đặc điểm của môi trường tâm lý (chú ý đến mối quan hệ liên nhân cách) với các tác giả như E.E. Lawer, D.T. Hall, G.R. Oldham [78], R. Likert [86]. Điều đáng lưu ý là với những hướng nghiên cứu này, các nhà nghiên cứu đã đưa ra những chỉ số cụ thể nhằm đánh giá bầu không khí tâm lý như: cơ cấu tổ chức, khen thưởng trong tổ chức, sự quan tâm của lãnh đạo đối với cấp dưới, không khí thân thiện trong tổ chức, ý chí của người ra quyết định, quan hệ liên nhân cách, quan hệ chỉ huy và phục tùng trong tổ chức.

Hiện tại, việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý được tiếp cận giải quyết theo ba vấn đề chính: Một là, bầu không khí tâm lý của tổ chức là kết quả của sự tác động qua lại của các yếu tố (quy mô, cơ cấu, chức năng, chế độ kiểm tra, kiểm soát, chế độ quản lý, phong cách lãnh đạo, đặc trưng tâm lý nhân cách, vai trò được phân công...) trong tổ chức đó; Hai là, bầu không khí tâm lý của tổ chức là nguyên nhân tác động đến năng suất lao động; Ba là, bầu không khí tâm lý của tổ chức là yếu tố điều chỉnh, điều khiển hành vi của cá nhân và của nhóm.

Có thể nói, lịch sử Tâm lý học phương Tây đã ghi nhận nhiều kết quả nghiên cứu quan trọng về bầu không khí tâm lý của tổ chức. Các công trình nghiên cứu đã nhận diện được các yếu tố quy định bầu không khí tâm lý của tổ chức, khẳng định vai trò của bầu không khí tâm lý đối với việc thực hiện các chức năng của tổ chức và nhất là đã xác định được hệ thống phương pháp nghiên cứu bầu không khí tâm lý của nhóm, của tổ chức trong các đơn vị sản xuất cụ thể. Tuy nhiên, do các nghiên cứu xuất phát từ nhiều quan điểm lý luận khác nhau, bằng những phương pháp khác nhau nên kết quả nghiên cứu thu được cũng khác nhau, thậm chí có nhiều mâu thuẫn.

Bên cạnh những thành tựu nổi bật trong Tâm lý học phương Tây nói trên, cần nhấn mạnh đến những đóng góp của các nhà Tâm lý học Mác-xít. Họ cũng đi sâu nghiên cứu các hiện tượng tâm lý xã hội, đặc biệt là vấn đề bầu không khí tâm

lý tập thể. Nhiệm vụ của các nhà Tâm lý học Mác-xít là làm rõ nguồn gốc, bản chất và vai trò của những hiện tượng tâm lý xã hội đối với đời sống và hoạt động của con người trong nhóm, trong tập thể; đề cao sự hòa hợp, đoàn kết tâm lý nhằm mục đích xây dựng tập thể lao động xã hội chủ nghĩa, xây dựng nhân cách con người trong chế độ mới. Cụ thể là những nghiên cứu sau:

Năm 1963, tại Đại hội lần thứ hai Hội Tâm lý học Xô-viết, những vấn đề lý thuyết chung về bầu không khí tâm lý đã được các nhà Tâm lý học như E.V. Xô-rô-khô-va, N.C. Man-xu-nốp, K.K. Pla-tô-nốp trình bày, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong một tập thể - được xem là cơ sở cho việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể. Cũng trong Đại hội này, người ta đã thông báo về kết quả trắc đạt đầu tiên về mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể khác nhau do K.K. Pla-tô-nốp chỉ đạo.

Năm 1966, lần đầu tiên N.C. Man-xu-nốp sử dụng thuật ngữ bầu không khí tâm lý. Trong nghiên cứu của mình, ông đã liệt kê các yếu tố ảnh hưởng đến năng suất lao động, trong đó có bầu không khí tâm lý tập thể; đồng thời cũng chỉ ra một số con đường để xây dựng bầu không khí tâm lý thuận lợi ở các nhà máy và xí nghiệp công nghiệp.

Một trong những người đầu tiên đưa ra khái niệm bầu không khí tâm lý là V.M. Sêpel. Ông cho rằng: “Bầu không khí tâm lý là sắc thái xúc cảm của những mối quan hệ về mặt tâm lý giữa các thành viên trong tập thể. Nó xuất hiện trên cơ sở có sự gần gũi thiện cảm giống nhau về mặt tính cách, hứng thú, xu hướng” [70, tr.18]. Trong quyển “*Tâm lý học trong quản lý sản xuất*”, ông đã phát triển định nghĩa này và nêu rõ ba thành phần của bầu không khí tâm lý (không khí xã hội, không khí đạo đức, không khí tâm lý).

Từ cuối những năm 60 của thế kỷ XX, nhiều nhà Tâm lý học Xô-viết tiếp tục nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể và đạt được nhiều thành tựu cả về lý luận và thực tiễn như B.V. Xô-rô-khô-va, E.X. Cu-đơ-min, J.P. Vôn-cốp, O.I. Zô-tô-va, A.X. Trec-nur-sep, M.N. Nô-trep-nhic, A.A. Sê-tốp, G.A. Mô-tre-nốp, A.A. Ru-sa-li-nốp, A.V. Pê-tơ-rốp-xơ-ki, M.G. I-a-rô-sép-xơ-ki...

Trong đó, A.X. Trec-nur-sep đã chỉ ra sự phụ thuộc của ý thức trách nhiệm của cá nhân, ảnh hưởng của tổ chức đến sự hình thành bầu không khí tâm lý. A.A. Sê-tốp đưa ra luận điểm về không khí tâm lý và cho rằng đây là sự thống nhất các thành phần tâm lý xã hội phản ánh tính chất, nội dung và các điều kiện tổ chức hoạt động của các thành viên trong tập thể, các quan hệ chính thức và không chính thức trong giao tiếp tập thể. Trong quyển “*Từ điển Tâm lý học*” do A.V. Pê-tơ-rốp-xơ-ki, M.G. I-a-rô-sép-xơ-ki chủ biên có nêu rõ không khí tâm lý là hệ thống các quan hệ cảm xúc ổn định bao gồm toàn bộ các thể hiện về tính tình, các trải nghiệm tâm lý, quan hệ lẫn nhau, thái độ đối với công việc và với những sự kiện diễn ra xung quanh.

Qua nghiên cứu, có thể khái quát những vấn đề lớn về bầu không khí tâm lý mà các nhà Tâm lý học Xô-viết tập trung nghiên cứu như sau:

- *Về nội dung*: xem bầu không khí tâm lý là trạng thái ý thức, tâm trạng của tập thể, phản ánh tính chất các mối quan hệ giữa các thành viên, phản ánh điều kiện lao động và toàn bộ quá trình tổ chức lao động (E.X. Cu-đơ-min, V.G. Pô-đô-ma-cốp, V.E. Xê-mê-nốp, K.K. Pla-tô-nốp).

- *Về biểu hiện*: Bầu không khí tâm lý được biểu hiện qua mối quan hệ giữa người lao động với công việc và đối với những người xung quanh (C.K. Pô-nốp, V.L. Mikheev, A.I. Xec-ba-cốp); được biểu hiện qua những hiện tượng tâm lý cảm xúc và tâm trạng của cuộc sống bên trong của tập thể như tâm trạng nhóm, vấn đề uy tín, hiện tượng bất chước...

- *Về quá trình hình thành*: chịu sự chi phối của yếu tố vĩ mô (chế độ xã hội, truyền thống, tâm lý vùng miền...) và yếu tố vi mô (mối quan hệ liên nhân cách, phong cách lãnh đạo, lợi ích...), trong đó nhấn mạnh mức độ phù hợp về tâm lý của tập thể, phong cách lãnh đạo của người lãnh đạo chỉ huy, trình độ nhận thức, tư tưởng... của người lãnh đạo và người bị lãnh đạo (E.X. Cu-đơ-min, V.L. Mikheev).

- *Về vai trò của bầu không khí tâm lý trong hoạt động và trong cuộc sống*: ảnh hưởng đến năng suất lao động, tính tích cực sáng tạo lao động, sự hài lòng về công việc và các mối quan hệ trong tập thể (V.L. Mikheev).

Tóm lại, với lập trường của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, đội ngũ các nhà Tâm lý học Xô-viết đã đạt được những kết quả nghiên cứu quan trọng về bầu không khí tâm lý, nhất là về bản chất của nó, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của nền Tâm lý học Mác-xít nói riêng và Tâm lý học nói chung.

1.1.2. Những nghiên cứu ở trong nước về bầu không khí tâm lý của lớp học

Ở Việt Nam, những nghiên cứu về bầu không khí tâm lý chưa nhiều, chưa mang tính hệ thống. Qua nghiên cứu, có thể thấy bầu không khí tâm lý đã được nghiên cứu theo nhiều hướng khác nhau. Đầu tiên, khái niệm bầu không khí tâm lý được xem như là nội dung cơ bản được các tác giả quan tâm, phân tích trong các giáo trình, tài liệu Tâm lý học và một số tài liệu có liên quan. Cụ thể là những tài liệu sau:

Trong “*Từ điển Tâm lý học*” của tác giả Vũ Dũng (chủ biên) nêu rõ khái niệm bầu không khí tâm lý do các nhà Tâm lý học Xô Viết đưa ra nhằm để chỉ biểu hiện tâm lý của tập thể. Đó chính là phương diện về chất của mối quan hệ liên nhân cách, xuất hiện trong sự tổng hòa các điều kiện tâm lý - những điều kiện thúc đẩy hoặc cản trở hiệu quả hoạt động chung và sự phát triển toàn diện của nhân cách trong nhóm. Tác giả cũng đã chỉ ra những yếu tố tác động đến bầu không khí tâm lý xã hội như phong cách lãnh đạo, điều kiện làm việc, sự thỏa mãn nhu cầu, lợi ích của người lao động [10, tr.37]. Ngoài ra, trong quyển “*Tâm lý học xã hội và quản lý*”, tác giả còn cho rằng bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý của tập thể, thể hiện sự phối hợp tâm lý xã hội, sự tương tác giữa các thành viên và mức độ dung hợp các đặc điểm tâm lý trong quan hệ liên nhân cách. Tác giả còn nhấn mạnh “sự lây lan tâm lý” trong các yếu tố tác động đến bầu không khí tâm lý [8, tr.81].

Tác giả Trần Trọng Thủy trong giáo trình “*Tâm lý học lao động*” [63, tr.86] và “*Tâm lý học quản lý*” [60, tr.13-94] đã xem bầu không khí tâm lý là tính chất của mối quan hệ tác động qua lại giữa mọi người trong tập thể. Theo đó, tác giả đã chỉ ra mối quan hệ biện chứng giữa bầu không khí tâm lý xã hội với hiệu quả lao

động và sự ổn định tập thể cũng như đưa ra các biện pháp nhằm xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh, tích cực.

Tác giả Nguyễn Hải Khoát trong *“Những cơ sở Tâm lý học trong công tác của người lãnh đạo”* hướng nghiên cứu của mình vào yếu tố lãnh đạo và sự dung hợp nhóm trong hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý [33].

Tác giả Đỗ Long và các cộng sự trong *“Tâm lý học xã hội - những lĩnh vực ứng dụng”* có đề cập đến các yếu tố hình thành nên bầu không khí tâm lý bao gồm nhân tố vật chất, hệ thống kích thích lao động, yếu tố bên trong nhóm, đạo đức nhóm, vai trò của người lãnh đạo và sự thích nghi của công nhân đối với công việc [42].

Tác giả Bùi Ngọc Oánh trong quyển *“Tâm lý học trong xã hội và quản lý”* cho rằng: Bầu không khí tập thể phản ánh tính chất, nội dung, xu hướng tâm lý của các thành viên trong tập thể đó. Bầu không khí được hình thành do nhiều nhân tố như sự lây lan tâm lý, điều kiện hoạt động của tập thể, sự hòa hợp giữa các thành viên, sự lãnh đạo của người cán bộ quản lý... [50, tr.207].

Tác giả Nguyễn Đình Xuân và Vũ Đức Đán trong *“Tâm lý học quản lý”* thống nhất cho rằng bầu không khí tâm lý của tập thể lao động chính là không gian trong đó chứa đựng trạng thái tâm lý chung của một tập thể lao động, tác động lên tâm tư, tình cảm của mỗi một con người trong tập thể và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của từng cá nhân và của tập thể [72, tr.144].

Tác giả Mai Hữu Khuê trong quyển *“Tâm lý học trong quản lý Nhà nước”* có đề cập đến bầu không khí tâm lý trong tập thể. Tác giả cho rằng bầu không khí tâm lý được hình thành từ thái độ của mọi người đối với lao động, bạn bè và những người lãnh đạo họ. Bầu không khí tâm lý trước hết liên quan đến trình độ nhận thức, tư tưởng và hiểu biết chính trị. Cơ sở của bầu không khí tâm lý trong xí nghiệp là sự thỏa mãn hay không thỏa mãn về công tác. Nghiên cứu bầu không khí tâm lý về thực chất là nghiên cứu dư luận xã hội ở tập thể về các vấn đề thái độ lao động, thái độ đối với tập thể, đối với lãnh đạo và những người khác, sau đó đưa ra những biện pháp cần thiết trên cơ sở xử lý những thông tin tâm lý thu thập được [36, tr.143].

Phan Thị Kim Ngân trong “*Tâm lý học quản lý*” nhấn mạnh những đặc điểm thể hiện bầu không khí tâm lý lành mạnh. Đó chính là sự chú ý, sự phấn chấn tinh thần, yêu cầu dựa trên mục đích rõ ràng và nhiệm vụ hấp dẫn của hoạt động chung, sự thiện cảm giữa các thành viên với nhau, tình trạng chịu trách nhiệm lẫn nhau và đòi hỏi nghiêm túc của mọi người đối với nhau [45, tr.130].

Tác giả Đào Thị Oanh trong quyển “*Tâm lý học xã hội*” nhấn mạnh mối tương quan giữa không khí tâm lý xã hội của nhóm lao động với đạo đức nhóm, sự tương đồng tâm lý và năng suất lao động [48].

Trong quyển “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kỷ luật quân sự*”, tác giả Nguyễn Ngọc Phú khẳng định bầu không khí tâm lý tích cực là một trong các yếu tố tham gia tạo thành tính kỷ luật của một tập thể quân nhân. Tác giả còn nhấn mạnh những biểu hiện của bầu không khí tâm lý như sự tin tưởng, đòi hỏi cao, tương thân tương ái và vì nhau trong các công việc tập thể [51, tr.69-72].

Trong “*Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo*”, tác giả Nguyễn Bá Dương cho rằng bầu không khí tâm lý là hiện tượng tâm lý biểu hiện mức độ hoạt động, hòa hợp các phẩm chất tâm lý của con người trong tập thể. Tác giả cũng đã phân tích các yếu tố quy định bầu không khí tâm lý như môi trường tự nhiên tạo nên chỗ ở, chỗ làm việc, sự kết hợp về mặt tâm lý giữa các thành viên trong tập thể [11, tr.203-207].

Tác giả Lê Ngọc Lan trong bài viết “*Bầu không khí tâm lý gia đình và việc giáo dục trẻ em*” quan tâm đến vai trò của bầu không khí tâm lý trong việc giáo dục trẻ và khẳng định: Bầu không khí tâm lý tích cực tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành những thói quen tốt và những thái độ tích cực đối với mọi người [39, tr.4].

Tác giả Lê Tuyết Ánh và Nguyễn Thanh Hằng trong quyển “*Tâm lý học xã hội*” tập trung phân tích hai biểu hiện là xung đột tâm lý và tương đồng tâm lý khi xét đến bầu không khí tâm lý tập thể [2, tr.45].

Trong quyển “*Tâm lý học*” của tác giả Vũ Thị Phượng cho rằng: Bầu không khí tâm lý xã hội trong nhóm là phương tiện biểu hiện về chất lượng của các mối

quan hệ giữa các cá nhân trong nhóm, xuất hiện trong các điều kiện tâm lý thúc đẩy hoặc cản trở hiệu quả hoạt động chung của cả nhóm [53, tr.197].

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền trong “*Tâm lý học quản trị kinh doanh*” khẳng định bầu không khí tâm lý không đơn thuần là tổng thể các phẩm chất cá nhân của từng người mà được hình thành từ các mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể. Tác giả cũng đã nêu ra những thông số để đánh giá bầu không khí tâm lý của tập thể, những đặc điểm của bầu không khí tâm lý tốt đẹp trong tập thể và những biện pháp cụ thể để xây dựng bầu không khí tâm lý lành mạnh [22, tr.79].

Tác giả Thái Trí Dũng trong “*Tâm lý học quản trị kinh doanh*” nêu rõ bầu không khí tâm lý của tập thể là trạng thái tâm lý xã hội phản ánh tính chất, nội dung của các mối quan hệ giữa các thành viên trong tập thể đó. Đồng thời chỉ ra những yếu tố tác động đến bầu không khí tâm lý như tác động từ phía môi trường vĩ mô và vi mô [7, tr.104].

Tác giả Hoàng Mộc Lan trong “*Tâm lý con người trong hoạt động quản lý*” khẳng định bầu không khí tâm lý tập thể tích cực hoặc tiêu cực đều tác động mạnh mẽ đến tâm tư, tình cảm của mỗi thành viên cũng như năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động [40].

Trong “*Tâm lý học quản lý*” của tác giả Vũ Duy Yên (chủ biên) đã chỉ ra rằng: Bầu không khí tâm lý xã hội trong tập thể tổ chức, cơ quan là trạng thái tâm lý tập thể, là nét đặc trưng phản ánh thực trạng các mối quan hệ nảy sinh trong hoạt động của tập thể. Nó như một nền (phông) trên đó diễn ra các hoạt động, sự giao tiếp giữa các thành viên trong tập thể [74, tr.101].

Ngoài ra còn có một số tác giả khác như Nguyễn Đình Chinh - Phạm Ngọc Uyển [5], Mai Hữu Khuê [36]... nghiên cứu về bầu không khí tâm lý dưới những góc độ khác nhau về nhiều lĩnh vực trong đời sống xã hội.

Như vậy dưới góc độ nghiên cứu lý luận, khái niệm bầu không khí tâm lý đã được các tác giả bước đầu tìm hiểu, phân tích, trình bày trong các tài liệu chủ yếu là các giáo trình, tài liệu chuyên khảo, tạp chí... Đây chính là nguồn tài liệu quý báu

làm cơ sở cho việc định hướng nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý.

Về nghiên cứu thực trạng, đã có một số đề tài tìm hiểu về bầu không khí tâm lý của những nhóm đối tượng khác nhau. Cụ thể là một số nghiên cứu sau:

Tác giả Đỗ Thị Hường với đề tài “*Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên sư phạm mẫu giáo và ảnh hưởng của nó tới tâm trạng cá nhân*” đã đưa ra khái niệm về bầu không khí tâm lý tập thể, chỉ ra sự tương quan của nó với tâm trạng của các thành viên trong tập thể, song vẫn chưa khái quát được các tiêu chí đánh giá bầu không khí tâm lý và sự tương quan nói trên chưa được phân tích rõ nét [30].

Tác giả Lê Thị Hân trong đề tài “*Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên và vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong việc xây dựng bầu không khí tâm lý*” cũng đã khái quát được nội hàm của bầu không khí tâm lý, đặc biệt đã nhấn mạnh vai trò của yếu tố lãnh đạo - thủ lĩnh trong việc xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực [20].

Tác giả Phạm Thị Tiết Hạnh nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể giáo viên trong một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*” [19], Nguyễn Ngọc Kỳ nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu không khí tâm lý ở học viên trường sỹ quan tăng thiết giáp*” [38], Trần Đức Hội nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể ở sinh viên trường cao đẳng sư phạm Ninh Bình*” [25], tác giả Vũ Đình Thắng nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu không khí tâm lý tập thể biên tập viên nhà xuất bản chính trị quốc gia*” [57], tác giả Nguyễn Thị Hải Vân nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể học viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy*” [67], tác giả Nguyễn Minh Hải nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong tập thể giáo viên trung học phổ thông tại thành phố Hạ Long - Quảng Ninh*” [18], tác giả Trần Đức Long nghiên cứu đề tài “*Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể học viên các trường đào tạo sỹ quan quân đội*” [43]. Với dạng đề tài này, các tác giả đã bước đầu xây dựng khái niệm bầu không khí tâm lý tập thể và đưa ra một số chỉ báo cụ thể nhằm khảo sát thực trạng ở các nhóm đối tượng khác nhau.

Tác giả Hoàng Đình Châu với bài viết “*Xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của tập thể khoa giáo viên trong các trường đào tạo sĩ quan*” [4] đã tập trung phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý và biện pháp tác động để xây dựng bầu không khí tích cực. Hướng nghiên cứu này chủ yếu nhấn mạnh đến yếu tố chấp hành mệnh lệnh giữa cấp trên - cấp dưới.

Tác giả Phạm Mạnh Hà với đề tài “*Tìm hiểu bầu không khí tâm lý tập thể và chiều hướng ảnh hưởng của nó đến năng suất lao động tại Công ty cổ phần Nam Thắng*” đã bước đầu đưa ra khái niệm về bầu không khí tâm lý và phân tích được những khía cạnh tác động cơ bản của nó đến hiệu quả lao động của nhân viên tại công ty này [16].

Tác giả Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu với đề tài “*Bầu không khí tâm lý một số lớp học tại trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và một số biện pháp cải thiện*” đã có cái nhìn khá đầy đủ về bầu không khí tâm lý, chỉ ra hai nhóm yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý và bước đầu đã xây dựng hệ thống các biện pháp nhằm cải thiện bầu không khí lớp học [24].

Tác giả Nguyễn Thị Bạch Ngọc nghiên cứu “*Thực trạng phong cách quản lý của hiệu trưởng ảnh hưởng lên bầu không khí tâm lý trong các trường trung học phổ thông tại thành phố Cần Thơ*”[46], tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền nghiên cứu “*Mối quan hệ giữa uy tín của hiệu trưởng với bầu không khí tâm lý của tập thể sư phạm ở một số trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh*”[21]. Đây là nhóm đề tài chủ yếu mô tả mối tương quan giữa các yếu tố thuộc về lãnh đạo (phong cách lãnh đạo, uy tín) với tâm trạng của các thành viên trong tập thể.

Nhìn chung, các đề tài nghiên cứu về bầu không khí tâm lý trong lĩnh vực sư phạm và quân đội chiếm số lượng nhiều, song có thể khẳng định rằng đây là vấn đề đã được nghiên cứu theo nhiều hướng tiếp cận khác nhau với những nhóm khách thể đa dạng, phong phú. Cũng cần lưu ý thêm về nét riêng của bầu không khí tâm lý nói chung và bầu không khí tâm lý ở các lớp học trong môi trường quân đội hay công an nói riêng. Trong môi trường đặc thù với những lớp học được tổ chức chặt chẽ, quy củ; nội quy, điều lệnh và kỷ luật nghiêm, việc xây dựng bầu không khí tâm

lý cũng có những khác biệt. Điều này giúp người nghiên cứu có những kế thừa, định hướng cho việc nghiên cứu cả về lý luận lẫn thực tiễn của đề tài. Thực tế cho thấy những đề tài nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong môi trường giáo dục thuộc lực lượng Công an nhân dân nói chung và lực lượng ANND nói riêng vẫn còn khá khiêm tốn, nhất là ở trường Đại học ANND vẫn chưa có đề tài nào đề cập đến. Điều này cho thấy đây là hướng nghiên cứu rất cấp thiết nhằm khảo sát, tìm hiểu, đánh giá thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND, theo đó đưa ra những kiến nghị và đề xuất những biện pháp hữu hiệu giúp cho việc xây dựng bầu không khí tâm lý của lớp học tích cực, đóng góp sự phát triển chung của lớp và của trường.

1.2. Một số vấn đề lý luận cơ bản về bầu không khí tâm lý của lớp học

1.2.1. Tập thể

Trong đời sống xã hội, con người không sống một mình mà sống trong mối quan hệ tương hỗ với người khác, chịu sự chi phối và phụ thuộc lẫn nhau. Trong luận đề thứ sáu của tác phẩm “*Luận cương về Phoi-ơ-bắc*”, C.Mác đã viết: “Bản chất con người không phải là một cái trừu tượng cố hữu của cá nhân riêng biệt. Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội” [3, tr.23-25]. Luận đề này có vai trò hết sức quan trọng, đã làm rõ bản chất con người do những quan hệ xã hội của con người quy định. Bản thân những quan hệ xã hội không độc lập, riêng rẽ mà đan xen, hòa quyện, tác động qua lại và trở thành yếu tố quan trọng cấu thành xã hội. Là thành viên của xã hội, con người chịu tác động mạnh mẽ của các quan hệ xã hội, thông qua các quan hệ xã hội mà con người hình thành và bộc lộ bản chất của mình. Chính sự tác động của các quan hệ xã hội đã kết tinh và định hình ở con người năng lực hoạt động thực tiễn, tư duy, sự tự ý thức và đánh giá và điều chỉnh hành vi.

Con người tồn tại trong cộng đồng xã hội, liên kết với nhau trong cộng đồng xã hội. Sự tồn tại và liên kết đó có thể ở dưới nhiều hình thức như nhóm, tập thể... Đặc biệt, việc nghiên cứu vấn đề tập thể đóng vai trò quan trọng trong Tâm lý học Mác-xít vì nó chính là khâu trung gian giữa xã hội và cá nhân. Ở đây cần lưu ý về

sự khác biệt giữa nhóm và tập thể. Nhóm là hiện tượng khách quan của đời sống xã hội đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ tác động qua lại giữa con người và xã hội, con người với con người. Nội hàm khái niệm này rộng hơn khái niệm tập thể, không phải bất cứ nhóm nào cũng là tập thể. Chúng ta có thể xem xét một số cách hiểu về nhóm của các tác giả sau:

L.J. Severy, J.C. Brigham, R. Schlenker cho rằng: “Nhóm là một tập hợp của hai hoặc nhiều người, giữa các thành viên có sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau về hành vi. Nhóm là một đơn vị tồn tại một cách có tổ chức, các thành viên của nhóm có cùng chung những lợi ích và mục đích” [84].

J.P. Chaplin định nghĩa: “Nhóm (nhóm xã hội) là sự tập hợp các cá nhân mà ở đó họ có một số đặc điểm chung hoặc cùng theo đuổi một mục đích giống nhau” [82, tr.462]. Tác giả còn đề cập đến số lượng thành viên trong nhóm, cụ thể là hai hoặc một số cá nhân mà giữa họ có sự tương hợp với nhau.

Theo E.H. Chein: “Nhóm là một cộng đồng của con người mà ở đó các thành viên có sự tương tác lẫn nhau, có sự hiểu biết lẫn nhau và tự ý thức về nhóm của mình” [79, tr.67]. Ông đã nhấn mạnh những đặc điểm quan trọng của nhóm là khả năng tương tác lẫn nhau và khả năng hiểu biết lẫn nhau.

Trong “*Từ điển Tâm lý học*” có nêu khái niệm về nhóm. Nhóm là một cộng đồng có từ hai người trở lên, giữa các thành viên có chung lợi ích và mục đích, có sự tương tác và ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình hoạt động chung. Tác giả và cộng sự còn nhấn mạnh: Độ lớn, cấu trúc và thành phần của nhóm được xác định tùy theo mục đích và nhiệm vụ mà nhóm thực hiện hoặc nhờ đó mà nhóm được thiết lập [10, tr.561].

Tác giả Vũ Thị Phượng cho rằng: “Nhóm không đơn giản là một tập hợp người mà còn là thể hiện vai trò chủ thể của hoạt động nhất định và thông qua hoạt động này nó được đưa vào toàn bộ hệ thống các mối quan hệ xã hội” [53, tr.171].

Nhóm tác giả Nguyễn Đình Chính, Phạm Ngọc Uyển cho rằng: “Nhóm là một cộng đồng người sẽ luôn được thống nhất với nhau về một số dấu hiệu chung, cùng tham gia thực hiện những mục tiêu cụ thể một cách trực tiếp hay gián tiếp theo

vai trò của mình và có một thủ lĩnh xác định” [5, tr.85].

Nhìn chung, các nhà Tâm lý học xã hội hiểu nhóm là một tập hợp người có quan hệ với nhau, cùng theo đuổi một mục đích chung và có những chức năng, nhiệm vụ khác nhau trong nhóm.

Tập thể cũng chính là nhóm, nhưng là hình thức phát triển cao nhất của nhóm. Trong Tâm lý học Mác-xít, tập thể là đối tượng nghiên cứu của nhiều công trình. Theo A.X. Macarenco, tập thể chính là nhóm người được thừa nhận về mặt pháp lý, thống nhất theo một mục đích chung, hoạt động vì sự tiến bộ xã hội. Tập thể là hình thức liên kết mọi người, là một tổ chức xã hội trong một xã hội lành mạnh của con người [19, tr.14-15].

A.G. Côvaliốp cho rằng: Tập thể là một khối cộng đồng người nhằm thực hiện những mục đích có ý nghĩa xã hội. Những mục đích này có thể có tính chất hành chính - Nhà nước, tính chất sản xuất, khoa học, học tập, thể thao [1, tr.148].

Tác giả Vũ Dũng cho rằng: Tập thể là nhóm người được liên kết với nhau bởi các mục đích và các nhiệm vụ của hoạt động chung, đã phát triển ở trình độ cao [10, tr.787].

Theo tác giả Trần Trọng Thủy: “Tập thể là một nhóm người, một bộ phận xã hội thống nhất bằng những mục đích chung trong sự hoạt động phối hợp cùng nhau. Tập thể chỉ có được với điều kiện là nó thống nhất được mọi người trên những nhiệm vụ hoạt động và hoạt động ấy phải có ích cho xã hội” [63, tr.84].

Tác giả Vũ Thị Phượng cho rằng: Tập thể là tập hợp nhiều người lao động trong một tổ chức chặt chẽ nhằm thực hiện mục đích chung, những hoạt động thích hợp và mục đích chung đó phải phù hợp với lợi ích của xã hội [53, tr.180].

Tác giả Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu quan niệm: Tập thể là một nhóm người có tổ chức chặt chẽ, quan hệ với nhau nhằm thực hiện mục đích chung, cùng thống nhất trong hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho xã hội, lợi ích tập thể và lợi ích của mỗi người [21, tr.16].

Tác giả Nguyễn Hải Khoát trong quyển “*Những khía cạnh tâm lý của công tác cán bộ*” viết: “Tập thể là một nhóm người có tổ chức chặt chẽ, thống nhất theo

một mục đích chung và đang hoạt động, phục vụ xã hội” [34, tr.176].

Trong quyển “*Một số vấn đề tâm lý học trong quản lý sản xuất*” có đề cập đến khái niệm cụ thể về tập thể lao động: “Tập thể lao động là một tập hợp nhiều người lao động trong một tổ chức chặt chẽ nhằm những mục đích chung, có những mục tiêu và nhiệm vụ thống nhất, có sự nhất trí về tư tưởng, chính trị và đạo đức, có kỷ luật lao động tập thể, tự giác, có sự lãnh đạo thống nhất từ trên xuống dưới, có sự quản lý chặt chẽ về mọi mặt lao động sản xuất và sinh hoạt tập thể” [73, tr.63].

Như vậy, các tác giả nói trên đã đưa ra những khái niệm về tập thể theo cách nhìn của riêng họ, song đều có chung nhận thức rằng tập thể là một tập hợp nhiều người hoạt động trong một tổ chức chặt chẽ nhằm thực hiện những mục đích chung, đảm bảo quyền lợi cho tập thể và cho mọi người.

Tổng hợp các khái niệm về tập thể, trong luận văn này, người nghiên cứu đưa ra định nghĩa về tập thể như sau: *Tập thể là một nhóm người có tổ chức chặt chẽ, liên kết với nhau vì mục đích chung, cùng thống nhất trong hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho xã hội, tập thể và cho mỗi thành viên trong tập thể.*

Nghiên cứu về tập thể, cần thống nhất nhận thức về những vấn đề có liên quan để hiểu sâu sắc hơn về khái niệm tập thể, cụ thể như sau:

Một là về những đặc trưng cơ bản của tập thể: Bao gồm một số khía cạnh như:

- *Mục đích hoạt động của tập thể luôn thống nhất và mang ý nghĩa xã hội.*

Đây chính là dấu hiệu quan trọng để một nhóm xã hội trở thành tập thể. Tập thể là những nhóm người có sự thống nhất trong hoạt động vì mục đích chung, vì mục đích xã hội. Song để tập thể phát triển và phát huy được sức mạnh của nó, là nơi khơi nguồn sức sáng tạo, bản lĩnh và năng lực của mỗi thành viên thì mỗi người cần nhận thức rõ những mục tiêu của tập thể đặt ra, đạt được sự thống nhất về mục đích chung, về hoạt động, hướng tới đảm bảo lợi ích cá nhân, lợi ích tập thể và lợi ích xã hội.

- *Có tổ chức chặt chẽ, hoạt động mang tính kế hoạch cao.*

Với tư cách là một tổ chức, hoạt động của tập thể không thể diễn ra một cách

tùy tiện, vô tổ chức, mà nó đòi hỏi phải có tính tổ chức, có kế hoạch hoạt động cụ thể, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các thành viên trong tập thể. Theo đó, càng thấy rõ vai trò quan trọng của người lãnh đạo trong tập thể, đặc biệt là trong các khâu điều hành, chỉ đạo lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, kêu gọi sự nỗ lực của mọi người hướng vào việc thực hiện các mục tiêu của tập thể, tạo điều kiện vật chất, tinh thần để thực hiện kế hoạch, đảm bảo mọi hoạt động của tập thể đi vào nề nếp.

- Có tính kỷ luật chặt chẽ, nghiêm minh.

Một trong những yếu tố đóng vai trò là điều kiện của sự tồn tại và phát triển của tập thể là yếu tố kỷ luật. Kỷ luật sẽ tạo ra sự thống nhất, quy củ, trật tự trong hoạt động của các thành viên. Tuy nhiên, cũng cần nhấn mạnh rằng kỷ luật không chỉ hiểu một cách đơn giản là sự tuân thủ tuyệt đối của người dưới quyền với cấp trên mà thực chất là sự ý thức của mỗi thành viên về nghĩa vụ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nghĩa vụ đối với xã hội, về tinh thần trách nhiệm trước tập thể và thói quen thực hiện nghiêm túc những quy định của tập thể.

- Quan hệ giữa các thành viên được xây dựng trên tinh thần đồng chí, đồng đội và phụ thuộc lẫn nhau về trách nhiệm xã hội.

“Quan hệ tập thể là sự phối hợp hiệp đồng tạo ra những khả năng và sức mạnh mới vượt xa sức mạnh của tất cả các thành viên cộng lại. Quan hệ tập thể được biểu hiện tập trung ở bầu không khí chính trị, đạo đức và tâm lý lành mạnh, ở tính chất dân chủ nội bộ và tín nhiệm của người chỉ huy, lãnh đạo. Thành công của công tác giáo dục chính trị phần lớn phụ thuộc vào chỗ, những quan hệ nào đang hình thành trong tập thể, bầu không khí nào đang ngự trị trong đó” [51, tr.320]. Trong tập thể, các thành viên đều hướng tới việc xây dựng các mối quan hệ trên nền tảng của tinh thần đoàn kết, hiệp đồng, sự quan tâm lẫn nhau, đòi hỏi cao ở nhau vì mục đích chung và sự thống nhất trong hoạt động của tập thể. Theo đó, sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của mỗi thành viên.

- Có sự lãnh đạo tập trung, thống nhất.

Hoạt động của tập thể muốn đạt kết quả cao không thể không đề cập đến vai trò của người lãnh đạo. Họ chính là nhân tố hướng sự nỗ lực của mọi người vào

những mục tiêu chung của tập thể để cùng thống nhất trong hành động. Đồng thời, sự lãnh đạo tập trung, thống nhất cũng sẽ mang lại trật tự, nề nếp trong các hoạt động của tập thể.

- Có dư luận lành mạnh, phù hợp với dư luận chung của xã hội.

Đây cũng chính là điều kiện quan trọng để tập thể phát triển. Những đánh giá, thái độ chung đối với các sự kiện xã hội, hành vi, hành động của mỗi người luôn dựa trên nền tảng đạo đức xã hội chủ nghĩa và mục đích hoạt động của tập thể. Thông qua dư luận, mỗi thành viên hiểu nhau hơn, điều chỉnh hành vi cho phù hợp với sự thống nhất về tư tưởng, đạo đức trong tập thể.

- Mang những nét tâm lý xã hội đặc thù của nhóm.

Như trên phân tích, tập thể cũng chính là nhóm nhưng là hình thức phát triển cao nhất của nhóm. Và lẽ dĩ nhiên nó thể hiện rõ nét những đặc điểm tâm lý của mình. Tâm lý tập thể là một mặt đời sống tinh thần của tập thể, phản ánh những điều kiện sống chung và cả những điều kiện sống và hoạt động riêng của tập thể như thành phần tập thể, đặc điểm của nhiệm vụ tập thể, truyền thống tập thể, phong cách lãnh đạo, trong đó đặc trưng tâm lý của mỗi tập thể được biểu hiện tập trung ở bầu không khí tâm lý tập thể.

Hai là, về các giai đoạn và trình độ phát triển của tập thể:

Nghiên cứu sự phát triển của tập thể, các nhà Tâm lý học đều xuất phát từ nguyên lý phát triển của triết học Mác - Lênin. Theo nguyên lý phát triển, các sự vật, hiện tượng vận động và phát triển không ngừng từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ kém hoàn thiện đến hoàn thiện hơn thông qua quá trình giải quyết mâu thuẫn, tích lũy về lượng dẫn đến thay đổi về chất.

Thực tế có nhiều quan niệm khác nhau về giai đoạn và trình độ phát triển của tập thể. Qua nghiên cứu, có thể tóm lược thành những quan niệm cơ bản sau:

Quan niệm thứ nhất, chia sự phát triển của tập thể thành ba giai đoạn. Tiêu biểu cho quan niệm này là các tác giả: A.X. Macarenco (Giai đoạn sơ bộ, giai đoạn phân hóa, giai đoạn tổng hợp); các tác giả quyển “*Tâm lý học quân sự*” [41, tr.259-260], Mai Hữu Khuê [36, tr.154-158] (giai đoạn tập thể mới hình thành, giai đoạn

hình thành những nhóm hạt nhân tích cực và giai đoạn tập thể có trình độ phát triển cao).

Quan niệm thứ hai, đại diện là A.B. Pêtrôpxki [48, tr.44]. Ông đã dựa trên “Quan điểm tầng bậc của tính tích cực nhóm”. Theo quan điểm này, nhóm gồm có ba tầng, mỗi tầng được đặc trưng bởi một nguyên tắc xác định, trong đó các mối quan hệ giữa các thành viên được hình thành.

Quan niệm thứ ba, phân chia sự phát triển của tập thể thành bốn giai đoạn. Đại diện cho quan niệm này là A.G. Kôvaliov và trong nước là các tác giả Trần Trọng Thủy, Bùi Văn Huệ. Bốn giai đoạn đó là giai đoạn tổng hợp sơ cấp (hoàn thành việc lựa chọn các thành viên, bố trí họ vào các vị trí công tác); giai đoạn cấu trúc hóa (phân hóa); giai đoạn ba là giai đoạn tổng hợp thật sự hay hợp nhất mọi người vào trong tập thể (tổng hợp lần hai) và giai đoạn phát triển cao (yêu cầu tối đa đối với bản thân mỗi người trên nền tảng yêu cầu của tập thể).

Tuy còn có nhiều ý kiến khác nhau về giai đoạn phát triển của tập thể, nhưng sự phân chia này chỉ mang tính chất ước lệ vì sự phát triển của tập thể là sự phát triển liên tục. Mỗi giai đoạn sẽ là cột mốc đánh dấu sự chín muồi của các quan hệ xã hội, mức độ đoàn kết, trình độ phát triển cũng như trình độ tổ chức khoa học của tập thể. Theo đó, việc nghiên cứu các giai đoạn phát triển của tập thể sẽ giúp chúng ta chỉ ra đặc điểm của từng giai đoạn, làm cơ sở định hướng cho việc lựa chọn phương pháp lãnh đạo, quản lý thích hợp. Đặc biệt là qua mỗi giai đoạn phát triển của tập thể sẽ nhận diện được bầu không khí tâm lý tập thể tương ứng với mỗi giai đoạn đó.

1.2.2. Lớp học

Trên cơ sở khái niệm tập thể và những đặc trưng của nó, người nghiên cứu cho rằng lớp học (tại trường đại học) là một dạng tập thể sinh viên trong nhà trường, được tổ chức chặt chẽ theo những tiêu chí nhất định, trong đó các thành viên (sinh viên) có ý thức xây dựng các mối quan hệ với nhau nhằm thực hiện mục đích chung là học tập và rèn luyện, cùng thống nhất trong hoạt động nhằm mang lại lợi ích cho tập thể lớp học, xã hội và cho mỗi sinh viên.

Với cách hiểu như trên, lớp học có những đặc trưng cơ bản như sau:

- Một là, mục đích hoạt động của lớp học luôn thống nhất và mang ý nghĩa xã hội, cụ thể là mục đích học tập và rèn luyện.

Lớp học là tập hợp những nhóm sinh viên có tổ chức chặt chẽ, tương đối ổn định, bền vững, được hình thành theo các tiêu chí như độ tuổi, trình độ học vấn, chuyên ngành... Sinh viên trong những lớp học được giáo dục theo mục tiêu, yêu cầu của chương trình đào tạo cụ thể với mục đích bồi dưỡng kiến thức, nâng cao năng lực, rèn luyện các phẩm chất tâm lý tích cực cho sinh viên nhằm đáp ứng các nhu cầu chung của xã hội (xã hội cần, ngành cần). Mục đích học tập đó được tất cả các sinh viên trong lớp học lĩnh hội, tạo nên sự thống nhất với nhau về mục đích chung, về hoạt động của lớp học, về sự giải quyết hài hòa giữa lợi ích lớp học và lợi ích sinh viên.

- Hai là, lớp học có tổ chức chặt chẽ, hoạt động mang tính kế hoạch cao.

Mỗi một lớp học được cấu trúc với số lượng thành viên ổn định. Mọi hoạt động của lớp học có tính kế hoạch cao, giữa các sinh viên có sự phối hợp chặt chẽ trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập và rèn luyện. Sinh viên trong lớp học thường có sự tương đồng về độ tuổi, trình độ học vấn, vốn kinh nghiệm sống... nên có thể tồn tại cùng nhau một cách liên tục và khá ổn định. Tính tổ chức, kế hoạch còn được thể hiện ở cơ cấu các thành viên trong lớp học, trong đó phải kể đến đội ngũ Ban cán sự lớp (lớp trưởng, lớp phó phụ trách các mảng hoạt động của lớp); cán bộ Đoàn trong Ban chấp hành Chi đoàn lớp, Đoàn Khoa và Đoàn trường; cán bộ Hội... hoạt động theo chương trình, kế hoạch cụ thể và đặc biệt là giảng viên và giáo viên chủ nhiệm lớp. Đây là lực lượng có vai trò quan trọng trong việc tổ chức hoạt động giảng dạy và giáo dục nhằm hướng sinh viên đến việc thực hiện mục đích chung của lớp học.

- Ba là, lớp học hoạt động theo những nội quy, quy định đã được thống nhất và có tính kỷ luật.

Căn cứ vào mục đích hoạt động chung của lớp học, dựa trên hệ thống nội quy, quy định của Nhà trường, tập thể lớp học có những nội quy, quy định cụ thể để

đảm bảo cho các hoạt động diễn ra trong lớp học được hiệu quả, nề nếp. Các nội quy chủ yếu quy định trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của từng sinh viên đối với việc học tập và rèn luyện, nhất là thái độ trong học tập, rèn luyện, giao tiếp ứng xử với giáo viên, với nhân viên trong trường và với nhau... để tạo ra sự thống nhất, trật tự trong hoạt động của các thành viên. Theo đó, sẽ điều chỉnh hành vi của mỗi sinh viên, giúp cho họ hiểu biết nhau hơn, tạo điều kiện cho việc thống nhất nhận thức, tình cảm và ý chí trong tập thể lớp học.

Tính kỷ luật trong lớp học được cũng là một trong những yếu tố đóng vai trò là điều kiện của sự tồn tại và phát triển của tập thể lớp học. Tuy nhiên, kỷ luật chỉ phát huy được sức mạnh của nó nếu mỗi sinh viên tự ý thức về nghĩa vụ thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, nghĩa vụ đối với xã hội, về tinh thần trách nhiệm trước tập thể, thói quen thực hiện nghiêm túc những quy định của nhà trường và của lớp học.

- Bốn là, các mối quan hệ của sinh viên được xây dựng trên tinh thần đồng đội và phụ thuộc lẫn nhau về trách nhiệm học tập và rèn luyện.

Trong tập thể lớp học, các sinh viên gắn kết với nhau trên cơ sở tình bạn đồng môn, trách nhiệm đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện. Mối quan hệ này sẽ càng được củng cố nếu phát huy được tinh thần đoàn kết, hiệp đồng, sự quan tâm lẫn nhau, đòi hỏi cao ở nhau vì mục đích chung và sự thống nhất trong hoạt động của tập thể. Theo đó, sự phát triển của tập thể lớp học sẽ đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của mỗi thành viên trong lớp học đó.

- Năm là, có sự lãnh đạo tập trung và thống nhất.

Yếu tố lãnh đạo trong tập thể lớp học đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển và hiệu quả hoạt động của nó. Sự lãnh đạo đối với tập thể lớp học được biểu hiện rõ ở hoạt động của người giáo viên chủ nhiệm, của người giảng viên đứng lớp và cả đội ngũ Ban cán sự, cán bộ Đoàn - Hội nhằm đem lại sự thống nhất, tập trung, cùng hướng đến mục tiêu chung của tập thể. Đồng thời, sự lãnh đạo tập trung, thống nhất cũng sẽ mang lại trật tự, nề nếp trong các hoạt động của tập thể và sự đoàn kết giữa các thành viên.

- Sáu là, có dư luận lành mạnh và phù hợp với dư luận chung của xã hội.

Tập thể phát triển hay không, phải kể đến một trong những yếu tố điều kiện quan trọng là có dư luận lành mạnh. Ở đó, sinh viên đánh giá, bày tỏ thái độ chung đối với các sự kiện xã hội và thực hiện hành vi, hành động dựa trên nền tảng đạo đức xã hội chủ nghĩa và mục đích hoạt động chung của tập thể. Đồng thời, thông qua dư luận, sinh viên hiểu nhau hơn, gắn kết nhau hơn và tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp với sự thống nhất về tư tưởng, đạo đức và truyền thống của tập thể.

- Bấy là, lớp học mang những nét tâm lý xã hội đặc thù của nhóm.

Lớp học là một hình thức nhóm có tổ chức cao. Trong lớp học sẽ diễn ra những hiện tượng tâm lý xã hội đặc thù theo các quy luật nhóm. Những hiện tượng tâm lý này phản ánh bộ mặt đời sống tinh thần của lớp học, phản ánh những điều kiện sống chung và cả những điều kiện sống và hoạt động riêng của lớp học như đặc điểm của nhiệm vụ học tập và rèn luyện, truyền thống của lớp, thái độ và hành vi của sinh viên trong các hoạt động diễn ra ở lớp học, phong cách lãnh đạo của đội ngũ quản lý... Đặc biệt, những đặc trưng tâm lý của lớp học được biểu hiện tập trung ở bầu không khí tâm lý của lớp học.

Bên cạnh việc nhận diện những đặc trưng của lớp học, khi nghiên cứu về vấn đề này, cũng cần nhận thức rõ về các giai đoạn phát triển của lớp học. Trên cơ sở tìm hiểu các giai đoạn hình thành và phát triển của tập thể như đã nói ở trên, có thể xác định các giai đoạn phát triển của lớp học sau:

- Thứ nhất là giai đoạn tập hợp sinh viên theo những tiêu chí nhất định như độ tuổi, trình độ học vấn, chuyên ngành... Trong giai đoạn này, đội ngũ lãnh đạo (giảng viên đứng lớp, giáo viên chủ nhiệm) chịu trách nhiệm về nội dung, hoạt động và kế hoạch làm việc; nội quy, quy định của lớp học về kỷ luật, đạo đức, truyền thống. Đây mới chỉ là giai đoạn ban đầu nên giữa các thành viên chưa có sự gắn kết sâu sắc và thực chất chỉ mới hình thành được mối quan hệ bên ngoài giữa các thành viên. Nhu cầu gắn bó trong một lớp học chưa thật sự phát triển và cấp thiết. Vì vậy, chưa biến thành nhu cầu riêng của mỗi cá nhân. Bên cạnh đó, tâm thế sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ của sinh viên cũng khác nhau. Có sinh viên nhanh chóng hòa nhập và chủ động trong nhận thức, thái độ và hành vi, nhưng cũng có những sinh viên mới

đang dần tiếp cận đến. Những sinh viên có ý thức rõ về trách nhiệm, nghĩa vụ của người học sẽ sớm nhận thức, đáp ứng những yêu cầu của người lãnh đạo, tạo ra ảnh hưởng tích cực đến các sinh viên khác, dẫn đến hiện tượng lây lan thái độ hợp tác thiện chí trong hoạt động học tập và rèn luyện, tạo điều kiện cho lớp học chuyển sang giai đoạn phát triển sau.

- **Thứ hai** là giai đoạn phân hóa của lớp học. Xuất phát từ các yêu cầu của người giảng viên, giáo viên chủ nhiệm lớp, cán bộ quản lý lớp hoặc cán bộ Đoàn - Hội, lớp học mới hình thành sẽ phân hóa thành một số nhóm khác nhau như: nhóm tích cực chủ động, nhóm thụ động lành mạnh, nhóm thụ động tiêu cực và nhóm tiêu cực chống đối. Đặc trưng của nhóm tích cực chủ động là những thành viên trong nhóm có ý thức nhất sẽ liên kết thành đội ngũ cán sự hoặc thủ lĩnh của lớp. Họ bày tỏ thái độ thiện chí, nhiệt tình, ủng hộ các yêu cầu của giảng viên, chủ động, tích cực thực hiện và còn hô hào, lôi kéo những người khác cùng thực hiện nhiệm vụ hoạt động của lớp học. Đặc trưng của nhóm thụ động lành mạnh được thể hiện ở việc các sinh viên luôn trong tâm thế sẵn sàng thực hiện các mục tiêu, yêu cầu đề ra, song bản thân không có chính kiến, không tích cực tìm tòi và nêu sáng kiến mà luôn ở tâm thế thụ động chờ đợi. Nhóm thụ động tiêu cực là tập hợp những sinh viên có thái độ dửng dưng trước các hoạt động của lớp, không quan tâm đến các lợi ích, mục tiêu và nhiệm vụ của lớp học, thờ ơ trước các yêu cầu của giảng viên hay Ban cán sự lớp và thậm chí là có biểu hiện lảng tránh nhiệm vụ, trốn tránh trách nhiệm. Nhóm tiêu cực chống đối là nhóm tập trung những sinh viên ngang nhiên bày tỏ thái độ chống đối các yêu cầu của giảng viên hay Ban cán sự lớp, chủ động lôi kéo các thành viên khác vào nhóm để hoạt động chống đối.

Tiêu chí để xác định phân nhóm là thái độ đối với nhiệm vụ của lớp học. Trong lớp học, nhóm chủ động tích cực là những thành phần nòng cốt có thái độ tích cực, nhiệt tình trong thực hiện nhiệm vụ của lớp học. Nhóm này đóng vai trò quan trọng trong việc hình thành những dư luận xã hội của lớp học, tích cực ủng hộ những hoạt động của người lãnh đạo, cùng với mọi người xây dựng lớp học phát triển. Giảng viên đứng lớp, giáo viên chủ nhiệm cần quan tâm và phát huy vai trò

của đội ngũ cốt cán, chủ động tác động và tạo điều kiện thuận lợi cho nhóm thụ động lành mạnh chuyển hóa thành nhóm tích cực chủ động. Với nhóm thụ động tiêu cực thì phải có biện pháp tác động hữu hiệu để giúp các thành viên trong lớp học xóa bỏ thái độ dửng dưng, thờ ơ, chuyển sang chiều hướng hòa đồng, biết quan tâm và trách nhiệm hơn với hoạt động của lớp học. Như vậy, tùy theo đặc điểm của mỗi nhóm thành viên mà người giảng viên đứng lớp, giáo viên chủ nhiệm và cả đội ngũ cán sự sẽ chủ động áp dụng những cách thức, biện pháp khác nhau để có thể phát huy những mặt mạnh và khắc phục những hạn chế trong mỗi nhóm. Theo đó, sẽ tạo điều kiện đưa lớp học phát triển lên giai đoạn mới.

- **Thứ ba** là giai đoạn tập thể phát triển tích cực hơn với đa số các thành viên đều có thái độ đúng đắn đối với các nhiệm vụ học tập và rèn luyện của lớp học, mối quan hệ giữa các sinh viên trở nên tích cực, gần gũi và chủ động hơn, đã giảm thiểu được sự cách biệt rõ giữa các nhóm, “phe phái”. Lúc này, bầu không khí tâm lý lành mạnh đã được hình thành. Những mục tiêu, yêu cầu, nội quy, quy định về hoạt động của lớp học được bàn bạc thống nhất và đưa ra thực hiện trên cơ sở mối quan hệ hợp tác thân tình. Người lãnh đạo trong giai đoạn này cần chú ý trong việc đề ra các yêu cầu để đáp ứng được nguyện vọng của các thành viên và đồng thời không ngừng hoàn thiện mình để tạo được niềm tin ở sinh viên.

- **Thứ tư** là giai đoạn phản ánh nét nổi bật của lớp học: Lợi ích của lớp học và của sinh viên được hòa quyện vào nhau một cách hài hòa. Những lợi ích chung được đặt lên trên và là lợi ích chủ đạo của lớp học như lợi ích thu được từ kết quả học tập và rèn luyện. Sinh viên tham gia tích cực trong các hoạt động chung của tập thể, nêu cao ý thức trong việc tự tu dưỡng, tự hoàn thiện bản thân. Sinh viên quán triệt sâu sắc các quy định, chuẩn mực chung và chuyển hóa các yêu cầu của lớp học thành yêu cầu đối với bản thân. Không những thế, sinh viên cũng đặt ra những yêu cầu cao đối với giảng viên và những người quản lý. Do đó đòi hỏi giảng viên, giáo viên chủ nhiệm phải am hiểu tình hình lớp học do mình phụ trách, căn cứ vào đặc điểm từng giai đoạn để đề ra chương trình, biện pháp tổ chức tác động phù hợp.

Khi nghiên cứu về lớp học tại trường Đại học ANND, người nghiên cứu nhận thấy bên cạnh những đặc điểm chung của lớp học như đã phân tích ở trên, lớp học tại trường Đại học ANND mang đậm những nét đặc thù của một trường thuộc lực lượng Công an nhân dân.

Lớp học tại trường Đại học ANND là những tập thể được biên chế trong nhà trường Công an nhân dân, gồm các thành viên gắn bó với nhau thực hiện mục đích chung là học tập và rèn luyện để trở thành người sỹ quan ANND. Lớp học có tổ chức chặt chẽ, vừa mang những đặc điểm của một tổ chức của lực lượng vũ trang vừa thể hiện đầy đủ tính chất của một tổ chức học tập và rèn luyện. Mục tiêu của các lớp học tại trường Đại học ANND chính là hướng tới việc thực hiện mục tiêu đào tạo những sỹ quan An ninh giỏi về chính trị, vững về pháp luật và tinh thông về nghiệp vụ an ninh. Hoạt động của các thành viên trong lớp học mang tính thống nhất cao trên cơ sở tuân thủ các quy định của điều lệnh Công an nhân dân. Trong lớp học, các thành viên xây dựng mối quan hệ gắn kết chặt chẽ trên tinh thần đoàn kết, tình đồng chí, đồng đội; các chuẩn mực đạo đức, xã hội, nghề nghiệp; các quan điểm chính trị, các nội quy, quy định của trường, lớp và của ngành. Những sinh viên trong các lớp học tại trường Đại học ANND về cơ bản có cùng động cơ và mục đích hoạt động, phối hợp với nhau một cách chặt chẽ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chung. Sự tồn tại và phát triển của lớp học dựa trên sự thỏa mãn và kết hợp hài hòa giữa lợi ích tập thể, xã hội và lợi ích cá nhân. Theo đó, đảm bảo sự phát triển toàn diện của các thành viên và góp phần tạo nên bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học.

Nhìn chung, lớp học tại trường Đại học ANND có những đặc trưng cơ bản sau:

- Lớp học hoạt động có mục đích rõ ràng, cụ thể, vì mục đích chung là học tập, rèn luyện và mang ý nghĩa xã hội.

Mỗi một lớp học dưới sự quản lý của Khoa đào tạo, của cán bộ Phòng Quản lý sinh viên đề ra những chương trình, kế hoạch hoạt động đáp ứng được mục tiêu chung của nhà trường và xuất phát từ tính chất, yêu cầu của sự nghiệp bảo vệ An

ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Qua quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên Đại học ANND được trang bị những kiến thức khoa học cơ bản, khoa học cơ sở của ngành cũng như kiến thức chuyên môn nghiệp vụ; đồng thời họ trưởng thành về mặt đạo đức, tác phong, hình thành những phẩm chất nhân cách của người sĩ quan ANND, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng lực lượng Công an nhân dân chính quy, tinh nhuệ và từng bước hiện đại.

- Lớp học được tổ chức quy củ, nề nếp; hoạt động của lớp học mang tính đặc thù, có tính kế hoạch cao và được điều hành bởi những thủ lĩnh đặc biệt quan trọng.

Lớp học tại trường Đại học ANND bao gồm những thành viên được phân công công việc cụ thể ngay từ những năm đầu. Cơ cấu của lớp học theo quy định của ngành được phân chia thành tiểu đội, trung đội. Mỗi tiểu đội có hai thành viên thuộc Ban chỉ huy lớp là A Trưởng và A Phó. Ban chỉ huy lớp ở cấp cao hơn là B Trưởng, B Phó và C Phó. C Phó cũng chính là lớp trưởng. Đối với mỗi lớp học, giáo viên chủ nhiệm, đội ngũ Ban chỉ huy lớp, cán bộ Đoàn - Hội... đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong các khâu điều hành, chỉ đạo lập kế hoạch, phân công nhiệm vụ, kêu gọi sự nỗ lực của mọi người hướng vào việc thực hiện các mục tiêu của lớp học, tạo điều kiện vật chất, tinh thần để thực hiện kế hoạch, đảm bảo mọi hoạt động của lớp đi vào nề nếp, thiết thực và hiệu quả.

- Hoạt động của lớp học đảm bảo tuân theo đúng quy định của điều lệnh Công an nhân dân.

Đây là đặc điểm đặc thù của lớp học trong nhà trường Công an nhân dân so với các nhà trường khác trong hệ thống giáo dục quốc dân. Ở đây, mọi hoạt động của lớp học được tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật nghiêm, tuân theo đúng điều lệnh nội vụ. Ngay từ khi sinh viên nhập học và được phân bổ về các lớp học thì mọi hoạt động phải tuân theo trật tự, nề nếp, kỷ luật. Ban đầu, sinh viên (nhất là những sinh viên xuất thân là học sinh phổ thông) phải làm quen dần với điều kiện học tập và rèn luyện trong môi trường lực lượng vũ trang. Dần dần, sinh viên sẽ thích ứng, tiếp tục duy trì thực hiện điều lệnh với tinh thần tự giác cao.

- Hoạt động học tập và rèn luyện của lớp học diễn ra dưới nhiều hình thức đa dạng.

Với mục tiêu đào tạo sĩ quan ANND có đầy đủ phẩm chất và năng lực, ngoài việc tinh thông về chuyên môn nghiệp vụ an ninh, đấu tranh với các đối tượng có hoạt động xâm phạm An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, họ còn là lực lượng tham gia vận động quần chúng, thuyết phục người dân cùng tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Do vậy, họ không chỉ là cán bộ sĩ quan An ninh mà còn là nhà tổ chức, cán bộ khoa học, nhà sư phạm. Với ý nghĩa đó, sinh viên không chỉ học tập lý luận, lý thuyết mà còn tham gia các hình thức học tập khác như thảo luận, thực hành phim trường, đi thực tế, thực tập... Cơ sở của tính đa dạng, phong phú trong hoạt động học tập và rèn luyện của lớp học xuất phát từ yêu cầu khách quan của thực tiễn, tính hiện đại của lý luận sư phạm cũng như thực hiện mục tiêu đào tạo của ngành, của trường đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp xây dựng lực lượng ngành.

- Quan hệ giữa các sinh viên được xây dựng trên tinh thần đồng chí đồng đội, gắn bó mật thiết, giúp đỡ lẫn nhau trong học tập và rèn luyện.

Lớp học tại trường Đại học ANND là một tập hợp những sinh viên đến từ các vùng miền khác nhau, chủ yếu là từ Quảng Trị trở vào và được học tập tập trung theo hình thức nội trú 24/24. Do vậy, các thành viên có điều kiện tiếp xúc, hiểu nhau hơn, gắn bó mật thiết và giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện. Cơ sở của sự gắn bó, hợp tác và phối hợp trong hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên là sự thống nhất về quan điểm chính trị, xã hội, chuẩn mực đạo đức và các quy tắc hành vi trong ứng xử và sinh hoạt. Quan hệ giữa sinh viên và sinh viên trong trường là quan hệ đồng chí, bình đẳng, thân ái, giúp đỡ, cùng nhau phấn đấu học tập, rèn luyện theo mục tiêu đào tạo. Về phương diện cá nhân, họ có sự tương đồng vì họ đang ở giai đoạn trung gian của quá trình trưởng thành về mặt xã hội, sự chín muồi về thể lực và trí tuệ, sự định hình về nhân cách với cùng mục đích hoạt động chung là lĩnh hội tri thức nghề nghiệp an ninh và rèn luyện trau dồi những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp.

Nhìn chung, khi nghiên cứu về lớp học tại trường Đại học ANND, cần nắm chắc các đặc trưng nói trên bởi nó có sự tác động chi phối đến các hiện tượng tâm lý xã hội diễn ra trong lớp học, trong đó có bầu không khí tâm lý của lớp học.

1.2.3. Bầu không khí tâm lý

Bầu không khí tâm lý là thuật ngữ đã được sử dụng rộng rãi trong Tâm lý học từ những năm 30, 40 của thế kỷ XX. Trong nội dung lịch sử nghiên cứu vấn đề, người nghiên cứu đã chỉ rõ những quan điểm, những cách hiểu, cách tiếp cận khác nhau của các tác giả trong và ngoài nước về vấn đề này. Việc chưa hoàn toàn thống nhất trong nhận thức đã phản ánh một cách khách quan tính phức tạp, đa dạng, phong phú khi tiếp cận nghiên cứu vấn đề.

V.I. Mikheev chú ý tới dư luận của tập thể thông qua hệ thống thái độ đối với các đối tượng giao tiếp và đưa ra khái niệm: Bầu không khí tâm lý là dư luận xã hội ở tập thể xí nghiệp và cơ quan về các vấn đề thái độ lao động, thái độ đối với xí nghiệp, đối với lãnh đạo và đối với các đồng chí khác [69, tr.120]. Tác giả đã nhấn mạnh đến ý kiến đánh giá của số đông tạo ra sức mạnh và áp lực nhất định có khả năng làm thay đổi những vấn đề về thái độ ứng xử của con người.

V.M.Sêpel đề cao tính tương hợp tâm lý của các thành viên khi định nghĩa về bầu không khí tâm lý. Ông cho rằng: “Bầu không khí tâm lý là sắc thái cảm xúc, mối quan hệ giữa các thành viên trong tập thể về mặt tâm lý...” [70, tr.23].

E.X. Cudomin, J.P. Vôncóp định nghĩa bầu không khí tâm lý với tư cách là trạng thái tâm lý xã hội phản ánh mọi mặt của tập thể (mối quan hệ liên nhân cách, thái độ của cá nhân đối với các vấn đề trong hoạt động lao động). Ông cho rằng: “Bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý xã hội của tập thể sản xuất cơ sở, phản ánh tính chất, nội dung và khuynh hướng tâm lý thực tế của các thành viên trong tập thể. Trạng thái tâm lý này của các thành viên trong tập thể, đến lượt nó lại tái tạo tình trạng kinh tế cụ thể của tập thể sản xuất đó; tái tạo tính chất và mức độ quan hệ qua lại giữa con người với nhau, điều kiện lao động và tổ chức lao động. Trạng thái tâm lý của các thành viên được biểu hiện trong tâm trạng của mọi người, trong đó có thái độ thỏa mãn đối với lao động của mình, đối với sự phát triển về sau

[...tr.147].

Tác giả Mai Hữu Khuê quan niệm bầu không khí tâm lý là phương diện biểu hiện về chất lượng mối quan hệ giữa các cá nhân từng tập thể, được hình thành từ thái độ của mọi người đối với lao động, bạn bè và những người lãnh đạo họ [35, tr.143].

Còn tác giả Trần Trọng Thủy quan niệm: Bầu không khí tâm lý trong tập thể là tính chất các mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể và là tâm trạng chung trong tập thể đó. Tức là, ông chú trọng tới tâm trạng chung của tập thể và mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể khi bàn đến bầu không khí tâm lý [60].

Riêng tác giả Nguyễn Hải Khoát định nghĩa bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý - xã hội của tập thể cơ sở, nó phản ánh tính chất, nội dung và xu hướng tâm lý thực tế của các thành viên trong tập thể đó [33].

Nguyễn Bá Dương quan niệm: Bầu không khí tâm lý tập thể là hiện tượng tâm lý biểu hiện mức độ hoạt động, hòa hợp về các phẩm chất tâm lý cá nhân của con người trong tập thể, nó được hình thành từ thái độ của mọi người trong tập thể đối với công việc, bạn bè, đồng nghiệp và người lãnh đạo trong tập thể [11, tr.203]. Ở đây, tác giả nhấn mạnh đến sự hòa hợp của các phẩm chất tâm lý cá nhân của các thành viên trong tập thể.

Tác giả Vũ Dũng cho rằng “Bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý của tập thể, thể hiện sự phối hợp tâm lý xã hội, sự tương tác giữa các thành viên và mức độ dung hợp các đặc điểm tâm lý trong quan hệ liên nhân cách”[9, tr.81].

Theo tác giả Bùi Văn Huệ [29, tr.14], khái niệm bầu không khí tâm lý tập thể có thể được hiểu theo hai góc độ: một là theo nghĩa rộng (đó là toàn bộ các trạng thái tâm lý xã hội diễn ra trong tập thể bao gồm trạng thái tâm lý xã hội, tri thức, và ý chí của số đông các thành viên trong nhóm); hai là theo nghĩa hẹp (là trạng thái tình cảm tế nhị của tập thể, tình cảm của các cá nhân đó với nhau).

Tác giả Nguyễn Đình Xuân và Vũ Đức Đán [72, tr.144] thống nhất cho rằng: Bầu không khí tâm lý của tập thể lao động chính là không gian trong đó chứa đựng

trạng thái tâm lý chung của một tập thể lao động với tính cách tương đối ổn định của nó. Nó tác động lên tâm tư, tình cảm của mỗi con người trong tập thể và ảnh hưởng đến kết quả hoạt động của từng cá nhân và của tập thể lao động.

Tuy còn nhiều điểm khác nhau trong những định nghĩa, chúng ta có thể khái quát một điểm mấu chốt thể hiện trong các khái niệm mà các tác giả đã nêu. Cụ thể là: Các tác giả đã xem bầu không khí tâm lý là trạng thái tâm lý của tập thể; Bầu không khí tâm lý là tính chất các mối quan hệ qua lại trong tập thể; Là thái độ của các thành viên trong tập thể với nhau và đối với công việc.

Trên cơ sở những định nghĩa nói trên, có thể hiểu về bầu không khí tâm lý tập thể qua khái niệm sau: *Bầu không khí tâm lý tập thể là trạng thái tâm lý chủ đạo của tập thể, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể và được biểu hiện qua thái độ của các thành viên với nhau, thái độ với lao động của tập thể và thái độ đối với bản thân của từng thành viên.*

Khi luận giải khái niệm bầu không khí tâm lý tập thể, chúng ta cần lưu ý một số vấn đề sau:

- Một là về nguồn gốc của bầu không khí tâm lý tập thể:

Bầu không khí tâm lý tập thể là một mặt của đời sống tinh thần tập thể, một khía cạnh của ý thức xã hội, tâm lý xã hội cũng như các hiện tượng tâm lý tập thể khác. Nguồn gốc của bầu không khí tâm lý tập thể là sự phản ánh những điều kiện sống của xã hội và những điều kiện sống, hoạt động của tập thể trong những giai đoạn nhất định. Hay nói cách khác, bầu không khí tâm lý phản ánh những điều kiện sống chung (vật chất và tinh thần) của giai cấp, tầng lớp, của xã hội nói chung, cũng như những điều kiện sống và hoạt động riêng (khách quan và chủ quan) của tập thể.

Điều này có thể giải thích theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội. Theo quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, tồn tại xã hội là sinh hoạt vật chất và những điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội; ý thức xã hội là mặt tinh thần của đời sống xã hội, nảy sinh từ tồn tại xã hội và phản ánh tồn tại xã hội trong những giai đoạn nhất định. Tồn tại xã hội quyết định ý thức xã hội không phải một cách đơn giản, trực tiếp mà thông qua các khâu

trung gian là các mối quan hệ giao tiếp và các hoạt động. Do vậy, không thể tìm hiểu nguồn gốc của tư tưởng tâm lý xã hội trong đầu óc con người mà phải tìm trong đời sống hiện thực.

Như vậy, bên cạnh chức năng phản ánh những điều kiện hoạt động chung, bầu không khí tâm lý tập thể còn phản ánh những điều kiện riêng như: Thành phần của tập thể, đặc điểm tâm lý của các thành viên trong tập thể, đặc điểm các nhiệm vụ của tập thể, sự phân công công việc, trình độ và phong cách lãnh đạo, mối quan hệ qua lại giữa các thành viên... Theo đó, làm cho đời sống mỗi tập thể mang màu sắc tâm lý riêng. Song, bầu không khí tâm lý tập thể không tồn tại bất biến mà thay đổi cùng với sự xuất hiện các sự kiện, hiện tượng hay biến cố lớn trong tập thể, được củng cố và phát triển bởi sự thống nhất về mục đích hoạt động, sự hòa hợp về mặt tâm lý của mỗi con người trong tập thể và tựu trung lại là bởi mỗi thành viên trong tập thể.

- Hai là về con đường hình thành nên bầu không khí tâm lý tập thể:

Tiếp cận từ phương diện nguồn gốc tạo nên bầu không khí tâm lý tập thể, có thể khẳng định, bầu không khí tâm lý tập thể là sản phẩm tinh thần, nảy sinh trong quá trình con người hoạt động và giao tiếp trong tập thể, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể và là tâm trạng chung của tập thể đó.

Giao tiếp là sự hiện thực hóa các mối quan hệ của con người. Bầu không khí tâm lý tập thể gắn liền và không tách rời khỏi giao tiếp. Cơ sở của bầu không khí tâm lý tập thể là những cảm xúc hình thành và phát triển trong quá trình con người giao tiếp. Có cảm xúc tích cực và có cảm xúc tiêu cực. Những cảm xúc tích cực là những cảm xúc dương tính, gắn bó con người với nhau, gắn bó với tập thể, mong muốn hợp tác, mong muốn hành động cùng nhau, trách nhiệm cao với việc thực hiện mục đích của tập thể, thiện cảm... Những cảm xúc tiêu cực là những cảm xúc âm tính, chia rẽ con người với nhau, thiếu sự gắn bó với tập thể, không mong muốn hợp tác, không tin tưởng vào người khác, ác cảm... Như vậy, mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể như thế nào sẽ được phản ánh rõ ràng trong bầu

không khí tâm lý tập thể. Việc xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực rất cần những điều kiện quan trọng như sự hiểu biết đầy đủ về nhau, sự tín nhiệm nhau, sự gần gũi của người lãnh đạo với các thành viên trong tập thể...

- Ba là về nội dung của bầu không khí tâm lý tập thể:

Bầu không khí tâm lý tập thể là trạng thái tâm lý trội, chủ đạo, phản ánh nội dung, tính chất, điều kiện tổ chức hoạt động và phản ánh đặc điểm mối quan hệ liên nhân cách trong tập thể. Vì thế nó liên quan đến các mặt quan hệ của các thành viên trong tập thể. Chúng ta cần xem xét các mối quan hệ trong tập thể ở những khía cạnh sau: Thứ nhất là quan hệ giữa các thành viên theo chiều dọc (thể hiện mối quan hệ giữa người lãnh đạo - quản lý với các thành viên, sự nhìn nhận của người lãnh đạo với tập thể như thế nào, mức độ tham gia vào quản lý và sự hài lòng của mọi thành viên); Thứ hai là quan hệ giữa các thành viên theo chiều ngang (thể hiện mối quan hệ giữa các thành viên với nhau, biểu hiện ở thái độ hợp tác, quan tâm giúp đỡ nhau, đòi hỏi cao ở nhau, đấu tranh vì nhau, vì tập thể); Thứ ba là quan hệ đối với lao động (thể hiện ở niềm vui lao động, hiệu suất lao động của các thành viên trong tập thể); Thứ tư là quan hệ đối với bản thân của từng thành viên (thể hiện ở thái độ tự đánh giá, tự đòi hỏi, tự khẳng định của mỗi người). Mỗi yếu tố là một mặt không thể thiếu trong bầu không khí tâm lý tập thể. Chúng thường xuyên tác động, ảnh hưởng lẫn nhau trong quá trình phát triển của tập thể.

1.2.4. Bầu không khí tâm lý của lớp học

Tiếp cận nghiên cứu bầu không khí tâm lý của lớp học trên nền tảng lý luận về bầu không khí tâm lý tập thể sẽ cho chúng ta hướng nhìn mới và có tính chất cụ thể, rõ ràng nhằm hiểu sâu hơn về khía cạnh tâm lý xã hội ở một đối tượng cụ thể. Việc tìm hiểu về bầu không khí tâm lý của lớp học cần làm rõ những khía cạnh sau:

- Về định nghĩa bầu không khí tâm lý của lớp học:

Trên cơ sở các cách hiểu khác nhau về bầu không khí tâm lý tập thể, mà lớp học là một dạng tập thể, nên có thể đưa ra định nghĩa bầu không khí tâm lý của lớp học như sau:

Bầu không khí tâm lý của lớp học là trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học,

phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong lớp học và được biểu hiện qua thái độ của các thành viên với nhau, thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện của lớp học và thái độ đối với bản thân của từng thành viên.

Về bản chất, trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học được cấu thành từ các thái độ của mỗi cá nhân và thuộc về tâm lý cá nhân. Tuy nhiên, sự gặp gỡ giữa thái độ của các cá nhân tạo nên vùng giao thoa chung gọi là thái độ xã hội và thuộc về tâm lý xã hội. Theo đó, tạo nên đặc trưng của bầu không khí tâm lý của lớp học. Thái độ xã hội đó phản ánh điều kiện sống, hoạt động của lớp học trong những giai đoạn nhất định.

Bầu không khí tâm lý của lớp học với tư cách là một trạng thái tâm lý có tính chất bền vững tương đối và có cường độ đủ lớn chi phối đời sống tâm lý xã hội của lớp học. Trạng thái tâm lý này được biểu hiện qua thái độ chung và được hình thành xuất phát từ nhận thức của các thành viên trong lớp học về mục tiêu và hoạt động chung, đến lượt nó lại có tác dụng chi phối ngược lại nhận thức - thái độ - hành vi của từng thành viên trong lớp học đó. Yếu tố này tồn tại song song cùng với sự phát triển của lớp học và bao trùm lên tất cả các mối quan hệ và các hoạt động diễn ra trong lớp học. Nó có vai trò quan trọng trong việc tạo nên những điều kiện tâm lý xã hội cần thiết đảm bảo hiệu quả hoạt động của các thành viên nói riêng và hoạt động chung của lớp.

Như vậy, có thể hiểu *bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND là trạng thái tâm lý chủ đạo, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các sinh viên Đại học ANND trong lớp học và được biểu thị qua thái độ của các thành viên với nhau, thái độ đối với bản thân, thái độ đối với hoạt động và rèn luyện để trở thành những sỹ quan An ninh.*

Bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND gắn liền với những đặc trưng của bầu không khí tâm lý của lớp học nói chung, bên cạnh đó cũng phản ánh những đặc trưng riêng, gắn liền với hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên trong trường Công an nói chung. Điều này xuất phát từ nhiều lý do như: Do đặc thù của ngành, sinh viên được thi tuyển vào trường phải trải qua các kỳ sơ tuyển

được tổ chức chặt chẽ tại địa phương về lý lịch, phẩm chất đạo đức, năng khiếu và sức khỏe. Sau đó, mới tham dự kỳ thi đại học theo đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thực tế cho thấy điểm đầu vào tại trường Đại học ANND khá cao. Sinh viên học tại trường đến từ các tỉnh thành trong cả nước (chủ yếu là từ Quảng Trị trở vào) đã tạo nên sự đa dạng về nhận thức, thói quen, tập quán, truyền thống song cũng xuất hiện những khoảng cách giữa các thành viên trong lớp học. Khoảng cách này được rút ngắn hay không phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó có yếu tố bầu không khí tâm lý của lớp học. Sinh viên trường Đại học ANND học tập tập trung, ăn ở và sinh hoạt cùng một chế độ theo quy định tại ký túc xá của trường. Mọi quan hệ qua lại giữa các sinh viên diễn ra trong khuôn khổ nội quy, quy định và điều lệnh Công an nhân dân cũng như tính chất của môi trường sư phạm. Song trong lớp học, cho dù là thuộc trường của lực lượng vũ trang hay ngoài ngành, thì yếu tố sư phạm vẫn luôn được nêu cao. Ở đó, người giảng viên đứng lớp phải tổ chức những hoạt động sư phạm để cùng với sinh viên chiếm lĩnh tri thức, rèn luyện đạo đức và hơn hết là tạo ra bầu không khí tâm lý tích cực để hoạt động của lớp diễn ra hiệu quả. Dĩ nhiên, cũng không thể xem nhẹ yếu tố thuộc về những thành phần lãnh đạo khác trong lớp học tại trường Đại học ANND như cán bộ Phòng Quản lý sinh viên được phân công làm công tác chủ nhiệm, Ban chỉ huy lớp, Ban cán sự học tập, cán bộ Đoàn - Hội... trong hệ thống các yếu tố tác động đến việc hình thành bầu không khí tâm lý của lớp học.

- Về cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học:

Bàn về cấu trúc của bầu không khí tâm lý của lớp học, cần xem xét các điều kiện tâm lý hình thành từ những mối quan hệ tồn tại trong lớp học tạo nên trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học đó. Muốn vậy, cũng cần xuất phát từ cấu trúc của bầu không khí tâm lý tập thể nói chung.

Các tác giả Đào Thị Oanh [48, tr.77], Vũ Đình Thắng [57, tr.25] đã chỉ rõ ba mối quan hệ tồn tại khách quan trong tập thể làm cơ sở xác định nội dung của bầu không khí tâm lý. Đó là quan hệ giữa các thành viên tập thể theo chiều dọc - giữa người lãnh đạo và người bị lãnh đạo; quan hệ giữa các thành viên trong tập thể theo

chiều ngang - quan hệ liên nhân cách; quan hệ đối với lao động - kết quả, lợi ích, ý nghĩa của lao động đối với người lao động.

Tác giả B.M. Parugin đã chỉ ra bốn mối quan hệ xác định nội dung bầu không khí tâm lý: quan hệ theo chiều dọc, chiều ngang, với lao động và thêm mối quan hệ đối với bản thân. Theo ông, ngoài các mối quan hệ người - người và con người với lao động, bầu không khí tâm lý còn chịu sự ảnh hưởng của thế giới quan, nhân sinh quan của cá nhân mỗi thành viên trong tập thể [43, tr.55].

Tác giả Trần Đức Long đưa ra bốn mối quan hệ tạo nên cấu trúc về nội dung của bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể. Cấu trúc đó bao gồm hai mặt: mặt nhận thức và mặt thái độ được biểu hiện trên bốn mối quan hệ cụ thể: quan hệ theo chiều dọc, chiều ngang, đối với nhiệm vụ học tập - rèn luyện và đối với bản thân từng thành viên [43, tr.59].

Tóm lại, có thể cụ thể hóa cấu trúc của bầu không khí tâm lý của lớp học làm ba phần, gồm:

Một là, thái độ của các thành viên với nhau, bao gồm:

+ Thái độ của sinh viên đối với giảng viên trong lớp học: thể hiện mối quan hệ theo chiều dọc. Trong lớp học, người có vai trò lãnh đạo là giảng viên đứng lớp. Mối quan hệ này đóng vai trò quan trọng giúp tổ chức hoạt động học tập và rèn luyện hiệu quả, nhất là vai trò tổ chức điều khiển quá trình lĩnh hội tri thức cho sinh viên trong bầu không khí tâm lý tích cực. Quan hệ này rất cần sự tin tưởng, tôn trọng và hợp tác giữa hai bên.

+ Thái độ của sinh viên đối với các sinh viên khác trong lớp: thể hiện mối quan hệ theo chiều ngang. Mối quan hệ này cũng đóng vai trò rất quan trọng nhằm tạo ra sự tương tác trong hoạt động học tập và rèn luyện, hỗ trợ nhau thực hiện mục tiêu chung. Nó biểu hiện cụ thể ở mức độ các sinh viên liên kết, yêu thích và hợp tác cùng nhau. Đối với lớp học tại trường Đại học ANND, trong tổ chức lớp học có thành phần Ban chỉ huy lớp - cũng được xem là thành phần lãnh đạo cấp trên. Tuy nhiên, người nghiên cứu cho rằng, đối với những hoạt động học tập và rèn luyện ngoài lớp học, mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp và Ban chỉ huy lớp sẽ là

mối quan hệ theo chiều dọc. Nhưng ở lớp học, nơi diễn ra quá trình sư phạm, tương tác giữa thầy và trò nhằm chiếm lĩnh tri thức thì mỗi một thành viên trong lớp học không phân biệt cấp trên cấp dưới, có vị trí ngang nhau, cùng thảo luận, trao đổi, cùng hợp tác, cùng bày tỏ ý kiến đóng góp cho việc xây dựng bài học trên lớp. Có như vậy, mới đảm bảo tính khách quan, khoa học khi nghiên cứu, học tập các môn học, nhất là các môn thuộc khoa học An ninh.

Hai là, thái độ của mỗi sinh viên đối với bản thân của mình khi hoạt động giao tiếp trong lớp học đó.

Bầu không khí tâm lý của lớp học còn thể hiện trạng thái cảm xúc riêng của từng thành viên trong lớp. Do đó, thái độ của mỗi sinh viên đối với bản thân của mình cũng là thành phần quan trọng trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học. Thành phần này phản ánh thái độ của sinh viên đối với bản thân mình khi hoạt động trong một lớp học. Thái độ này là thái độ tự đánh giá bản thân, xúc cảm tình cảm đối với bản thân khi so sánh hoặc tương tác với các sinh viên khác trong lớp học.

Ba là, thái độ đối với hoạt động học tập và rèn luyện của lớp học: phản ánh thái độ của sinh viên đối với hoạt động đặc trưng trong lớp học, cụ thể là:

+ Thái độ đối với hoạt động học tập: Bao gồm thái độ chung đối với hoạt động lên lớp, tự học và hoạt động đào tạo của nhà trường. Thái độ này chịu sự ảnh hưởng bởi mục tiêu, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá của giảng viên. Hoạt động học tập của sinh viên nói chung bao gồm các hành động cụ thể như: nghe giảng, ghi chép, thảo luận, làm việc nhóm, ôn tập, thi cử, thực tập...

+ Thái độ đối với hoạt động rèn luyện: Là thái độ tổng hợp đối với các hoạt động giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục đạo đức lối sống cho sinh viên do nhà trường và các đoàn thể trong nhà trường phát động hoặc do cá nhân tự đề ra. Tham gia những hoạt động rèn luyện với tinh thần nhiệt tình, say mê, không tính toán sẽ giúp sinh viên gắn bó nhau hơn, biết giúp đỡ và hợp tác với nhau trong hoạt động, từ đó tạo nên sự đồng thuận cùng nhau phấn đấu vì mục tiêu chung, cùng phấn đấu

trau dồi những phẩm chất đạo đức tốt đẹp.

Nhìn chung, những thái độ nói trên được biểu thị thông qua các mối quan hệ trong lớp học, được bộc lộ trong hành vi của mỗi người khi giao tiếp và khi cùng nhau tham gia hoạt động học tập, rèn luyện.

- Về con đường hình thành bầu không khí tâm lý của lớp học:

Bầu không khí tâm lý của lớp học là một hiện tượng tâm lý phức tạp, nảy sinh trong quá trình giao lưu, hoạt động cùng nhau của lớp học; ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên. Việc hình thành và phát triển của hiện tượng này có thể theo những con đường khác nhau.

B.M. Parugin đã chỉ ra ba hướng phát triển của bầu không khí tâm lý nói chung [11, tr. 29]:

+ *Hướng thứ nhất:* Bầu không khí tâm lý phát triển theo hướng tương đối tự nhiên. Điều này xuất phát từ sự đồng thuận của tất cả hoặc đa số các thành viên trong tập thể sáng tạo ra.

+ *Hướng thứ hai:* Bầu không khí tâm lý là kết quả của hoạt động có mục đích, có tổ chức của lãnh đạo tập thể nhằm xây dựng bầu không khí tâm lý tập thể trên cơ sở các kinh nghiệm cụ thể của hoạt động quản lý và lãnh đạo.

+ *Hướng thứ ba:* Bầu không khí tâm lý là kết quả của hoạt động điều khiển và điều chỉnh của những người quản lý tập thể hoặc của các thành viên trong tập thể dựa trên cơ sở những kinh nghiệm thực tiễn và vận dụng các thành tựu khoa học như Xã hội học, Tâm lý học xã hội về tâm lý của nhóm.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, bầu không khí tâm lý của lớp học có thể được hình thành một cách có mục đích, được điều khiển và điều chỉnh nếu như người quản lý và lãnh đạo có kinh nghiệm, có hiểu biết và khả năng vận dụng các quy luật tâm lý xã hội.

Như vậy, người quản lý lớp học mà đặc biệt là giảng viên và Ban chỉ huy lớp phải theo dõi tiến trình hình thành bầu không khí tâm lý của lớp học mà mình phụ trách nhằm kịp thời có những tác động tạo ra những điều kiện tối ưu để bầu không khí tâm lý của lớp được hình thành và phát triển phù hợp với mục tiêu chung, góp

phần thúc đẩy hoạt động học tập và rèn luyện đạt kết quả tốt.

- Về tiêu chí (thông số) đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học:

Các tác giả nghiên cứu về bầu không khí tâm lý đề cập đến các loại bầu không khí tâm lý khác nhau, song thực chất chỉ khác về mặt câu từ, nhìn chung đồng ý với hướng phân chia bầu không khí tâm lý thành hai loại là bầu không khí tâm lý tích cực và bầu không khí tâm lý tiêu cực. Theo đó, các tác giả chỉ ra những biểu hiện cụ thể của từng loại bầu không khí tâm lý. Việc tìm hiểu hai loại bầu không khí tâm lý tập thể là cơ sở để người nghiên cứu xây dựng các chỉ báo đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học.

Tác giả Vũ Dũng đưa ra những dấu hiệu quan trọng nhất của bầu không khí tâm lý xã hội tích cực. Đó là: Sự tin nhiệm và tính đòi hỏi cao của các thành viên trong tập thể với nhau; Sự phê bình có thiện chí và thiết thực của các thành viên; Các cá nhân tự do phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan đến cả tập thể; Không có áp lực của người lãnh đạo với những người bị lãnh đạo và thừa nhận quyền của họ trong việc tiếp nhận các quyết định quan trọng đối với nhóm; Các thành viên trong tập thể được cung cấp đầy thông tin về nhiệm vụ và tình hình công việc của họ; Các thành viên hài lòng vì họ đã thuộc về tập thể; Có mức độ cao về cảm xúc và giúp đỡ lẫn nhau trong tập thể; Mỗi người tự nhận thấy bản thân phải có trách nhiệm cao đối với công việc của các thành viên khác trong tập thể [10, tr.37].

Tác giả Phan Thị Kim Ngân cho rằng tiêu chí đánh giá bầu không khí tâm lý tích cực là sự phấn chấn tinh thần, tính yêu đời dựa trên những mục đích rõ ràng và những nhiệm vụ hấp dẫn của hoạt động chung. Ngoài ra còn tính đến niềm vui trong các quan hệ mang màu sắc văn hóa nhất định: sự sáng suốt, không có những lời chỉ trích chua cay, không có những khuôn mặt phiến muộn, trạng thái vui vẻ... và hơn nữa là luôn sẵn sàng làm những hành động có ích, sẵn sàng hành động có nghĩa và tránh những việc làm có tính tổn hại... [45, tr130].

Tác giả Bùi Văn Huệ đề cập đến hai loại bầu không khí tâm lý tập thể là “Không khí đầm ấm” và “Không khí căng thẳng”. Theo đó, mối quan hệ qua lại có thể là quan hệ thiện cảm hoặc ác cảm, chan hòa hay dửng dưng. Tác giả nhấn mạnh

năm tiêu chí đánh giá bầu không khí tâm lý là: Sự tín nhiệm và đòi hỏi cao của các thành viên trong nhóm với nhau; Phê bình có thiện chí và thiết thực; Tự do phát biểu ý kiến về những vấn đề có liên quan đến tập thể; Không có áp lực từ người lãnh đạo đến người bị lãnh đạo; Mức độ đồng cảm và giúp đỡ lẫn nhau. Ngoài ra, tác giả còn dẫn chứng một nghiên cứu đánh giá bầu không khí tâm lý đã sử dụng các tiêu chí như: Tinh thần thoải mái, tinh thần đoàn kết, sự hài lòng về công việc học tập hay lao động, sự hài lòng về giúp đỡ lẫn nhau, tôn trọng nhau, giao tiếp tốt, dân chủ, đòi hỏi cao với bản thân, với nhau và với lãnh đạo [29, tr.15-17].

Tác giả Nguyễn Đình Xuân và Vũ Đức Đán cho rằng những đặc điểm của bầu không khí tâm lý lành mạnh là: sự giao tiếp thoải mái giữa các thành viên, sự sôi nổi trong các cuộc thảo luận, các thành viên nhận thức về mục đích hoạt động rõ ràng, mọi người tôn trọng ý kiến của nhau, việc thông qua quyết định diễn ra theo cách thừa nhận tập thể, sự phán xét và đánh giá không mang tính đả kích cá nhân, tự do biểu thị tình cảm, nhiệm vụ được phân công rõ ràng, người lãnh đạo có uy tín [72, tr.144].

Tác giả Phạm Mạnh Hà cũng có nhận xét rằng: Bầu không khí tâm lý thuận hòa thể hiện những tình cảm tích cực, đoàn kết trong quan hệ giữa người với người. Bầu không khí tâm lý tế nhị thể hiện ở những tâm trạng, cảm xúc tiêu cực, cá nhân ít có sự gắn bó với tập thể, ít nhường nhịn, ít có sự quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau, hay xảy ra bất mãn, cãi lộn, đấu đá [15, tr.45].

Tác giả Nguyễn Thị Thu Hiền nhấn mạnh các dấu hiệu quan trọng cần chú ý khi đánh giá bầu không khí tâm lý như: Sự hài lòng hay không hài lòng của các thành viên trong tập thể đối với các khía cạnh khác nhau trong công việc và trong cuộc sống; Tâm trạng của tập thể; Sự hiểu biết lẫn nhau giữa mọi người và uy tín của người lãnh đạo; Mức độ tham gia của các thành viên vào công tác quản lý và tự quản; Tinh thần đoàn kết gắn bó giữa các thành viên của tập thể; Tính kỷ luật tự giác và năng suất hoặc hiệu suất công tác [22, tr.79].

Trên cơ sở các nghiên cứu trên, dựa vào cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học, có thể xác định những chỉ báo nghiên cứu cần thiết để đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học như sau:

+ *Bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học*: Thể hiện màu sắc dương tính trong cảm xúc, mối quan hệ qua lại tốt đẹp, biểu thị ở thái độ của các thành viên với nhau, thái độ đối với học tập và rèn luyện, thái độ đối với bản thân của từng sinh viên theo chiều hướng thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động chung của lớp học. Cụ thể như sau:

Một là thái độ của các thành viên với nhau, bao gồm: Thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp và thái độ đối với giảng viên.

Thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp bao gồm: Thân mật, hữu nghị; Quan tâm đến nhau; Hòa thuận, nhường nhịn nhau; Yêu cầu cao lẫn nhau; Tôn trọng lẫn nhau; Thông cảm với nhau; Trung thực với nhau; Hấp dẫn nhau; Thi đua lành mạnh; Hải lòng về nhau; Hợp tác, giúp đỡ nhau; Chân thành, thẳng thắn, cởi mở; Đề cao vai trò của các thành viên trong lớp; Đoàn kết; Tin tưởng nhau; Nêu cao tinh thần dân chủ, vì tập thể; Có tinh thần góp ý xây dựng cùng tiến bộ.

Thái độ đối với giảng viên bao gồm: Tôn trọng, Hải lòng, Gần gũi, Thân mật, Tin tưởng, Cởi mở, Hợp tác, Yêu thích, Yêu cầu cao với giảng viên, Đề cao vai trò của giảng viên, Trung thực với giảng viên.

Hai là thái độ đối với bản thân, bao gồm: Thoải mái khi trình bày quan điểm, chính kiến; Tinh thần cầu tiến; Tự tin; Tự trọng; Khiêm tốn; Biết dung hòa giữa cá nhân và tập thể; Tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể; Tôn trọng bản sắc cá nhân; Yêu cầu cao đối với bản thân; Có tinh thần tự lập, không muốn phụ thuộc vào người khác.

Ba là thái độ đối với hoạt động học tập và rèn luyện, bao gồm: Thái độ đối với hoạt động học tập và thái độ đối với hoạt động rèn luyện.

Thái độ đối với hoạt động học tập: Coi trọng; Có tinh thần tự lực; Chủ động, tích cực; Nỗ lực sáng tạo; Trung thực trong học tập và thi cử; Động cơ học tập tích cực; Hứng thú với phương pháp của giảng viên; Hứng thú với việc lồng ghép bài

học và hoạt động thực tế, ngoại khóa; Hứng thú với nội dung bài học; Có tinh thần xây dựng nội dung bài học; Thoải mái trong học tập và thi cử; Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ham hiểu biết; HÀi lòng về đánh giá của giảng viên, về kết quả thi cử; Có thái độ phê phán, không chấp nhận cái sai, phản khoa học; Hợp tác, chia sẻ hiểu biết lẫn nhau; Tin tưởng vào hoạt động đào tạo của nhà trường; Nhất trí với các mục tiêu giảng dạy của giảng viên.

Thái độ với hoạt động rèn luyện: Coi trọng; Hứng thú với nội dung hoạt động; Hứng thú với hình thức hoạt động; Tự giác tham gia; Thoải mái khi tham gia; Động cơ tham gia tích cực; Thẳng thắn phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái; Nhất trí với các mục tiêu rèn luyện; HÀi lòng về kết quả đánh giá rèn luyện của tập thể; Tin tưởng vào năng lực đội ngũ tổ chức các hoạt động rèn luyện, phong trào.

+ *Bầu không khí tâm lý tiêu cực của lớp học*: thể hiện màu sắc âm tính trong cảm xúc, mối quan hệ qua lại thiếu lành mạnh, biểu thị ở thái độ của các thành viên với nhau, thái độ đối với học tập và rèn luyện, thái độ đối với bản thân của từng sinh viên theo chiều hướng không thuận lợi cho việc thực hiện nhiệm vụ hoạt động chung của lớp học. Các biểu hiện của bầu không khí tâm lý tiêu cực trái ngược với biểu hiện của bầu không khí tâm lý tích cực. Cụ thể là:

Một là thái độ của các thành viên với nhau, bao gồm: Thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp và thái độ đối với giảng viên.

Thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp bao gồm: Thù hằn; Không quan tâm, thờ ơ, hời hợt; Bất hòa, xung khắc; Dễ dãi với nhau; Xem thường người khác; Không thông cảm cho nhau; Gian dối; Không hấp dẫn nhau; Ganh đua; Bất mãn về nhau; Không muốn hợp tác, giúp đỡ nhau; Giả tạo, không cởi mở, xã giao; Xem nhẹ vai trò của các thành viên trong lớp; Mất đoàn kết; Mất lòng tin về nhau; Độc đoán, bảo thủ, ích kỷ; Có ý muốn hãm hại nhau.

Thái độ đối với giảng viên bao gồm: Xem thường; Không HÀi lòng; Không gần gũi, xa cách; Mất niềm tin; Khép kín; Bất hợp tác; Chán ghét; Không quan tâm, dễ dãi; Xem nhẹ vai trò của giảng viên; Gian dối với giảng viên.

Hai là thái độ đối với bản thân, bao gồm: Gò bó, sợ sai khi bày tỏ ý kiến cá nhân; An phận; Nhút nhát; Không có lòng tự trọng; Kiêu căng, kiêu ngạo; Không dung hòa giữa cá nhân và tập thể; Miễn cưỡng dung hòa giữa cá nhân và tập thể; Xem thường bản sắc riêng của mình trong tập thể; Dễ dãi đối với bản thân; Có tính phụ thuộc, dựa dẫm vào người khác.

Ba là thái độ đối với hoạt động học tập và rèn luyện, bao gồm: Thái độ đối với hoạt động học tập và thái độ đối với hoạt động rèn luyện.

Thái độ đối với hoạt động học tập bao gồm: Xem thường; Dựa dẫm vào người khác; Thụ động; Không thích sáng tạo trong học tập, chấp nhận cái có sẵn; Gian dối trong học tập và thi cử; Động cơ học tập tiêu cực; Không hứng thú với phương pháp của giảng viên; Buồn chán với việc lồng ghép bài học và hoạt động thực tế, ngoại khóa; Không hứng thú với nội dung bài học; Phá bình trong lớp; Cảm thấy nặng nề trong học tập và thi cử; Không có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ham hiểu biết; Không hài lòng về đánh giá của giảng viên, về kết quả thi cử; Dung túng, chấp nhận cái sai, phản khoa học; Giấu kiến thức, ích kỉ trong việc chia sẻ hiểu biết; Mất tin tưởng vào hoạt động đào tạo của nhà trường; Bất đồng với các mục tiêu giảng dạy của giảng viên.

Thái độ đối với hoạt động rèn luyện bao gồm: Xem thường; Không hứng thú với nội dung hoạt động; Không hứng thú với hình thức hoạt động; Miễn cưỡng tham gia; Nặng nề khi tham gia; Động cơ tham gia tiêu cực; Chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái; Bất đồng với các mục tiêu rèn luyện; Không hài lòng về kết quả đánh giá rèn luyện của tập thể; Không tin tưởng vào năng lực đội ngũ tổ chức các hoạt động rèn luyện, phong trào.

Tóm lại, bầu không khí tâm lý của lớp học tích cực hay tiêu cực sẽ ảnh hưởng đến hoạt động của lớp học nói chung và từng thành viên nói riêng, đồng thời phản ánh mức độ trưởng thành của mỗi lớp học. Bầu không khí tâm lý tích cực sẽ tạo ra tâm trạng phấn khởi, vui vẻ ở mỗi sinh viên, các sinh viên đoàn kết, gắn bó, giúp đỡ lẫn nhau, ý thức về tinh thần trách nhiệm với tập thể và với việc học tập, rèn luyện cao hơn, góp phần mang kết quả tốt cho hoạt động của lớp học. Bầu

không khí tâm lý tiêu cực là một trong những nguyên nhân làm cản trở hiệu quả hoạt động của lớp học và của mỗi một sinh viên, gây ảnh hưởng không tốt cho việc thực hiện nhiệm vụ chung của lớp học. Thực hiện đề tài này, người nghiên cứu chú ý đến các chỉ báo đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học là thái độ đối với giảng viên, thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp học, thái độ đối với bản thân, thái độ đối với hoạt động học tập và hoạt động rèn luyện.

- Về các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học:

Khi nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý tập thể nói chung, có nhiều tác giả trong và ngoài nước đã đưa ra quan điểm của mình.

Tác giả V.M. Sêpel cho rằng: Bầu không khí tâm lý tập thể phụ thuộc vào phong cách lãnh đạo trong tập thể, sự trưởng thành về mặt chính trị - tư tưởng và tổ chức của tập thể, đặc điểm của các cá nhân và mức độ tổ chức có khoa học của tập thể [71, tr.227].

Tác giả Hoàng Mộc Lan cho rằng: Bầu không khí tâm lý chịu ảnh hưởng của đặc trưng tâm lý, quan điểm, định hướng giá trị, tâm thế xã hội và các điều kiện vật chất, tinh thần của xã hội, nhân cách và uy tín của người quản lý lãnh đạo đơn vị [40, tr.46].

Tác giả Trần Trọng Thủy cho rằng: Bầu không khí tâm lý tập thể chịu sự tác động của các yếu tố như: Hệ thống các quan hệ xã hội, cấu trúc không chính thức của tập thể, sự tương đồng về mặt tâm lý giữa các thành viên trong tập thể [63, tr.89].

Tác giả Nguyễn Thị Hải Vân nhấn mạnh vai trò của các yếu tố sau đối với sự hình thành và phát triển bầu không khí tâm lý tập thể: Một là mức độ trưởng thành của tập thể, biểu hiện ở bản lĩnh chính trị của tập thể, trình độ nghiệp vụ chuyên môn của tập thể, trình độ dân chủ và kỷ luật của tập thể; Hai là truyền thống và thói quen của tập thể; Ba là sự cố kết và năng lực lãnh đạo của tập thể lãnh đạo; Bốn là môi trường xã hội; Năm là các yếu tố nội tại của Nhà trường đảm bảo điều kiện sống và làm việc thuận lợi cho người học; Sáu là nội dung, tính chất của hoạt động

học tập và rèn luyện [67, tr.35-39].

Tác giả Bùi Ngọc Oánh đề cập đến các yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý vui vẻ, phấn khởi, lạc quan như: Tác phong, tâm trạng, uy tín tài năng tổ chức của người lãnh đạo; Những nhóm không chính thức xuất hiện trong tập thể; Sự tương hợp giữa các thành viên; Tỷ lệ nam nữ và những người vui tính trong tập thể; Điều kiện làm việc sinh hoạt, tính hợp lý, tính tổ chức của tập thể, đặc điểm lao động và quy trình lao động; Sự đãi ngộ và phân chia lợi nhuận; Những hoạt động của tập thể tạo thân tình, cảm thông lẫn nhau [50, tr.208].

Tác giả Thái Trí Dũng cho rằng: Bầu không khí tâm lý chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố sau: Những tác động từ phía môi trường xã hội vĩ mô (đặc điểm của sự phát triển kinh tế - xã hội trong nước, mối liên hệ của tập thể với các tổ chức quận, huyện, thành phố...); Những tác động từ phía môi trường xã hội vi mô (lĩnh vực vật chất, nhân tố tâm lý xã hội như mối liên hệ cơ cấu chính thức và không chính thức, phong cách lãnh đạo...) [7, tr.104].

Nguyên tắc quyết định luận trong Tâm lý học Mác-xít đã khẳng định: nguyên nhân quyết định việc nảy sinh các hiện tượng tâm lý là do các tác động bên ngoài, nhưng không phải trực tiếp mà thông qua các điều kiện bên trong và hoạt động của chủ thể. Theo đó, các nghiên cứu nói trên đã chỉ ra những yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý của lớp học, song vẫn chưa làm rõ mối liên hệ giữa các yếu tố thuộc về điều kiện khách quan bên ngoài và các yếu tố thuộc về điều kiện chủ quan bên trong của từng lớp học.

Như vậy, các yếu tố tác động đến sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý của lớp học nói chung và bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND nói riêng bao gồm nhóm các yếu tố bên ngoài và nhóm các yếu tố bên trong.

+ *Nhóm các yếu tố bên ngoài* bao gồm: Tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường, nội quy - kỷ luật - điều lệnh, đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học, điều kiện học tập và rèn luyện của sinh viên.

Về tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường: Trong quá trình học tập và rèn luyện, sinh viên phải tham gia vào các quan hệ xã hội, cụ thể là quan hệ giữa lớp học với Ban giám hiệu, các Phòng ban, Trung tâm, với Khoa đào tạo - Bộ môn, với các tổ chức đoàn thể trong nhà trường. Mỗi quan hệ này không chỉ là mối quan hệ giao tiếp mà còn là mối quan hệ công việc, đào tạo, sự vụ... phục vụ cho hoạt động học tập và rèn luyện ở lớp diễn ra một cách bình thường, theo đó tác động thường xuyên đến đời sống tâm lý của mỗi sinh viên cũng như của cả lớp học và khiến bầu không khí tâm lý của lớp học bị ảnh hưởng. Trong quá trình hoạt động và giao tiếp, sinh viên sẽ hình thành nhận thức - thái độ tùy theo sự thỏa mãn hay không thỏa mãn các nhu cầu của bản thân trong các mối quan hệ trên, từ đó chi phối đến bầu không khí tâm lý chung của lớp học.

Về nội quy - kỷ luật - điều lệnh: Đây là yếu tố định hướng sự phát triển các mối quan hệ qua lại phù hợp với chuẩn mực đạo đức, yêu cầu của nhiệm vụ học tập và rèn luyện, làm cơ sở cho bầu không khí tâm lý phát triển theo hướng tích cực. Thực chất, đây chính là kim chỉ nam cho ứng xử của tất cả các bộ phận làm việc trong nhà trường, là quy định để sinh viên căn cứ vào nhằm thực hiện nhiệm vụ và quyền lợi của mình. Nội quy - kỷ luật không những là điều kiện cơ bản để thiết lập trật tự, ổn định và sự tồn tại của lớp học mà còn là yếu tố tạo ra sự gắn kết giữa các sinh viên, ngăn ngừa các xung đột tâm lý xảy ra. Đặc biệt, việc các sinh viên nghiêm túc thực hiện điều lệnh nội vụ Công an nhân dân cũng là nét đặc thù của các trường Công an nhân dân nói chung và trường Đại học ANND nói riêng cũng thể hiện vai trò quan trọng của nó đối với việc tạo ra những lớp học có tổ chức chặt chẽ, nghiêm túc, góp phần nâng cao kết quả hoạt động học tập và rèn luyện của sinh viên. Tuy nhiên, người nghiên cứu nhận thấy cần lưu ý đến yếu tố này trong quá trình giảng viên tổ chức hoạt động sư phạm trên lớp, vì có thể sẽ tạo ra sự cứng nhắc quá mức, không phát huy được tư duy năng động, sáng tạo, linh hoạt ở người học.

Về đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học: Yếu tố này có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành và phát triển bầu không khí tâm lý của

lớp học. Nếu hoạt động giảng dạy và giáo dục đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của sinh viên, sẽ tạo thành động lực góp phần nâng cao kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên nói riêng và của cả lớp nói chung. Bên cạnh đó, cũng cần nhận thức rằng: mục tiêu của việc dạy học và giáo dục có trùng khớp với mục tiêu cá nhân của sinh viên hay không, nội dung dạy học và giáo dục có đáp ứng được nhu cầu người học hay không, phương pháp dạy học và giáo dục có hấp dẫn sinh viên hay không, hình thức tổ chức dạy học và giáo dục có phong phú đa dạng hay gây nhàm chán và không hiệu quả, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả dạy học và giáo dục có khách quan và khoa học hay không thì sẽ ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến bầu không khí tâm lý của lớp học.

Về điều kiện học tập và rèn luyện của sinh viên: Điều kiện học tập và rèn luyện của sinh viên là những điều kiện về phương tiện phục vụ cho học tập, rèn luyện và thời gian học tập và rèn luyện. Điều kiện sinh hoạt, học tập được quan tâm đúng mức, đảm bảo được khai thác tối đa không chỉ nâng cao hiệu quả học tập và rèn luyện mà còn tác động tích cực đến cảm xúc, thái độ của sinh viên đối với việc học tập, rèn luyện. Thời gian sống và hoạt động chung càng nhiều (cụ thể ở trường Đại học ANND là sống nội trú, tập trung), sinh viên càng có điều kiện thuận lợi để hiểu biết lẫn nhau, tác động qua lại lẫn nhau, từ đó tạo nên sự thống nhất về định hướng giá trị, thiết lập và củng cố các mối quan hệ giữa các sinh viên trong lớp học. Như vậy, điều kiện học tập và rèn luyện thuận lợi hay không thuận lợi, sự ổn định của lớp học là một trong những điều kiện ảnh hưởng rất lớn đến bầu không khí tâm lý của lớp học đó.

+ *Nhóm các yếu tố bên trong*, bao gồm: Đặc điểm của người giảng viên đứng lớp, sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học, đặc điểm của hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp.

Về đặc điểm của người giảng viên đứng lớp: Người giảng viên đứng lớp là người chỉ huy, lãnh đạo tập thể lớp học thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện. Do đó, phong cách điều hành và ứng xử của người giảng viên ảnh hưởng rất lớn đối với bầu không khí tâm lý của lớp học. Đặc điểm của người giảng viên thể hiện ở hai

khía cạnh: *Thứ nhất* là khả năng tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục: Khả năng này ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện mục tiêu giảng dạy và giáo dục, ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định và triển khai nội dung, thiết kế bài giảng, lựa chọn hình thức tổ chức và phương pháp giảng dạy có thể phát huy được năng lực, sở trường người học, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và giáo dục của sinh viên. Qua đó, ảnh hưởng tích cực hoặc tiêu cực đến bầu không khí tâm lý của lớp học. *Thứ hai* là phong cách lãnh đạo của người giảng viên: cụ thể là việc quản lý, điều hành hoạt động giảng dạy và giáo dục, thể hiện tính chất mối quan hệ giữa giảng viên và sinh viên. Người giảng viên khi nhận được sự tin tưởng, hợp tác và quý mến của sinh viên sẽ càng nhiệt huyết, say mê tìm tòi tích lũy tri thức và ứng dụng những phương pháp giảng dạy hiện đại, tích cực để có thể giúp đỡ, hỗ trợ sinh viên đạt đến mục tiêu chung của lớp học và của cá nhân sinh viên. Theo đó, sẽ tạo nên một bầu không khí tâm lý tích cực cho lớp học. Thực tế có những loại phong cách lãnh đạo khác nhau như phong cách độc đoán (có thể đạt hiệu quả cao nhưng trong quan hệ giữa các thành viên dễ xuất hiện những phản ứng đối nghịch, dễ gây nên bất mãn, hình thành thái độ thù ghét hoặc xa lánh, làm cho bầu không khí tâm lý của lớp học trở nên nặng nề và thụ động); Phong cách tự do (tạo nên sự thoải mái nhất thời, song dần dần người giảng viên khó nâng cao uy tín của mình đối với lớp học, khó giữ được nề nếp kỷ luật, sinh viên dễ trở nên hời hợt, không có tâm thế và thái độ tích cực chủ động đối với các hoạt động học tập và rèn luyện); Phong cách dân chủ có thể tạo nên bầu không khí tâm lý vừa tích cực, thuận lợi, giảng viên và sinh viên gần gũi với nhau hơn nhưng vẫn giữ được những nề nếp kỷ luật, sinh viên có cơ hội thể hiện thái độ tích cực, sáng tạo trong học tập và rèn luyện). Như vậy, nếu người giảng viên nắm bắt được đặc điểm của các thành viên trong lớp học, đặc trưng hoạt động học tập, rèn luyện của nhà trường, nắm bắt được trình độ trưởng thành của lớp học trong một giai đoạn nhất định, thể hiện phong cách lãnh đạo phù hợp sẽ là một nhân tố quan trọng tạo ra bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học.

Về sự tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong lớp học: Tương hợp tâm lý là sự phối hợp tối ưu những phẩm chất nhân cách của các thành viên nhằm đảm bảo

cho hoạt động của lớp học được diễn ra một cách nhịp nhàng, thống nhất. Cụ thể là: Sự tương hợp trong xu hướng của nhân cách (nhu cầu và hứng thú tương đối giống nhau, niềm tin và thế giới quan không đối lập, cùng định hướng giá trị); Sự tương hợp trong tính cách (không xung khắc, chấp nhận cá tính của nhau); Sự tương hợp trong đặc điểm khí chất (Phản ứng tâm sinh lý, nhịp độ và cường độ hoạt động tinh thần của mọi người ăn khớp nhau); Sự tương hợp về năng lực hoạt động (mức chênh lệch về trình độ không quá cao, các thành viên có thể phối hợp hành động và mang lại hiệu quả). Sự tương hợp có thể hiểu ở khía cạnh các phẩm chất nhân cách tương đương nhau hoặc mang tính bù trừ cho nhau. Nếu yếu tố này tồn tại và phát triển trong tập thể lớp học sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên có sự phối hợp với nhau trong học tập, rèn luyện, từ đó đem lại kết quả cao trong mọi mặt hoạt động. Mặt khác, sự tương hợp tâm lý giúp xây dựng các mối quan hệ cá nhân thuận hòa, tránh được những bất đồng, xung khắc, mọi người trở nên gắn bó hơn. Như vậy sự tương hợp tâm lý là một nhân tố chi phối mạnh mẽ đến quá trình hình thành bầu không khí tâm lý của lớp học, là điều kiện thuận lợi góp phần tạo dựng nên một hình ảnh về những lớp học mà ở đó các thành viên đoàn kết, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau, mọi người đều hướng hoạt động của mình vào việc thực hiện mục đích chung của tập thể.

Về đặc điểm của hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp: Sự tương hợp tâm lý vừa được phân tích ở trên chỉ được nhận diện trong môi trường hoạt động và giao tiếp ở lớp học, vì ở đó, các cá nhân bộc lộ tâm lý cá nhân và tương tác với tâm lý của các cá nhân khác. Hoạt động và giao tiếp trong lớp học vừa là nguyên nhân làm xuất hiện các thái độ, tạo nên bầu không khí tâm lý của lớp học, vừa là phương thức vận hành và biểu hiện các đặc điểm của một bầu không khí tâm lý của lớp học ra bên ngoài, đồng thời đến lượt nó lại tác động ngược trở lại đến thái độ của các thành viên trong lớp học. Nói một cách khác, các thành viên của lớp học bày tỏ thái độ của mình ra trước tập thể và đồng thời nhập tâm những trạng thái xúc cảm của cá nhân khác hay của lớp học trở thành tâm trạng của cá nhân.

Các loại hoạt động chính yếu thường diễn ra trong lớp học là hoạt động học tập, hoạt động rèn luyện và giao tiếp. Trong quá trình hoạt động và giao tiếp, giữa các chủ thể (giảng viên và sinh viên) sẽ trao đổi thông tin, trao đổi cảm xúc, nhận thức lẫn nhau, ảnh hưởng tác động qua lại lẫn nhau. Do một số đặc thù của hoạt động học tập, rèn luyện tại trường Đại học ANND, sinh viên khi tiến hành các hoạt động này phải chủ động tiếp thu lượng tri thức lớn và quan trọng, đặc biệt là những kiến thức nghiệp vụ chuyên ngành để sau này đáp ứng yêu cầu của công tác bảo vệ An ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội. Điều này cũng dễ dẫn đến sự căng thẳng, mệt mỏi và làm ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Chính vì vậy, yếu tố giao tiếp giữa giảng viên và sinh viên, giữa các sinh viên với nhau đóng vai trò rất quan trọng. Sự chia sẻ lẫn nhau về những hoạt động diễn ra trong lớp học sẽ giúp các thành viên thấy thoải mái, tự tin, góp phần tạo nên một bầu không khí tâm lý tích cực chung cho cả lớp học. Ngoài ra, có thể thấy, các yếu tố khác như: mối quan hệ trong nhà trường, nội quy kỷ luật, điều kiện vật chất, yếu tố thuộc về giảng viên... muốn ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học đều phải thông qua hoạt động và giao tiếp diễn ra trong lớp học đó.

Định nghĩa bầu không khí tâm lý của lớp học đã đề cập đến trạng thái tâm lý chủ đạo phản ánh thái độ của các thành viên trong lớp học đó. Tuy nhiên, thái độ hình thành hay không có liên quan đến nhu cầu của cá nhân, mà nhu cầu có được thỏa mãn hay không đều phải thông qua hoạt động và giao tiếp của các thành viên trong lớp học. Do đó, hoạt động và giao tiếp là yếu tố quyết định trực tiếp đến sự hình thành một thái độ nào đó ở cá nhân nói riêng và lớp học nói chung.

TIỂU KẾT

Qua nghiên cứu lý luận về bầu không khí tâm lý của lớp học, có thể rút ra một số tiểu kết sau:

Vấn đề bầu không khí tâm lý đã được nhiều nhà Tâm lý học quan tâm nghiên cứu với nhiều quan niệm khác nhau. Song cần xuất phát từ nền tảng lý luận của Tâm lý học duy vật biện chứng để xem xét và đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học. Bầu không khí tâm lý của lớp học là trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong lớp học và được biểu hiện qua thái độ của các thành viên với nhau, thái độ với nhiệm vụ của lớp học và thái độ đối với bản thân của từng thành viên. Trên cơ sở đó, có thể khẳng định bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND là trạng thái tâm lý chủ đạo, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các sinh viên Đại học ANND trong lớp học và được biểu thị qua thái độ của các thành viên với nhau, thái độ đối với bản thân, thái độ đối với hoạt động và rèn luyện để trở thành những sỹ quan An ninh.

Bầu không khí tâm lý của lớp học có cấu trúc tâm lý phức tạp bao gồm ba thành phần cơ bản: Thái độ của các thành viên với nhau, thái độ đối với bản thân và thái độ đối với hoạt động học tập và rèn luyện. Có những yếu tố bên trong và bên ngoài tác động đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Nhóm yếu tố bên ngoài là những điều kiện khách quan, mang tính định hướng cho sự hình thành và phát triển bầu không khí tâm lý của lớp học. Nhóm yếu tố bên trong là điều kiện chủ quan để tiếp nhận các tác động từ bên ngoài, trực tiếp tạo nên bầu không khí tâm lý của lớp học.

Nghiên cứu bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND được tập trung vào các vấn đề cơ bản sau:

- Biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND thông qua các tiêu chí đánh giá đã được xây dựng trong phần lý luận như thái độ đối với giảng viên, thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp học, thái độ đối với bản thân, thái độ đối với hoạt động học tập và rèn luyện.

- Những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

Chương 2

THỰC TRẠNG BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN

2.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu thực trạng

2.1.1. Vài nét về khách thể nghiên cứu thực trạng

Trường Đại học ANND, tiền thân là trường An ninh Trung ương cục miền Nam được thành lập ngày 09/10/1963 tại căn cứ Trung ương cục miền Nam ở Tây Ninh. Trải qua gần 50 năm xây dựng và trưởng thành, đáp ứng yêu cầu của ngành trong công tác đào tạo đội ngũ cán bộ cho lực lượng Công an nhân dân nói chung và lực lượng An ninh miền Nam nói riêng, nhà trường đã có những bước phát triển bền vững đáp ứng tốt nhiệm vụ đào tạo nhiều bậc học ở nhiều giai đoạn với những tên gọi khác nhau như: Trường An ninh Trung ương cục miền Nam (1963-1975); Trường Bổ túc sỹ quan Công an nhân dân (1976-1984); Trường Cao đẳng ANND II (1984-1989); Trường Đại học ANND cơ sở phía Nam (1989-1995); Phân hiệu Đại học ANND; Phân hiệu Học viện ANND; và từ ngày 30/7/2003 đến nay, theo Quyết định số 154/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, trường Đại học ANND chính thức được thành lập với tư cách là một trường đại học độc lập trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Với sự nỗ lực phấn đấu để đưa nhà trường không ngừng phát triển, sớm trở thành một trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học của lực lượng Công an nhân dân ở các tỉnh, thành phía Nam, chỉ sau hai năm, từ khi chính thức trở thành trường đại học độc lập, ngày 07/01/2005 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 07/2005/QĐ-TTg, giao nhiệm vụ đào tạo thạc sỹ cho nhà trường. Và trong nhiều năm kế tiếp, nhà trường tiếp tục có những bước phát triển về mọi mặt, hội đủ điều kiện để có thể đảm nhận nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ. Ngày 24/12/2010, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã có Quyết định số 6008/QĐ-BGDĐT về việc cho phép trường Đại học ANND đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Điều tra tội phạm

xâm phạm An ninh quốc gia.

Nhận thức rõ vị trí và trách nhiệm của nhà trường trong sự nghiệp đào tạo đội ngũ cán bộ trí thức bậc cao cho công an các tỉnh, thành phía Nam nhằm đáp ứng một cách tốt nhất nhiệm vụ bảo vệ An ninh quốc gia trong bối cảnh tình hình chính trị thế giới và khu vực luôn diễn biến hết sức phức tạp, Đảng ủy, Ban Giám hiệu nhà trường đã xác định rõ định hướng tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng quy mô đào tạo, tổ chức đào tạo nhiều cấp học, nhiều hệ đào tạo khác nhau. Hiện nay, nhà trường có các hệ chính như hệ đại học chính quy, hệ vừa làm vừa học, hệ liên thông từ trung cấp lên đại học, hệ cử tuyển, hệ bồi dưỡng dành cho cán bộ đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng ngoài ngành đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân. Riêng đối với hệ đại học chính quy, thời gian đào tạo là 5 năm với hình thức đào tạo là tập trung chính quy, dài hạn. Sinh viên thuộc hệ chính quy chủ yếu là nam, nữ chiếm tỷ lệ khá nhỏ. Nhiệm vụ chính của sinh viên nhà trường là học tập và rèn luyện theo chương trình, mục tiêu đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Công an.

Hiện tại, nhà trường có 26 đơn vị Khoa, Bộ môn, Phòng, Trung tâm với số lượng cán bộ, giáo viên khoảng gần 350 người. Về hệ thống cơ sở vật chất, đến nay, nhà trường đã xây dựng và có hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo phục vụ tốt nhiệm vụ đào tạo cán bộ chiến sĩ an ninh với quy mô hiện tại 3.700 sinh viên và quy mô 5.500 sinh viên vào năm 2015.

Về khách thể nghiên cứu, số sinh viên được chọn làm mẫu nghiên cứu gồm 317 sinh viên thuộc các khóa D19, D20 và D21 hệ chính quy của các chuyên ngành đang theo học tại trường Đại học ANND (bao gồm chuyên ngành Trinh sát chống gián điệp, Trinh sát chống phản động, Trinh sát Bảo vệ an ninh nội bộ và An ninh điều tra). Thành phần sinh viên theo học rất đa dạng về độ tuổi, quê quán... Các sinh viên đang theo học tại trường đều thuộc quân số của Công an các tỉnh, thành từ Quảng Trị trở vào đưa đi học nên mỗi sinh viên có thể mang trong mình những nét văn hóa vùng miền khác nhau. Sinh viên theo học có thể là cán bộ đang công tác thực tế tại các đơn vị nghiệp vụ địa phương, chiến sĩ nghĩa vụ hay học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông nên bình quân độ tuổi từ 18 đến khoảng 30. Sinh viên

đều sống tập trung ở ký túc xá trong trường theo chế độ học tập, rèn luyện, sinh hoạt mang tính tập thể và được bao cấp hoàn toàn. Mỗi một chuyên ngành được phân bổ theo lớp và có ký hiệu riêng. Có chuyên ngành được phân thành hai lớp trong cùng một khóa, có chuyên ngành chỉ có một lớp trong một khóa. Số lượng sinh viên trong mỗi lớp khá đông tùy từng năm và dao động từ khoảng 60 đến 95 sinh viên.

Trong mỗi lớp học, sinh viên cùng nhau tiến hành hoạt động học tập, rèn luyện dưới sự hướng dẫn của giảng viên đứng lớp và sự hỗ trợ trong công tác quản lý lớp của thầy cô chủ nhiệm cùng với Ban chỉ huy lớp. Với những đặc trưng của lớp học nói chung và những đặc điểm đặc thù của lớp học tại trường Đại học ANND, việc nghiên cứu đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học cần được xem xét một cách toàn diện, khách quan để đề ra những biện pháp nhằm phát huy những mặt mạnh cũng như khắc phục được những tồn tại để có được những lớp học với bầu không khí tâm lý tích cực, lành mạnh, góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một trung tâm đào tạo đại học, sau đại học và nghiên cứu khoa học của lực lượng Công an nhân dân ở các tỉnh, thành phía Nam.

2.1.2. Tổ chức nghiên cứu thực trạng

a. Về mục đích nghiên cứu:

Nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

b. Về khách thể nghiên cứu:

Người nghiên cứu lựa chọn ngẫu nhiên 4 lớp học với số lượng là 317 sinh viên thuộc các khóa D19, D20 và D21 hệ chính quy đang học tập tại trường Đại học ANND. Cụ thể số lượng và thành phần mẫu nghiên cứu như sau:

| Lớp | Số lượng | Giới tính | | Cán bộ CS nghĩa vụ | Học sinh PT |
|----------------|------------|------------|-----------|-----------------------|----------------|
| | | Nam | Nữ | | |
| D21A2 | 73 | 69 | 4 | 5 | 68 |
| D20B1 | 82 | 67 | 15 | 4 | 78 |
| D20D | 69 | 53 | 16 | 3 | 66 |
| D19C | 93 | 83 | 10 | 6 | 87 |
| Tổng số | 317 | 272 | 45 | 18 | 299 |

c. Về nhiệm vụ nghiên cứu:

- Nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

- Tìm hiểu những yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND.

d. Về phương pháp nghiên cứu:

Người nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu chủ yếu sau: phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp quan sát và phương pháp phỏng vấn. Cụ thể như sau:

- *Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi.*

+ Căn cứ vào lý luận về các tiêu chí đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học, người nghiên cứu cụ thể hóa thành các câu hỏi trong một bảng hỏi để sinh viên có thể trả lời. Người nghiên cứu sử dụng thông tin mà sinh viên cung cấp qua bảng hỏi để phân tích, tổng hợp và đưa ra các kết quả nghiên cứu.

+ Căn cứ vào kết quả khảo sát thử trên 60 sinh viên trường Đại học ANND và góp ý của người hướng dẫn, người nghiên cứu chỉnh sửa và hoàn thiện bảng hỏi chính thức.

+ Ngoài phần thu thập thông tin cá nhân (Phần A), bảng hỏi được thiết kế gồm 39 câu, tập trung làm nổi rõ những nội dung sau:

Các câu hỏi khảo sát về thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học (5 câu), trong đó: Câu 3 khảo sát về thái độ của các thành viên trong lớp với nhau với 17 tiêu chí đánh giá; Câu 6 khảo sát về thái độ đối với bản thân với 10 tiêu chí đánh giá; Câu 12 khảo sát về thái độ của lớp đối với việc học tập với 17 tiêu chí đánh giá; Câu 18 khảo sát về thái độ của lớp đối với việc rèn luyện với 10 tiêu chí đánh giá; Câu 23 khảo sát về thái độ đối với giảng viên với 10 tiêu chí đánh giá.

Đề xuất của sinh viên về những biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học (1 câu - câu 39): trong đó nêu rõ địa chỉ kiến nghị bao gồm nhà trường, giảng viên, cán bộ Phòng Quản lý sinh viên làm công tác chủ nhiệm lớp, Ban chỉ huy lớp, Cán bộ Đoàn - Hội và bản thân sinh viên.

Các câu hỏi khảo sát các yếu tố ảnh hưởng đến thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học là 32 câu còn lại, trong đó: Câu 32, 33, 34, 35 khảo sát yếu tố mối quan hệ xã hội và nội quy - kỷ luật; Câu 13, 14, 24 khảo sát yếu tố đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục; Câu 11, 19, 20 khảo sát yếu tố điều kiện học tập, rèn luyện; Câu 25, 26, 27 khảo sát yếu tố đặc điểm giảng viên đứng lớp; Câu 5, 7, 8, 21, 22 khảo sát yếu tố tương hợp tâm lý giữa các thành viên trong lớp; Câu 4, 9, 10, 15, 16, 17, 27, 28, 29, 30, 31 khảo sát yếu tố đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp; Câu 1, 2, 36, 37, 38 khảo sát những yếu tố khác.

+ Về cách tính điểm và khảo sát: chủ yếu tính điểm trung bình, thống kê tần số, khảo sát tương quan. Những câu hỏi khảo sát mức độ sẽ được tính điểm từ 1 điểm đến 5 điểm tương ứng với các mức từ 1 đến 5 trong đó mức 5 là mức tích cực nhất và mức 1 là mức tiêu cực nhất. Kết quả khảo sát thu được tùy thuộc vào cách phân chia mức độ như sau để đưa ra kết luận về thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học:

Từ 1 đến cận 1.8: Rất tiêu cực

Từ 1.8 đến cận 2.6: Khá tiêu cực

Từ 2.6 đến cận 3.4: Trung tính

Từ 3.4 đến 4.2: Khá tích cực

Từ 4.2 đến 5: Rất tích cực

- *Phương pháp phỏng vấn.*

Người nghiên cứu xây dựng hệ thống câu hỏi phỏng vấn nhằm tìm hiểu sâu hơn thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học và những yếu tố ảnh hưởng; trực tiếp phỏng vấn một số sinh viên trong mẫu khảo sát; ghi thành biên bản và ghi âm, gõ băng để đảm bảo sự khách quan, chính xác trong phân tích dữ liệu thu được từ cuộc phỏng vấn.

Cụ thể về số lượng và thành phần mẫu được chọn phỏng vấn như sau:

| Lớp | Số lượng | Giới tính | | Ban chỉ huy lớp - Cán bộ Đoàn - Hội - CLB | Khác |
|----------------|-----------|-----------|----------|--|----------|
| | | Nam | Nữ | | |
| D21A2 | 5 | 4 | 1 | 3 | 2 |
| D20B1 | 5 | 3 | 2 | 3 | 2 |
| D20D | 5 | 4 | 1 | 3 | 2 |
| D19C | 5 | 3 | 2 | 3 | 2 |
| Tổng số | 20 | 14 | 6 | 12 | 8 |

- Phương pháp quan sát.

Tham gia một buổi sinh hoạt lớp và dự giờ ba buổi học thuộc các môn học Luật Hình sự, Tâm lý học đại cương và Tâm lý học nghiệp vụ; Qua đó, người nghiên cứu quan sát và ghi thành biên bản những nội dung quan sát được:

+ Giao tiếp, chia sẻ với giảng viên và với sinh viên khác trong giờ học và giờ sinh hoạt.

+ Thái độ của sinh viên trong các hoạt động nhóm.

2.2. Kết quả khảo sát thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

2.2.1. Đánh giá khái quát về bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

Qua phân tích dữ liệu thu được, người nghiên cứu đưa ra kết quả khảo sát khái quát về bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND qua bảng 2.1.

Bảng 2.1. Điểm TB và DLC của các biểu hiện khái quát bầu không khí tâm lý của lớp học

| Tiêu chí \ Lớp | D21A2 | | D20B1 | | D20D | | D19C | |
|--------------------------|-------|------|-------|------|------|------|------|------|
| | TB | DLC | TB | DLC | TB | DLC | TB | DLC |
| Thái độ với nhau | 2,32 | 0,45 | 3,12 | 0,46 | 3,65 | 0,45 | 3,97 | 0,45 |
| Thái độ đối với bản thân | 3,00 | 0,68 | 3,90 | 0,59 | 3,35 | 0,57 | 4,16 | 0,67 |
| Thái độ đối với nhiệm vụ | 2,75 | 0,47 | 3,15 | 0,44 | 3,02 | 0,46 | 3,39 | 0,47 |
| Chung | 2,61 | 0,52 | 3,26 | 0,49 | 3,34 | 0,47 | 3,75 | 0,51 |

Căn cứ vào kết quả thể hiện ở bảng 2.1 và cách phân chia mức độ đã được thống nhất (trang 58 - mục 2.1.1), có thể nhận thấy bầu không khí tâm lý của lớp học có sự khác nhau khá rõ giữa các lớp. Cụ thể là:

Bảng 2.2. Đánh giá khái quát mức độ bầu không khí tâm lý của lớp học

| Lớp | Thái độ đối với nhau | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với nhiệm vụ | Chung |
|--------------|---------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------|--------------|
| D19C | Khá tích cực | Khá tích cực | Trung tính | Khá tích cực |
| D20B1 | Trung tính | Khá tích cực | Trung tính | Trung tính |
| D20D | Khá tích cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| D21A2 | Khá tiêu cực | Trung tính | Trung tính | Trung tính |

Nhìn vào bảng 2.1 và 2.2, điều dễ dàng nhận thấy là nhìn chung không có lớp nào có biểu hiện bầu không khí tâm lý ở hai đầu cực là “Rất tiêu cực” hay “Rất tích cực”. Cả ba lớp D20B1, D20D và D21A2 đều có kết quả ở mức độ “Trung tính”. Riêng lớp D19C có kết quả khá cao ở mức độ “Khá tích cực”. Tuy nhiên, nếu quan sát từng nhóm tiêu chí, vẫn nhận ra có sự khác biệt rõ rệt. Lớp D21A2 có điểm số ở một nhóm tiêu chí (thái độ với nhau) thể hiện mức độ “Khá tiêu cực”. Kết quả khảo sát cũng đã cho thấy ở các lớp đều thể hiện mức độ “Trung tính” khi hỏi về thái độ đối với nhiệm vụ. Đây cũng chính là vấn đề mà rất nhiều giảng viên, cán bộ và cả sinh viên trăn trở. Hiện tượng “bình quân chủ nghĩa trong học tập” đang hiện hữu ở khá nhiều sinh viên, khiến họ thụ động và không quan tâm nhiều đến việc nỗ lực, tích cực trong học tập, dễ dẫn đến việc tạo ra bầu không khí tâm lý không tích cực. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, người nghiên cứu đã phỏng vấn một số sinh viên. Sinh viên T.T.H.G cho biết: “Tôi thấy lớp học chúng tôi còn thụ động lắm, chưa thật sự tích cực trong học tập. Nhiều bạn suy nghĩ học nhiều thì ra làm cũng như nhau”. Sinh viên N.L.D chia sẻ: “Tôi thấy thực tế có nhiều giảng viên trẻ chưa thật sự khơi gợi hứng thú cho người học, vẫn còn nhiều áp đặt, khiến người học thụ động”. Đây là vấn đề mà nhà trường, giảng viên và cả sinh viên cần lưu ý để có thể khắc phục những tồn tại nhằm tạo nên không khí học tập sôi nổi, tích cực, góp phần xây dựng bầu không khí tâm lý thuận lợi cho việc tiếp thu tri thức.

Nhìn một cách khái quát, điều đáng mừng là kết quả chung không có biểu hiện tiêu cực, song xem xét ở từng khía cạnh vẫn có thể thấy sự khác biệt rõ rệt trong những tiêu chí đánh giá về bầu không khí tâm lý của các lớp. Mỗi tập thể lớp học mang đặc trưng về bầu không khí tâm lý khác biệt so với các lớp khác.

Sau đây là những đánh giá khái quát về bầu không khí tâm lý của bốn lớp D19C, D20B1, D20D và D21A2, được biểu hiện cụ thể như sau:

- Lớp D19C:

So với 3 lớp còn lại, kết quả khảo sát về bầu không khí tâm lý của lớp D19C cho giá trị trung bình khá cao (điểm trung bình là 3,75) ở mức độ “Khá tích cực”. Đây là lớp học thuộc năm thứ tư và đang chuẩn bị bước sang năm thứ năm. Mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp được thể hiện rất tốt với điểm trung bình đạt 3,97 ở mức “Khá tích cực”. Riêng thái độ đối với bản thân của các thành viên trong lớp cũng với mức “Khá tích cực” nhưng được xem là tốt nhất với trị số trung bình cao hơn (4,16). Có thể thấy, độ lớn về thời gian cùng học tập, rèn luyện và sinh hoạt đã giúp sinh viên D19C xây dựng được mối quan hệ tích cực, gắn bó với nhau và đã nhìn nhận bản thân theo hướng tích cực. Tuy nhiên, ở tiêu chí thái độ đối với nhiệm vụ của lớp D19C, trị số trung bình là 3,39, tuy đang gần đạt đến mức 3,4 là “Khá tích cực” nhưng với cách phân chia mức độ như đã đề cập ở trên thì lớp vẫn rơi vào trường hợp “Trung tính”.

- Lớp D20B1:

Tương đồng với lớp D19C về tiêu chí thái độ đối với bản thân, lớp D20B1 cũng đạt mức “Khá tích cực” với điểm trung bình là 3,90. Như vậy, các thành viên trong lớp đã có biểu hiện tích cực, có cảm xúc tốt về bản thân khi ở trong lớp học. Tuy nhiên, ở các tiêu chí còn lại, lớp D20B1 đều ở vào mức “Trung tính” với hai trị số trung bình lần lượt là 3,12 và 3,15 tương ứng với thái độ với nhau và thái độ đối với nhiệm vụ. Như vậy, nếu so sánh các tiêu chí, lớp D20B1 có hai biểu hiện ở mức “Trung tính” và một biểu hiện ở mức “Khá tích cực”, trong khi đó, lớp D19C có hai biểu hiện ở mức “Khá tích cực” và một biểu hiện ở mức “Trung tính”. Sự trái ngược này cần được phân tích làm rõ để hiểu sâu hơn về bầu không khí tâm lý của từng

lớp học. Nhìn chung, với kết quả trị số trung bình là 3,26, bầu không khí tâm lý của lớp D20B1 được đánh giá là ở mức “Trung tính”.

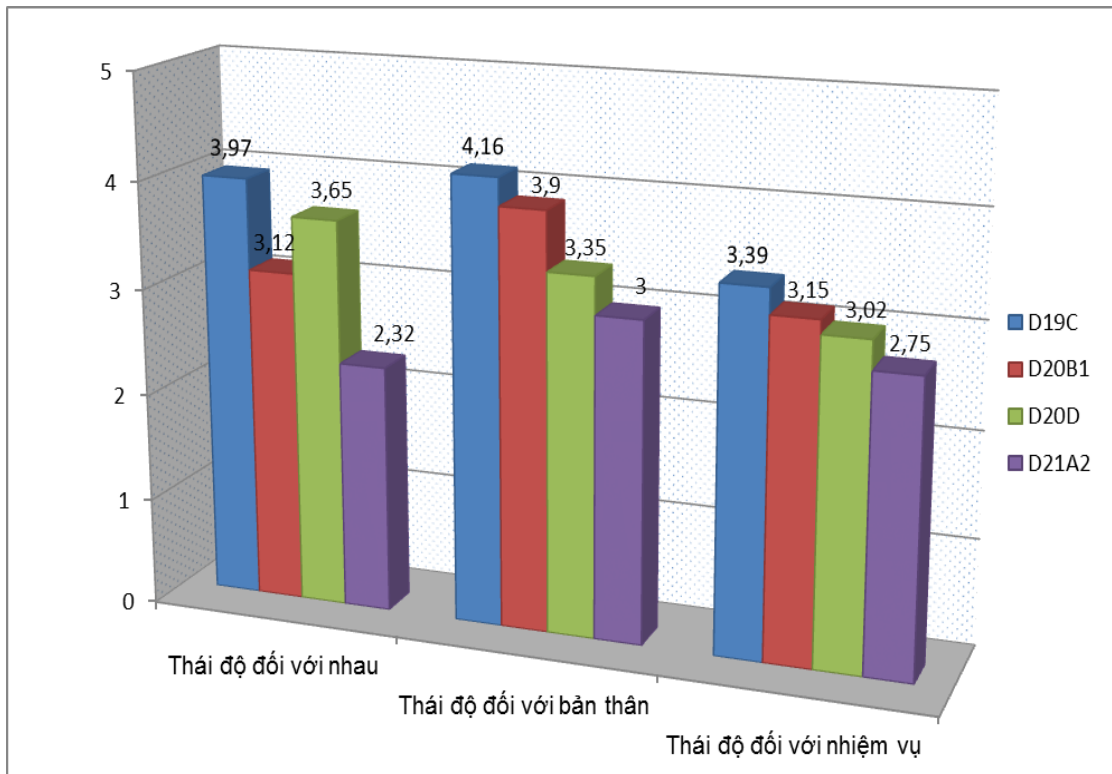
- Lớp D20D:

Lớp D20D cũng có kết quả tương tự với lớp D19C và D20B1 khi đạt mức “Trung tính” ở khía cạnh thái độ đối với nhiệm vụ, mặc dù trị số trung bình có khác nhau (điểm trung bình là 3,02 - so với trị số trung bình 3,15 của lớp D20B1 và 3,39 của lớp D19C). Ở hai tiêu chí còn lại, có sự trái ngược với lớp D20B1, cụ thể là: mức “Khá tích cực” rơi vào tiêu chí thái độ với nhau với điểm trung bình là 3,65 và tiêu chí thái độ đối với bản thân lại có mức “Trung tính” có trị số trung bình là 3,35. Như vậy, ở hai lớp học này có những đặc điểm khác biệt về thái độ của các thành viên với nhau và cảm xúc đối với chính bản thân mình. Mặc dù có sự trái ngược này, nhưng với kết quả trung bình thu được là 3,34, mức “Trung tính” là từ dùng để đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp D20D.

- Lớp D21A2:

Đây là lớp học thuộc năm thứ hai, được xem là nhỏ nhất so với ba lớp “đàn anh” D19C, D20B1 và D20D. Kết quả cũng cho thấy có sự khác biệt rõ rệt về mức độ ở khía cạnh thái độ với nhau. Với trị số trung bình rất thấp (2,32) đã xác định khía cạnh này nằm trong mức “Khá tiêu cực”. Đây cũng là biểu hiện duy nhất có ý nghĩa không tích cực so với các lớp, thể hiện mối quan hệ giữa các thành viên trong lớp thật sự không tốt. Trong khi đó, hai tiêu chí thái độ đối với bản thân và thái độ đối với nhiệm vụ cho kết quả tương đương với kết quả của lớp D20D, cụ thể là đều rơi vào mức “Trung tính” với điểm trung bình lần lượt là 3,00 và 2,75. Điểm đáng lưu ý ở đây là, mặc dù đều ở mức “Trung tính”, nhưng con số trung bình (2,75 - thái độ đối với nhiệm vụ) là thấp nhất so với các lớp, cao hơn mức cận dưới “Trung tính” không đáng kể. Căn cứ vào từng tiêu chí, lớp D21A2 có kết quả khảo sát về bầu không khí tâm lý của lớp học thấp nhất so với các lớp, song tổng hợp lại, kết quả này đạt mức “Trung tính”.

Có thể nhìn lại biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học một cách khái quát qua biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.1. Biểu hiện khái quát bầu không khí tâm lý của các lớp

Người nghiên cứu tiếp tục tìm hiểu tương quan giữa ba yếu tố, kết quả thu được như sau:

Bảng 2.3. Kết quả tương quan giữa các mặt biểu hiện của bầu không khí tâm lý của các lớp

| Lớp | Tiêu chí | Thái độ với nhau | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với nhiệm vụ |
|--------------|--------------------------|------------------|--------------------------|--------------------------|
| D19C | Thái độ với nhau | 1 | .526* | .465* |
| | Thái độ đối với bản thân | | 1 | .538* |
| | Thái độ đối với nhiệm vụ | | | 1 |
| D20B1 | Thái độ với nhau | 1 | .501* | .495* |
| | Thái độ đối với bản thân | | 1 | .512* |
| | Thái độ đối với nhiệm vụ | | | 1 |
| D20D | Thái độ với nhau | 1 | .520* | .483* |
| | Thái độ đối với bản thân | | 1 | .510* |
| | Thái độ đối với nhiệm vụ | | | 1 |
| D21A2 | Thái độ với nhau | 1 | .519* | .426* |
| | Thái độ đối với bản thân | | 1 | .527* |
| | Thái độ đối với nhiệm vụ | | | 1 |

(*) Có ý nghĩa với $\alpha = 0.01$

Với hệ số tương quan thu được ở bảng 2.3, người nghiên cứu khẳng định có sự tương quan chắc chắn và rõ rệt giữa các mặt như thái độ đối với bản thân - thái độ với nhau, thái độ đối với bản thân - thái độ đối với nhiệm vụ. Như vậy, một khi thái độ của các thành viên trong lớp đối nhau như có sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ, tôn trọng nhau... thì sẽ ảnh hưởng đến thái độ của mỗi người đối với chính bản thân họ, họ sẽ cảm thấy tự tin, thoải mái khi trình bày quan điểm, thấy tôn trọng bản sắc cá nhân... Đồng thời, một khi bản thân các thành viên trong lớp có thái độ tích cực như có tinh thần cầu tiến, yêu cầu cao với bản thân, tự tin thì sẽ ảnh hưởng đến thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện, họ sẽ chủ động, tích cực, nỗ lực sáng tạo để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của người sinh viên trên giảng đường đại học. Ngoài ra, giữa thái độ với nhau - thái độ đối với nhiệm vụ cũng có mối liên hệ tương quan nhưng không chặt bằng các yếu tố còn lại với nhau.

Có thể rút ra những nhận xét sau:

- Bầu không khí tâm lý của lớp học nhìn chung không có mức độ tiêu cực, song xem xét ở từng khía cạnh vẫn có thể thấy sự khác biệt rõ rệt trong những tiêu chí đánh giá (có biểu hiện tiêu cực). Mỗi tập thể lớp học mang đặc trưng về bầu không khí tâm lý khác biệt so với các lớp khác.

- Ba lớp D20B1, D20D và D21A2 có kết quả “Trung tính”, trong đó:

+ Lớp D20B1: Có thái độ đối với bản thân khá tích cực nhưng thái độ với nhau và thái độ đối với nhiệm vụ chỉ trung bình nên kết quả biểu hiện chung mang tính chất trung tính.

+ Lớp D20D: Có thái độ với nhau khá tích cực nhưng thái độ đối với nhiệm vụ và thái độ đối với bản thân chỉ trung bình nên kết quả biểu hiện chung mang tính chất trung tính.

+ Lớp D21A2: Có thái độ với nhau khá tiêu cực nhưng thái độ đối với nhiệm vụ và thái độ đối với bản thân ở mức trung tính nên kết quả biểu hiện chung mang tính chất trung tính.

- Lớp D19C là lớp có nhiều biểu hiện tích cực hơn, mặc dù ở mặt thái độ đối với nhiệm vụ có mức trung tính nhưng với kết quả ở các mặt thái độ với nhau và thái độ đối với bản thân khá tích cực nên kết quả biểu hiện chung là khá tích cực.

- Với độ lệch chuẩn tương đối thấp (bảng 2.1), cho thấy các ý kiến khảo sát được là khá tập trung, ít phân tán.

- Có sự tương quan giữa các yếu tố, nhất là giữa các cặp thái độ đối với bản thân - thái độ với nhau, thái độ đối với bản thân - thái độ đối với nhiệm vụ.

2.2.2. Đánh giá cụ thể về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua từng nhóm tiêu chí

Căn cứ vào các nhóm tiêu chí đã được xây dựng trong mục 1.2.4, người nghiên cứu tiến hành khảo sát bầu không khí tâm lý của lớp học, kết quả thu được được thể hiện theo từng nhóm tiêu chí sau:

a. Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ của các thành viên trong lớp học với nhau: bao gồm thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp và thái độ đối với giảng viên.

- Khảo sát bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhau, người nghiên cứu thu được kết quả như sau (được thể hiện ở bảng 2.4):

Bảng 2.4. Điểm TB và ĐLC của các biểu hiện về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ với nhau

| Lớp | TB và ĐLC | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với nhau |
|--------------|-----------|------------------------------------|----------------------------|----------------------|
| D19C | TB | 3,89 | 4,12 | 3,97 |
| | ĐLC | 0,32 | 0,44 | 0,45 |
| D20B1 | TB | 3,25 | 2,91 | 3,12 |
| | ĐLC | 0,41 | 0,34 | 0,46 |
| D20D | TB | 4,20 | 2,72 | 3,65 |
| | ĐLC | 0,39 | 0,41 | 0,45 |
| D21A2 | TB | 2,40 | 2,19 | 2,32 |
| | ĐLC | 0,32 | 0,34 | 0,45 |

Căn cứ vào kết quả thể hiện ở bảng 2.4 và cách phân chia mức độ đã được thống nhất (trang 58 - mục 2.1.1), có thể nhận thấy biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ với nhau có sự khác nhau khá rõ giữa các tập thể. Cụ thể là:

Bảng 2.5. Đánh giá mức độ bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ với nhau

| Lớp | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Chung |
|--------------|---|-----------------------------------|--------------|
| D19C | Khá tích cực | Khá tích cực | Khá tích cực |
| D20B1 | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| D20D | Rất tích cực | Trung tính | Khá tích cực |
| D21A2 | Khá tiêu cực | Khá tiêu cực | Khá tiêu cực |

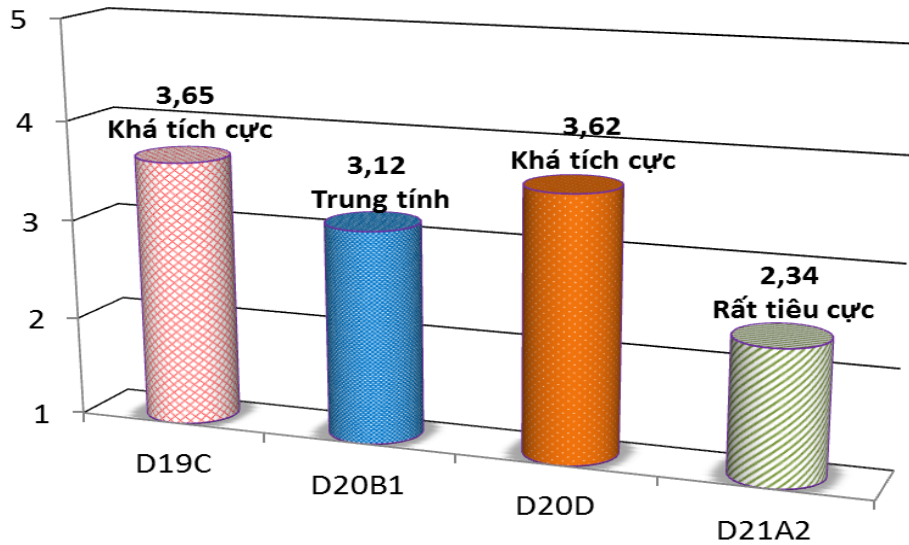
Nhìn chung, các lớp có các mức độ biểu hiện khác nhau từ “Khá tiêu cực” đến “Khá tích cực”, không có lớp nào có biểu hiện chung ở hai đầu cực là “Rất tiêu cực” và “Rất tích cực”. Tuy nhiên, trong mỗi biểu hiện cụ thể vẫn có lớp đạt đến mức “Rất tích cực”. Phân tích sau đây sẽ làm rõ hơn biểu hiện này:

+ Lớp D21A2 có kết quả thể hiện mối quan hệ không tốt giữa các sinh viên với nhau, cụ thể có trị số trung bình là 2,40 và xếp vào mức “Khá tiêu cực”. Mức này cũng thể hiện mối quan hệ của của các thành viên trong lớp đối với giảng viên và có trị số trung bình thấp hơn nữa (2,19). Số liệu này cho thấy biểu hiện không tốt trong thái độ giao tiếp giữa các thành viên với nhau và cần lưu ý để có biện pháp tác động phù hợp. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, người nghiên cứu có tiến hành quan sát lớp học D21A2 trong giờ Luật Hình sự, kết quả cũng cho thấy nhiều sinh viên tỏ thái độ không quan tâm đến bài học trong giờ học mặc dù giảng viên đặt nhiều câu hỏi. Khi giảng viên cho lớp thảo luận, nhiều bạn trong tiểu đội (nhóm) chưa thể hiện tinh thần hợp tác, không đi vào giải quyết vấn đề mà hầu như đưa ra ý kiến mang tính chất phê phán. Trao đổi với sinh viên T.V.H, được biết: Cảm nhận của bạn về thái độ của các thành viên trong lớp đối với giảng viên chưa tốt, sinh viên vẫn còn khoảng cách. Một số giảng viên trẻ lên lớp chưa gây hứng thú cho sinh

viên dẫn đến việc họ chưa tin tưởng và không hài lòng về giảng viên. Kết quả này trùng khớp với kết quả chung ở mức “Khá tiêu cực.”

+ Lớp D19C đều có kết quả ở mức “Khá tích cực” trong biểu hiện thái độ đối với các sinh viên khác và đối với giảng viên, trùng khớp với số liệu chung thu được. Trong đó, trị số trung bình về thái độ đối với giảng viên (4,12) cao hơn trị số trung bình về thái độ đối với các sinh viên khác (3,89). Điều này cho thấy tính khách quan của số liệu thu được. Lớp D19C được nhiều giảng viên đánh giá tốt trong quá trình giao tiếp với giảng viên. Những môn học nghiệp vụ do đội ngũ những chuyên gia trong lĩnh vực của ngành phụ trách đã truyền được hứng thú cho sinh viên. Quan sát tiết học Tâm lý học nghiệp vụ của lớp, có thể thấy sinh viên tỏ thái độ hợp tác tích cực với giảng viên, cởi mở, chia sẻ thắc mắc. Thái độ đối với các sinh viên khác cũng được thể hiện qua việc thảo luận bài tập tình huống Tâm lý học nghiệp vụ. Họ tích cực tư duy, phát ý tưởng, hợp tác và chia sẻ.

+ Ở hai lớp D20B1 và D20D, mặc dù có kết quả khảo sát trùng khớp ở mức độ “Trung tính” khi nói về thái độ đối với giảng viên, nhưng sự khác biệt về trị số trung bình ở thái độ đối với các sinh viên khác làm cho kết quả chung có sự khác biệt. Với điểm trung bình là 4,20, thái độ của các thành viên trong lớp D20D đối với nhau có biểu hiện rất tốt, tạo được sự thân thiện, gắn bó với nhau. Phòng vấn sinh viên Đ.T.K.D, sinh viên khẳng định: “Tôi rất hài lòng khi sống trong tập thể này, mọi người thật sự gần gũi, thu hẹp khoảng cách vốn tồn tại từ những ngày đầu nhập học, mọi người góp ý chân thành, thẳng thắn và kết quả của sự hợp tác đó là rất nhiều hoạt động của lớp đã thành công mỹ mãn”. Trong khi đó, thái độ đối với các sinh viên khác của các thành viên lớp D20B1 chỉ dừng ở mức trung tính với trị số trung bình là 3,25. Thái độ đối với giảng viên cũng ở mức trung tính tương đồng với kết quả của lớp D20D (trị số trung bình thấp lần lượt là 2,91 và 2,72). Như vậy, biểu hiện ở hai mặt thái độ đối với các sinh viên khác và thái độ đối với giảng viên của lớp D20B1 trùng khớp với kết quả chung là “Trung tính”. Riêng lớp D20D đạt mức “Rất tích cực” ở mặt thái độ đối với các sinh viên khác và mức “Trung tính” ở mặt thái độ đối với giảng viên nên kết quả chung ở mức “Khá tích cực”.



Biểu đồ 2.2. Biểu hiện bầu không khí tâm lý của các lớp thông qua thái độ với nhau

- Kết quả xử lý số liệu còn cho thấy một số biểu hiện cụ thể đặc trưng cho mỗi lớp học. Người nghiên cứu chọn lọc phân tích những biểu hiện nổi bật của mỗi lớp, cụ thể như sau (xem bảng 2.6):

+ Đối với lớp D19C: Trong 17 biểu hiện (Xem câu 3 - Phụ lục 1) về thái độ đối với các sinh viên khác trong lớp, biểu hiện cho kết quả tích cực nhất là “Hợp tác, giúp đỡ nhau” (trị số trung bình là 3,55; đạt mức “Khá tích cực”) và “Yêu cầu cao lẫn nhau” (trị số trung bình là 3,67; đạt mức “Khá tích cực”). Kết quả này giúp người nghiên cứu một lần nữa cảm nhận về không khí thi đua sôi nổi, hợp tác thân thiện giữa các thành viên trong lớp. Là những sinh viên năm thứ tư được tiếp cận những kiến thức chuyên ngành phục vụ trực tiếp cho công tác sau này, nhất là được thử sức trong những tình huống, bài tập thực tế và cả mô phỏng thực tế, nên sinh viên bộc lộ rõ những kỹ năng hợp tác, cùng bàn bạc, chia sẻ cũng như đòi hỏi sự nghiêm túc, tập trung, tư duy tích cực trong giải quyết nhiệm vụ do giảng viên đặt ra.

Những biểu hiện tiêu cực nhất là ở trong lớp có sự “Ganh đua” và “Bất mãn về nhau” với trị số trung bình lần lượt là 2,55 và 2,46. Kết quả này không mâu thuẫn gì với kết quả trên, thậm chí càng làm nổi rõ sự đối lập giữa hai mặt tích cực và tiêu cực. Để tìm hiểu sâu hơn về vấn đề này, người nghiên cứu tiếp tục phỏng vấn một số trường hợp. Như: sinh viên T.Q.D chia sẻ: “Nhiều sinh viên không đủ năng lực vẫn tỏ vẻ là mình am hiểu, yêu cầu quá cao ở người khác, gây bất mãn ở người khác. Cái đích là điểm số khiến sinh viên có sự ganh đua không lành mạnh, thậm chí sử dụng mọi quan hệ cá nhân để có được kết quả cao mặc dù thực tế không phải vậy”. Sinh viên V.T.A.L tâm sự: “Nhiều sinh viên có cảm nhận không tốt về những sinh viên có gốc gác con ông cháu cha, nên cho dù họ có tích cực, đạt kết quả tốt cũng gây ra sự khó chịu, bất mãn ở những sinh viên có suy nghĩ không tích cực, khiến môi quan hệ trở nên không tốt”.

Nét nổi bật của lớp D19C trong mối quan hệ với giảng viên là biểu hiện “Yêu cầu cao với giảng viên” (xem câu 23 - Phụ lục) với điểm trung bình là 4,35; thể hiện mức độ “Rất tích cực”. Kế đến là biểu hiện “Tin tưởng” cũng với trị số trung bình khá cao (4,20). Sau những năm tháng tiếp cận với tri thức cơ bản và cơ sở của ngành, sinh viên bắt đầu chiếm lĩnh những tri thức cần thiết cho công việc sau này, những tri thức nghiệp vụ theo từng chuyên ngành. Đây là những kiến thức khó, đòi hỏi giảng viên phải thật sự am hiểu, có năng lực sư phạm và năng lực chuyên môn sâu để có thể chuyển tải nội dung bài học đến người học, hướng đến việc rèn luyện tay nghề cho sinh viên. Chính vì vậy, sinh viên tỏ thái độ tin tưởng vào giảng viên và đòi hỏi cao ở người giảng viên. Bên cạnh đó, cũng vẫn tồn tại những biểu hiện chưa tốt trong mối quan hệ với giảng viên. Nổi bật là biểu hiện “Không gần gũi, xa cách” với trị số trung bình là 2,65 ở mức “Trung tính”. Đây là biểu hiện phản ánh đúng thực tế ở các trường Công an nhân dân nói chung và trường Đại học ANND nói riêng. Chính tính chất của ngành, tính chất của môn học đã tạo ra khoảng cách khiến sinh viên không dám gần gũi, chia sẻ. Tuy nhiên, dưới góc độ sư phạm, có thể thấy, người giảng viên có tác động rất lớn đến việc tiếp thu bài học của sinh viên; sự gần gũi, thoải mái chia sẻ rất có lợi cho việc trao đổi hai

chiều giúp đôi bên hiểu nhau, cùng tìm ra phương hướng hoạt động cùng nhau hiệu quả.

+ Đối với lớp D20D: Trị số trung bình rất cao (4,20) ở mặt thái độ đối với các sinh viên khác cũng đã phản ánh kết quả khảo sát có nhiều biểu hiện tích cực. Nổi bật là biểu hiện “Hòa thuận, nhường nhịn nhau”, “Quan tâm đến nhau”, “Thông cảm với nhau” đều nằm trong mức “Rất tích cực”. Quan sát một buổi học Tâm lý học đại cương, người nghiên cứu nhận thấy được tính chất tích cực của bầu không khí tâm lý ở đây. Nếu ở các lớp khác chia nhóm thường theo tiểu đội, nhưng Ban chỉ huy lớp và Ban cán sự học tập của lớp chủ trương chia nhóm có đầy đủ thành phần về học lực để giúp đỡ lẫn nhau. Tuy nhiên, khi đánh giá các bài báo cáo do các nhóm nộp về thì người nghiên cứu nhận thấy có sự bao che và đánh đồng công sức đóng góp của từng thành viên. Điều này hoàn toàn trùng khớp với kết quả khảo sát về biểu hiện tiêu cực của lớp. Kết quả cho thấy, biểu hiện “Dễ dãi với nhau”, “Giả tạo, không cởi mở, xã giao” có giá trị thấp nhất trong trị trung bình và ở mức “Khá tiêu cực”.

Đối với giảng viên, có nhiều biểu hiện cho thấy mối quan hệ này tương đối tốt như “Cởi mở”, “Tôn trọng” với trị số trung bình tương ứng là 3,41 và 3,53 ở mức ‘Khá tích cực’. Những biểu hiện như “Yêu cầu cao đối với giảng viên”, “Tin tưởng”, “Yêu thích” có mức “Trung tính” và có trị số trung bình thấp hơn nhiều (lần lượt là 3,20; 2,98 và 2,97). Biểu hiện tiêu cực nhất cũng giống như ở lớp D19C là “Không gần gũi, xa cách” ở mức “Khá tiêu cực” có trị số trung bình tương đối thấp (2,54).

Có thể đánh giá khái quát bầu không khí tâm lý của lớp học D19C và D20D thông qua thái độ đối với nhau ở bảng 2.6 như sau:

Bảng 2.6. Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp học D19C và D20D thông qua thái độ với nhau

| | | Biểu hiện | | TB | ĐLC | Mức độ |
|-------------|------------------------------------|------------------|--------------------------------|-------------|------------|---------------------|
| D19C | Thái độ đối với các sinh viên khác | Tích cực | Hợp tác, giúp đỡ nhau | 3,55 | 0,57 | Khá tích cực |
| | | | Yêu cầu cao lẫn nhau | 3,67 | 0,53 | Khá tích cực |
| | | Tiêu cực | Ganh đua | 2,55 | 0,67 | Khá tiêu cực |
| | | | Bất mãn về nhau | 2,46 | 0,46 | Khá tiêu cực |
| | Thái độ đối với giảng viên | Tích cực | Yêu cầu cao với giảng viên | 4,35 | 0,55 | Rất tích cực |
| | | | Tin tưởng | 4,20 | 0,78 | Rất tích cực |
| | | Tiêu cực | Không gần gũi, xa cách | 2,65 | 0,64 | Trung tính |
| D20D | Thái độ đối với các sinh viên khác | Tích cực | Hòa thuận, nhường nhịn nhau | 4,24 | 0,45 | Rất tích cực |
| | | | Quan tâm đến nhau | 4,30 | 0,44 | Rất tích cực |
| | | | Thông cảm với nhau | 4,27 | 0,65 | Rất tích cực |
| | | Tiêu cực | Đễ dãi với nhau | 2,23 | 0,42 | Khá tiêu cực |
| | | | Giả tạo, không cởi mở, xã giao | 2,45 | 0,67 | Khá tiêu cực |
| | | | | | | |
| | Thái độ đối với giảng viên | Tích cực | Cởi mở | 3,41 | 0,64 | Khá tích cực |
| | | | Tôn trọng | 3,53 | 0,46 | Khá tích cực |
| | | Tiêu cực | Không gần gũi, xa cách | 2,54 | 0,42 | Khá tiêu cực |

+ Lớp D20B1: Đây là lớp có hầu hết các biểu hiện không rơi vào mức tiêu cực nhưng kết quả cũng không cao lắm, chủ yếu là ở mức trung tính. Tuy nhiên, biểu hiện về thái độ đối với các sinh viên khác có trị số trung bình cao nhất là “Nêu cao tinh thần dân chủ, vì tập thể” với trị số trung bình là 3,40; kế đến là “Yêu cầu cao lẫn nhau” (điểm TB là 3,42). Bên cạnh đó, biểu hiện tiêu cực nhất là “Không thông cảm cho nhau”, “Xem thường người khác” với trị số trung bình lần lượt là

2,61 và 2,73. Phỏng vấn sâu cho thấy sinh viên trong lớp đã thể hiện tinh thần vì lợi ích tập thể, tập thể đòi hỏi mỗi người thấy rõ trách nhiệm của mình để ra sức thi đua, không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của lớp. Tuy nhiên, trong một số tình huống, yếu tố này lần ợt dẫn đến xuất hiện những việc làm quá nguyên tắc, không có sự thông cảm, chia sẻ giữa các thành viên.

Đối với giảng viên, lớp “đề cao vai trò của giảng viên” và có thái độ thiện cảm đối với giảng viên thông qua biểu hiện “Yêu thích” (các điểm trung bình tương đối cao; lần lượt là 3,56 và 3,59). Xem xét thêm các biểu hiện khác, người nghiên cứu nhận thấy có sự trùng khớp về mức độ biểu hiện của các mặt, không có biểu hiện nào mang tính tiêu cực.

+ Lớp D21A2: Đây là lớp có khá nhiều biểu hiện tiêu cực, từ đó ảnh hưởng đến kết quả chung. Biểu hiện tiêu cực nổi bật nhất là tinh thần “Không muốn hợp tác, giúp đỡ nhau”, “Độc đoán, bảo thủ, ích kỷ” với trị số trung bình lần lượt là 2,41 và 2,35. Với điểm số này, cho thấy, các thành viên trong lớp chưa đề cao tính tương tác, hỗ trợ cùng phát triển; trong hoạt động cùng nhau vẫn thể hiện tính bảo thủ, cứng nhắc, chưa hòa đồng trong môi trường tập thể. Mặc dù vậy, lớp vẫn có một số biểu hiện tương đối tốt như “Trung thực với nhau”, “Chân thành, thẳng thắn, cởi mở” với trị số trung bình là 3,43 và 3,46. Đối với giảng viên, các thành viên của lớp D21A2 có thái độ chưa tốt thể hiện ở kết quả khảo sát về những biểu hiện chưa tốt khá nhiều, nổi bật là “Không hài lòng”, “Mất niềm tin” với trị số trung bình lần lượt là 2,55 và 2,34. Những sinh viên thuộc năm thứ hai này đã trải qua những năm đầu với những môn khoa học cơ bản và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng tiếp thu tri thức của những môn cơ sở của ngành như các môn Luật, Tâm lý học đại cương, Tâm lý học học xã hội - Giao tiếp - Sáng tạo... Do vậy, kết quả phỏng vấn một số sinh viên của lớp cho thấy giảng viên chưa tạo được không khí học tập sôi nổi với phương pháp giảng dạy tích cực, thu hút, chưa thể hiện năng lực sư phạm của mình, khiến sinh viên hụt hẫng, áp lực và dẫn đến không hài lòng. Chính vì vậy, biểu hiện “Xem nhẹ vai trò của giảng viên” cũng rơi vào mức không tốt có trị số trung bình là 2,53.

Có thể đánh giá khái quát bầu không khí tâm lý của lớp học D20B1 và D21A2 thông qua thái độ đối với nhau ở bảng 2.7 sau:

Bảng 2.7. Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp học D20B1 và D21A2 thông qua thái độ với nhau

| Biểu hiện | | | TB | ĐLC | Mức độ | |
|--------------|------------------------------------|----------|---------------------------------------|------|--------|--------------|
| D20B1 | Thái độ đối với các sinh viên khác | Tích cực | Nêu cao tinh thần dân chủ, vì tập thể | 3,40 | 0,47 | Khá tích cực |
| | | | Yêu cầu cao lẫn nhau | 3,42 | 0,59 | Khá tích cực |
| | | Tiêu cực | Không thông cảm cho nhau | 2,61 | 0,47 | Trung tính |
| | | | Xem thường người khác | 2,73 | 0,56 | Trung tính |
| | Thái độ đối với giảng viên | Tích cực | Đề cao vai trò của giảng viên | 3,56 | 0,72 | Khá tích cực |
| | | | Yêu thích | 3,59 | 0,63 | Khá tích cực |
| D21A2 | Thái độ đối với các sinh viên khác | Tích cực | Trung thực với nhau | 3,43 | 0,55 | Khá tích cực |
| | | | Chân thành, thẳng thắn, cởi mở | 3,46 | 0,41 | Khá tích cực |
| | | Tiêu cực | Không muốn hợp tác, giúp đỡ nhau | 2,41 | 0,62 | Khá tiêu cực |
| | | | Độc đoán, bảo thủ, ích kỷ | 2,35 | 0,45 | Khá tiêu cực |
| | Thái độ đối với giảng viên | Tiêu cực | Không hài lòng | 2,55 | 0,67 | Khá tiêu cực |
| | | | Mất niềm tin | 2,34 | 0,64 | Khá tiêu cực |
| | | | Xem nhẹ vai trò của giảng viên | 2,53 | 0,46 | Khá tiêu cực |
| | | | | | | |

b. Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ của các sinh viên đối với bản thân:

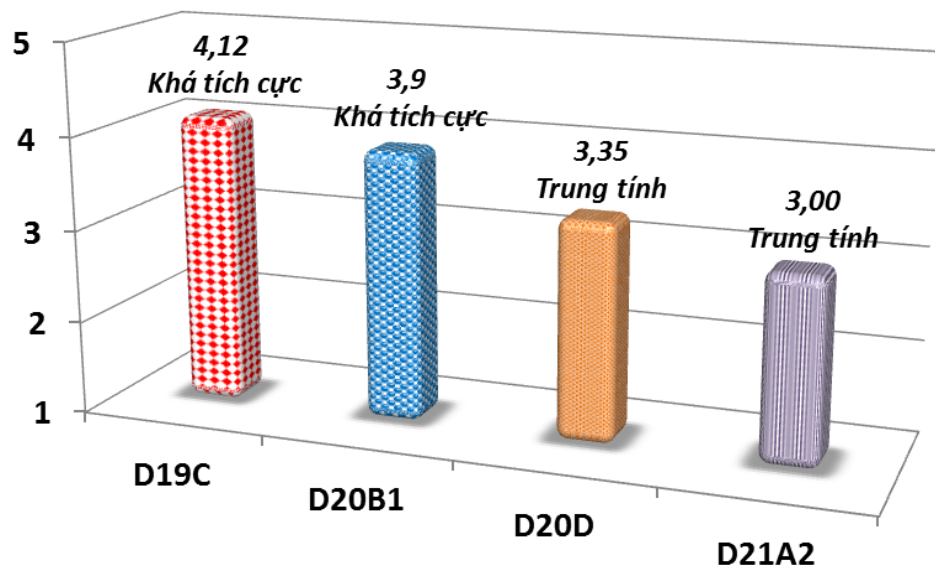
- Khảo sát bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ của các sinh viên đối với bản thân, người nghiên cứu thu được kết quả như sau (được thể hiện ở bảng 2.8):

Bảng 2.8. Điểm TB, ĐLC và mức độ các biểu hiện về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ của các sinh viên đối với bản thân

| Lớp | TB | ĐLC | Mức độ |
|--------------|------|------|--------------|
| D19C | 4,16 | 0,67 | Khá tích cực |
| D20B1 | 3,90 | 0,59 | Khá tích cực |
| D20D | 3,35 | 0,57 | Trung tính |
| D21A2 | 3,00 | 0,68 | Trung tính |

Kết quả ở bảng 2.8 cho thấy, nhìn chung sinh viên các lớp có thái độ tương đối tốt về bản thân mình. Không có lớp nào có biểu hiện ở mức độ “Rất tiêu cực” hay “Khá tiêu cực”. Song cũng không có lớp nào đạt mức tốt nhất là “Rất tích cực”. Ở biểu hiện thái độ đối với bản thân, lớp D19C vẫn giữ mức độ “Khá tích cực” với trị số trung bình cao (4,16). Mức độ này còn thuộc về lớp D20B1 với trị số trung bình khá cao (3,90). Mức độ “Trung tính” là từ dùng để mô tả thái độ đối với bản thân của sinh viên thuộc hai lớp D20D và D21A2 với trị số trung bình lần lượt là 3,35 và 3,00.

Biểu đồ 2.3 sau cho cái nhìn tổng thể về biểu hiện thái độ đối với bản thân. Nhìn vào biểu đồ, người nghiên cứu nhận thấy chiều hướng thái độ tích cực đối với bản thân tăng dần theo năm học. Trị số trung bình thấp nhất rơi vào lớp năm thứ hai (D21A2), sau đó tăng dần và cao nhất ở lớp năm thứ tư (D19C)



Biểu đồ 2.3. Biểu hiện bầu không khí tâm lý của các lớp thông qua thái độ đối với bản thân

- Khảo sát những biểu hiện nổi bật về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với bản thân, kết quả được thể hiện ở bảng 2.9 như sau:

Bảng 2.9. Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của các lớp học thông qua thái độ đối với bản thân

| Lớp | Biểu hiện | | TB | ĐLC | Mức độ |
|--------------|------------------|--|-------------|-------------|---------------------|
| D19C | Tích cực | Yêu cầu cao đối với bản thân | 4,43 | 0,56 | Rất tích cực |
| | | Khiêm tốn | 4,31 | 0,51 | Rất tích cực |
| | Tiêu cực | <i>Miễn cưỡng dung hòa giữa cá nhân và tập thể</i> | 2,45 | <i>0,65</i> | Khá tiêu cực |
| D20B1 | Tích cực | Biết dung hòa giữa cá nhân và tập thể | 4,22 | 0,73 | Rất tích cực |
| | | Tinh thần cầu tiến | 4,28 | 0,48 | Rất tích cực |
| | Tiêu cực | <i>Nhút nhát</i> | 2,50 | <i>0,66</i> | Khá tiêu cực |
| D20D | Tích cực | Khiêm tốn | 3,87 | 0,45 | Khá tích cực |
| | | Tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể | 3,65 | 0,44 | Khá tích cực |
| | Tiêu cực | <i>Dễ dãi đối với bản thân</i> | 2,32 | <i>0,61</i> | Khá tiêu cực |
| | | <i>Có tính phụ thuộc, dựa dẫm người khác</i> | 2,54 | <i>0,58</i> | Khá tiêu cực |
| D21A2 | Tích cực | Tôn trọng bản sắc cá nhân | 3,55 | 0,64 | Khá tích cực |
| | | Thoải mái khi trình bày quan điểm, chính kiến | 3,48 | 0,57 | Khá tích cực |
| | Tiêu cực | <i>Kiêu căng, kiêu ngạo</i> | 1,97 | <i>0,48</i> | Khá tiêu cực |
| | | <i>Không dung hòa giữa cá nhân và tập thể</i> | 2,32 | <i>0,47</i> | Khá tiêu cực |

Quan sát bảng 2.9, có thể nhận thấy, điểm số trung bình thấp nhất rơi vào biểu hiện “Kiêu căng, kiêu ngạo” (1,97) là biểu hiện tiêu cực nổi bật nhất khi nói về thái độ đối với bản thân của sinh viên lớp D21A2. Sinh viên trường Đại học ANND khi trúng tuyển trường này đã trải qua những lần tuyển chọn gắt gao, phải vượt qua

nhiều ứng viên sinh viên để được học tập trong môi trường này nên rất nhiều sinh viên cảm thấy tự hào. Bên cạnh đó, uy tín của trường về chất lượng đào tạo học tập và rèn luyện cũng là yếu tố thu hút nhiều nhân tài đến đăng ký thi tuyển. Quan sát một tiết học tại lớp D21A2, trong giờ thảo luận, sinh viên tỏ thái độ quá tự tin, không biết đặt mình vào tập thể. Một số sinh viên sử dụng lời lẽ khẳng định chắc nịch “Tôi biết vấn đề này hơn bạn”, “Tôi không bao giờ đoán sai”... Chính điều này cũng khiến biểu hiện “Không dung hòa giữa cá nhân và tập thể” ở mức “Khá tiêu cực” với điểm trung bình thấp 2,32. Tuy nhiên, ở lớp D21A2 vẫn có những biểu hiện tích cực về thái độ đối với bản thân, như “Thoải mái khi trình bày quan điểm, chính kiến” và “Tôn trọng bản sắc cá nhân” với điểm trung bình tương ứng là 3,55 và 3,48 đạt mức “Khá tích cực”. Quan sát tiết học ở lớp này cũng làm cho người nghiên cứu cảm nhận sự khách quan của số liệu thu được. Các thành viên phát biểu tự nhiên, không nề hà, ai cũng phát biểu quan điểm của mình khi giải quyết vấn đề do giảng viên đặt ra.

Cùng kết quả khảo sát chung là “Trung tính” khi nói về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với bản thân, lớp D20D khác với lớp D21A2 ở một số biểu hiện nổi bật tích cực và tiêu cực. Biểu hiện tích cực rõ nhất là “Khiêm tốn” và “Tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể”. Đặc điểm này là sự trái ngược hoàn toàn so với lớp D21A2. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy sinh viên cảm nhận mối quan hệ tương hỗ rất tốt giữa cá nhân họ và tập thể, khiêm tốn khi đánh giá giá trị đóng góp của bản thân vào lợi ích chung của tập thể. Song điều đáng nói ở đây là những biểu hiện không tích cực là khá phù hợp với những biểu hiện tích cực nếu không kiểm soát được mức độ và cường độ của nó. Cụ thể là biểu hiện “Dễ dãi đối với bản thân” và “Có tính phụ thuộc, dựa dẫm người khác” rơi vào mức “Khá tiêu cực”. Quan sát tiết học có hoạt động nhóm đã giúp cho người nghiên cứu nhận thấy nhiều sinh viên có tính ỷ lại, được “bao che” trong đánh giá kết quả đóng góp của mỗi người vào kết quả hoạt động chung.

Với hai lớp còn lại là D20B1 và D19C có chung kết quả khảo sát ở mức “Khá tích cực”, bảng 2.9 cũng đã mô tả khái quát những biểu hiện tích cực và tiêu

cực về thái độ đối với nhau của các thành viên trong mỗi lớp học. Những biểu hiện đặc trưng này làm phong phú bức tranh về bầu không khí tâm lý của lớp học. Điều dễ dàng nhận thấy là biểu hiện “Khiêm tốn” cũng xuất hiện ở các thành viên lớp D19C (giống D20D) nhưng có trị số trung bình cao hơn nhiều (4,31) và trị số trung bình cao nhất thuộc về biểu hiện “Yêu cầu cao đối với bản thân” (4,43). Với đặc thù của sinh viên năm thứ tư, những biểu hiện này là khá phù hợp. Song song đó, những biểu hiện tiêu cực còn tồn tại là các thành viên vẫn có biểu hiện miễn cưỡng hòa hợp giữa cá nhân và tập thể (D19C) hay còn nhút nhát, chưa mạnh dạn thể hiện bản thân (D20B1).

c. Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ của các sinh viên đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện:

Nhiệm vụ học tập và rèn luyện được xác định là nhiệm vụ trung tâm, quan trọng hàng đầu trong các trường học. Thái độ của sinh viên đối với vấn đề này sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả học tập và rèn luyện, đến chất lượng dạy học, giáo dục của giảng viên và các nhà quản lý giáo dục và nhất là ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Tìm hiểu bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ của các sinh viên đối với nhiệm vụ học tập và đối với nhiệm vụ rèn luyện, người nghiên cứu thu được kết quả khái quát như sau:

Bảng 2.10. Điểm TB và DLC của các biểu hiện về bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhiệm vụ

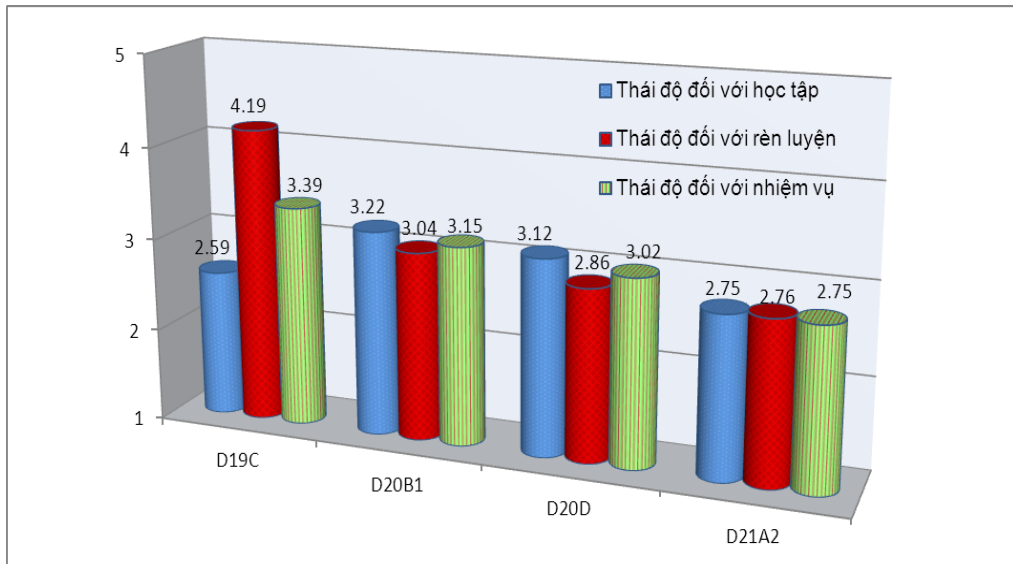
| Lớp | TB và DLC | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện | Thái độ đối với nhiệm vụ |
|--------------|------------------|--------------------------------|----------------------------------|---------------------------------|
| D19C | TB | 2,59 | 4,19 | 3,39 |
| | DLC | 0,44 | 0,48 | 0,47 |
| D20B1 | TB | 3,22 | 3,04 | 3,15 |
| | DLC | 0,56 | 0,41 | 0,44 |
| D20D | TB | 3,12 | 2,86 | 3,02 |
| | DLC | 0,58 | 0,52 | 0,46 |
| D21A2 | TB | 2,75 | 2,76 | 2,75 |
| | DLC | 0,52 | 0,48 | 0,47 |

Căn cứ vào kết quả thể hiện ở bảng 2.10 và cách phân chia mức độ đã được thống nhất (trang 58 - mục 2.1.1), có thể nhận thấy biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhiệm vụ có sự tương đồng rõ rệt giữa các lớp. Cụ thể là:

Bảng 2.11. Đánh giá mức độ bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhiệm vụ

| Lớp | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện | Chung |
|-------|-------------------------|---------------------------|------------|
| D19C | Khá tiêu cực | Khá tích cực | Trung tính |
| D20B1 | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| D20D | Trung tính | Trung tính | Trung tính |
| D21A2 | Trung tính | Trung tính | Trung tính |

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy mức độ “Trung tính” là mức độ chủ đạo trong kết quả khảo sát chung và kết quả khảo sát thành phần. Tuy trị số trung bình có khác nhau giữa các lớp về thái độ đối với học tập và rèn luyện song không chênh lệch nhiều. Chỉ riêng lớp D19C có thái độ đối với học tập và rèn luyện rơi hai mức độ “Khá tiêu cực” và “Khá tích cực”. Với độ lệch chuẩn thấp, cho thấy các ý kiến khảo sát được là khá tập trung, ít phân tán.



Biểu đồ 2.4. Biểu hiện bầu không khí tâm lý của các lớp thông qua thái độ đối với nhiệm vụ

Kết quả nghiên cứu này đã phần nào phản ánh thực trạng “bình quân chủ nghĩa” trong học tập và rèn luyện. Đã có rất nhiều ý kiến phản hồi từ phía các giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục về thái độ này của sinh viên đối với việc học tập và rèn luyện. Kiểu “trung bình chủ nghĩa” trong học tập của sinh viên thật sự đang là một vấn đề diễn ra phổ biến trong môi trường giáo dục tại Đại học ANND do những điều kiện khách quan và chủ quan đặc trưng như được học tập trung, được bao cấp nơi ăn, ở, phương tiện học tập, được hưởng sinh hoạt phí, có việc làm ngay sau khi ra trường, không phải đi xin việc như những sinh viên trường ngoài...

Có thể nhận thấy, sinh viên có tư tưởng “trung bình chủ nghĩa” thường học tập cầm chừng, đối phó, không hăng say nghiên cứu, không tích cực tìm tòi phương pháp học tập khoa học, không quyết tâm khắc phục khó khăn trong học tập và rèn luyện. Họ quan niệm quá trình học tập ở trường chỉ là một thời đoạn nhỏ bé trong cả cuộc đời, giữa lý luận và thực tiễn còn đầy những sai số nhất định. Kết quả phỏng vấn sinh viên T.V.T, sinh viên này thẳng thắn chia sẻ: “Khi đã thi đậu vào trường Công an nói chung thì tất yếu khi ra trường sẽ có việc làm, chỉ cần trong tay có một tấm bằng là đủ, không cần kết quả học tập cao hay thấp, có thi lại hay không, mà học giỏi nhưng ra làm chưa chắc sẽ làm giỏi, cố gắng làm gì...”.

Để tìm hiểu rõ hơn bầu không khí tâm lý của lớp học thông qua thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện, người nghiên cứu khảo sát từng biểu hiện cụ thể, kết quả thu được như sau:

- Đối với lớp D19C:

Biểu hiện tích cực nhất về thái độ đối với học tập là thái độ trung thực trong học tập và thi cử. Trao đổi với cán bộ quản lý sinh viên, được biết trong các lớp thuộc khối D19, lớp D19C không có trường hợp nào vi phạm quy chế thi cử. Phỏng vấn sinh viên N.C.T, sinh viên chia sẻ: “Việc gian lận trong thi cử thể hiện sự yếu kém cả về học tập và đạo đức, dù kết quả thế nào thì em vẫn tự tin đó là kết quả của chính em, hơn bạn mà lại gian lận thì xấu hổ lắm”. Ban chỉ huy lớp cũng chia sẻ đây là mặt mạnh của lớp, mọi người đặt yêu cầu cao đối với bản thân nên luôn trung thực với những kết quả gặt hái được.

Bảng 2.12. Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp D19C
thông qua thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện

| | | Biểu hiện | TB | ĐLC | Mức độ |
|--|-------------|--|-------------|-------------|---------------------|
| Thái độ đối với học tập | Tích cực | Trung thực trong học tập và thi cử | 4,20 | 0,43 | Rất tích cực |
| | | Hứng thú với việc lồng ghép bài học và hoạt động thực tế, ngoại khóa | 4,53 | 0,46 | Rất tích cực |
| | Tiêu cực | <i>Động cơ học tập tiêu cực</i> | 2,54 | <i>0,57</i> | Khá tiêu cực |
| | | <i>Không hứng thú với phương pháp của giảng viên</i> | 2,43 | <i>0,64</i> | Khá tiêu cực |
| Thái độ đối với rèn luyện | Tích cực | Thoải mái khi tham gia | 4,58 | 0,41 | Rất tích cực |
| | | Coi trọng | 4,43 | 0,47 | Rất tích cực |
| | Tiêu cực | <i>Chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái</i> | 3,35 | 0,65 | <i>Trung tính</i> |
| | | <i>Không hứng thú với nội dung hoạt động</i> | 2,12 | <i>0,71</i> | Khá tiêu cực |

Quan sát bảng 2.12, có thể nhận thấy nhu cầu tham gia những hoạt động ngoại khóa, những hoạt động thực tế... của sinh viên đã bước vào giai đoạn học chuyên ngành là rất lớn. Trị số trung bình rất cao (4,53) đã phản ánh thái độ tích cực của sinh viên trong việc tăng cường cập nhật kiến thức thực tiễn ngoài những bài vở trên lớp. Đây chính là cơ hội giúp sinh viên có thể so sánh, đối chiếu giữa lý luận và thực tiễn, có dịp cọ xát thực tế để hiểu bài sâu hơn, thực hành những tình huống thực tế giúp sinh viên quen dần và tiến tới thuần thục những kỹ năng giải quyết những vụ việc, tình huống hay vụ án tương tự. Sinh viên cũng chia sẻ rằng không khí trong những giờ ngoại khóa rất tích cực, sôi nổi; sinh viên mạnh dạn đặt nhiều câu hỏi về kinh nghiệm thực tế, về những thuận lợi và khó khăn trong công tác sau này.

Ngược lại, kết quả khảo sát cũng cho thấy tồn tại những biểu hiện tiêu cực. Trị số trung bình thấp nhất (2,43) rơi vào biểu hiện không hứng thú với phương pháp giảng dạy của giảng viên. Qua tìm hiểu, được biết, đội ngũ giảng viên đã tham gia phục vụ lớp thuộc nhiều thành phần khác nhau, có những giảng viên lâu năm và

nhiều giảng viên trẻ mới duyệt giảng. Nhiều giảng viên giảng nghiệp vụ nhưng chưa thật sự nhuần nhuyễn trong việc ứng dụng kiến thức sư phạm vì vốn dĩ là những sinh viên tốt nghiệp chính từ ngôi trường này, được giữ lại trường (hoặc từ một số trường không phải chuyên ngành sư phạm) và có tham gia lớp bồi dưỡng sư phạm. Chính vì vậy, việc sử dụng những phương pháp giảng dạy tích cực, hiện đại chưa được hiệu quả, chưa khơi gợi được tính chủ động, tích cực, sáng tạo của sinh viên, làm sinh viên ít hứng thú với nội dung bài học hơn. Trị số trung bình thấp còn rơi vào một biểu hiện tiêu cực nữa là “Động cơ học tập tiêu cực”. Theo kết quả thống kê khi được hỏi về động cơ học tập, bên cạnh những sinh viên lựa chọn động cơ vì hứng thú với nghề, mong muốn tích lũy tri thức để bảo vệ Đảng, Tổ quốc, nhân dân (70%) thì cũng có đến 68% sinh viên học tập vì có thu nhập ổn định, 59% sinh viên lựa chọn vì có việc làm sau khi học xong, không phải vất vả đi xin việc, 48% sinh viên lựa chọn vì gia đình bắt buộc và muốn gia đình vui lòng, 47% sinh viên lựa chọn vì được bao cấp ăn ở sinh hoạt và có thêm sinh hoạt phí. Với trị số trung bình thấp, hai biểu hiện chưa tốt này đều ở mức “Khá tiêu cực”.

Trái ngược với thái độ đối với học tập, trong rèn luyện, nhiều biểu hiện được đánh giá là rất tốt. Điển hình là thái độ thoải mái khi tham gia các hoạt động rèn luyện, phong trào (có điểm trung bình rất cao - 4,58). Đồng thời sinh viên cũng rất coi trọng các hoạt động này, xem đây là những hoạt động giáo dục những phẩm chất tốt đẹp của con người nói chung và của những sĩ quan An ninh tương lai. Những bờ ngõ trong các hoạt động rèn luyện ở những năm đầu đã qua đi, những sinh viên năm thứ tư đã quen dần và cảm nhận được tầm quan trọng của việc rèn đức trong xã hội ngày nay vốn đang biến động và diễn biến phức tạp. Biểu hiện tiêu cực với trị số trung bình thấp nhất (2,12) rơi vào lựa chọn “Không hứng thú với nội dung hoạt động”. Kết quả phỏng vấn cũng cho thấy nhiều sinh viên còn trăn trở với nội dung và cả hình thức của các hoạt động chưa thật hấp dẫn, lôi cuốn nhiều người tham gia. Nội dung và hình thức chưa phong phú và chưa thể hiện rõ bản sắc của sinh viên trường Đại học ANND. Đây là vấn đề cần được quan tâm để có thể chủ động, sáng tạo, tích cực đổi mới nội dung và hình thức tổ chức cho phù hợp với nhu

cầu, nguyện vọng của sinh viên và đáp ứng được yêu cầu của hoạt động rèn luyện trong tình hình mới.

- Đối với ba lớp D20B1, D20D và D21A2, mặc dù kết quả khảo sát cho thấy có sự giống nhau về mức độ “Trung tính” ở cả hai mặt thái độ đối với học tập và rèn luyện, nhưng trong từng mặt vẫn có sự khác nhau ở những biểu hiện cụ thể, quan sát bảng 2.13 sau đây:

Bảng 2.13. Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của lớp D20B1, D20D và D21A2 thông qua thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện

| Biểu hiện | | | | TB | ĐLC | Mức độ |
|----------------------------------|----------|-------|---|-------------|------------|---------------------|
| Thái độ đối với học tập | Tích cực | D20B1 | Coi trọng | 4,36 | 0,46 | Rất tích cực |
| | | D20D | Hợp tác, chia sẻ hiểu biết lẫn nhau | 4,12 | 0,57 | Khá tích cực |
| | | D21A2 | Có tinh thần tự lực | 4,05 | 0,69 | Khá tích cực |
| | Tiêu cực | D20B1 | Cảm thấy nặng nề trong học tập và thi cử | 2,23 | 0,43 | Khá tiêu cực |
| | | D20D | Dựa dẫm người khác | 2,57 | 0,52 | Khá tiêu cực |
| | | D21A2 | Giấu kiến thức, ích kỷ trong việc chia sẻ hiểu biết | 2,01 | 0,74 | Khá tiêu cực |
| Thái độ đối với rèn luyện | Tích cực | D20B1 | Tự giác tham gia | 4,53 | 0,49 | Rất tích cực |
| | | D20D | Tự giác tham gia | 4,45 | 0,57 | Rất tích cực |
| | | D21A2 | Coi trọng | 4,14 | 0,63 | Khá tích cực |
| | Tiêu cực | D20B1 | Không hứng thú với nội dung hoạt động | 2,52 | 0,48 | Khá tiêu cực |
| | | D20D | Chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái | 2,64 | 0,54 | Trung tính |
| | | D21A2 | Miễn cưỡng tham gia | 2,57 | 0,69 | Khá tiêu cực |

Về thái độ đối với học tập, có thể nhận thấy biểu hiện tích cực nổi bật của lớp D20B1 có điểm trung bình rất cao (4,36) ở mức “Rất tích cực”. Đó chính là việc xác định hoạt động học tập đóng vai trò hết sức quan trọng trong sự phát triển của

mỗi người. Kết quả phỏng vấn cho thấy đa số sinh viên đều bày tỏ thái độ xem trọng việc học, là con đường nhanh nhất để tiếp thu tri thức và cũng chính là lý do để mọi người cùng tập hợp lại thành lớp học. Các biểu hiện tích cực có trị số trung bình cũng khá cao là sự chia sẻ, hợp tác trong học tập (D20D) và tinh thần tự lực trong học tập (D21A2). Quan sát những giờ thảo luận của lớp D20D, người nghiên cứu cũng cảm nhận được tinh thần hợp tác, giúp đỡ nhau cùng khám phá tri thức của sinh viên lớp này. Lớp D21A2 mặc dù chỉ mới bước sang năm thứ hai nhưng cũng đã thể hiện tinh thần thái độ học tập nghiêm túc, luôn nêu cao tính tự chủ, tự lực trong học tập. Hai biểu hiện này dù không chạm mức “Rất tích cực” song với mức “Khá tích cực” cũng là tín hiệu đáng mừng. Ba biểu hiện chưa tốt của các lớp thể hiện ở bảng 2.13 đều nằm trong mức “Khá tiêu cực”. Đó là cảm giác nặng nề trong học tập và thi cử của sinh viên lớp D20B1 có điểm trung bình khá thấp 2,23. Kết quả phỏng vấn cho thấy sinh viên cảm nhận những môn học trong thời gian qua khá khó, lượng kiến thức nhiều, trừu tượng; có lúc cảm thấy ngột ngạt vì học nhiều, gây nên không khí nặng nề cho cả người học và người dạy. Với lớp D20D, qua quan sát và đánh giá kết quả làm việc nhóm, người nghiên cứu cũng nhận thấy biểu hiện chưa tốt “Dựa dẫm người khác” trong học tập. Nhiều sinh viên ỷ lại vào những sinh viên năng động khác trong nhóm và nhờ làm giúp luôn phần việc của mình, điều này ảnh hưởng đến không khí làm việc nhóm cũng như kết quả đánh giá cụ thể. Kết quả của lớp D21A2 cũng khá phù hợp với kết quả khảo sát trước về thái độ với nhau và thái độ đối với bản thân, điều này một lần nữa chứng minh mối quan tương quan giữa các mặt thái độ.

Về thái độ đối với rèn luyện, biểu hiện tích cực “Tự giác tham gia” thể hiện rất rõ ở cả hai lớp D20B1 và D20D với điểm trung bình rất cao (4,53 và 4,45). Sinh viên lớp D21A2 cũng thể hiện thái độ xem trọng hoạt động rèn luyện, phong trào đối với sự phát triển của tập thể nói chung và sự trưởng thành của cá nhân nói riêng. Bên cạnh đó, cũng cần lưu ý những biểu hiện chưa tốt để có biện pháp tác động, cải thiện. Ở lớp D20B1, sinh viên cảm nhận chưa tốt về nội dung hoạt động và cho rằng hầu hết các hoạt động chưa thật sự phong phú, đa dạng và thu hút sinh viên, điều

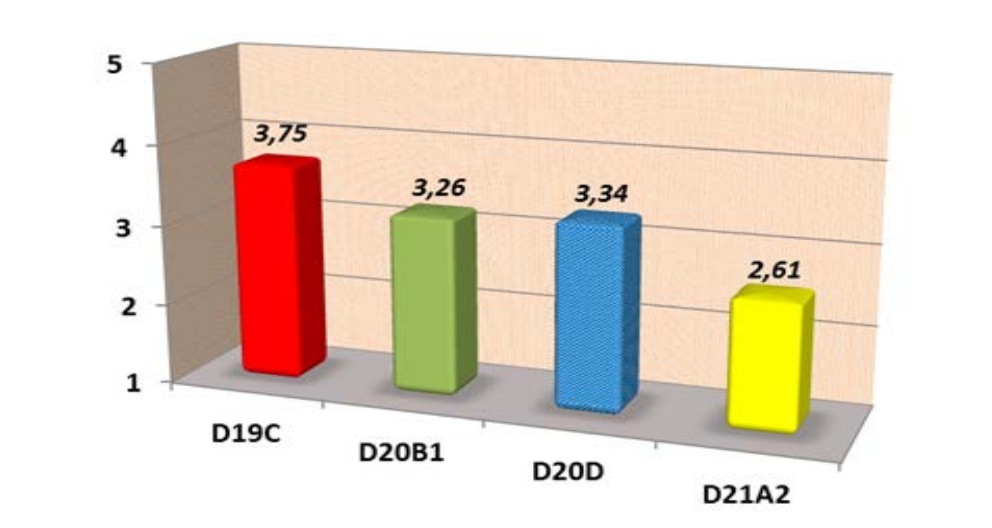
này làm cho kết quả khảo sát ở mức “Khá tiêu cực”. Tuy ở mức “Trung tính”, nhưng trong tập thể lớp D20D vẫn có tình trạng “bao che”, dung túng cho những hành vi sai trái, điều này khá phù hợp với kết quả khảo sát trên về sự dễ dãi trong đối xử với nhau.

Như vậy, có thể nhận xét khái quát như sau:

- Mỗi tập thể lớp học hình thành bầu không khí tâm lý riêng, không thể đánh đồng giữa bầu không khí tâm lý của các lớp học với nhau. Bởi lẽ lớp học là tập hợp những sinh viên, họ được sinh hoạt, học tập và rèn luyện trong cùng một ngôi trường đại học nhưng khác nhau về chuyên ngành, chịu sự tác động của nhiều yếu tố khác nhau như đội ngũ quản lý, đội ngũ giảng viên...Bầu không khí tâm lý của lớp học khi hình thành mang những đặc trưng riêng và được biểu hiện qua thái độ của các thành viên với nhau, qua thái độ đối với chính bản thân họ và nhất là thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện.

- Bầu không khí tâm lý của các lớp học nhìn chung không có mức độ tiêu cực, song xem xét ở từng khía cạnh vẫn có thể thấy sự khác biệt rõ rệt trong những tiêu chí đánh giá (có biểu hiện tiêu cực).

- Đánh giá chung về bầu không khí tâm lý của mỗi lớp học, có thể khái quát bằng biểu đồ sau:



Biểu đồ 2.5. So sánh mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý giữa các lớp

Bầu không khí tâm lý của lớp D19C có nhiều biểu hiện tích cực. Mặc dù ở mặt thái độ đối với nhiệm vụ có mức trung tính nhưng với kết quả ở các mặt thái độ với nhau và thái độ đối với bản thân khá tích cực nên kết quả biểu hiện chung là khá tích cực. Lớp thể hiện thái độ yêu cầu cao lẫn nhau, yêu cầu cao với bản thân và với giảng viên; thể hiện tinh thần hợp tác, giúp đỡ nhau, tin tưởng nhau. Mỗi thành viên có những biểu hiện trung thực trong học tập và thi cử, thoải mái trong tham gia rèn luyện, phong trào. Tuy nhiên, lớp còn cảm nhận sự xa cách, chưa gần gũi với giảng viên, còn dung túng những hành vi sai trái.

Bầu không khí tâm lý của lớp D21A2 có phần tiêu cực. Sinh viên trong lớp có thái độ với nhau khá tiêu cực, nhưng thái độ đối với nhiệm vụ và thái độ đối với bản thân ở mức trung tính nên kết quả biểu hiện chung mang tính chất trung tính. Biểu hiện chưa tốt của lớp là không muốn hợp tác, giúp đỡ nhau. Các thành viên thể hiện sự độc đoán, bảo thủ, ích kỷ, kiêu căng, kiêu ngạo, không dung hòa giữa cá nhân và tập thể. Tuy nhiên lớp cũng có những biểu hiện tốt như thoải mái khi trình bày quan điểm, chính kiến, trung thực với nhau, thẳng thắn, cởi mở và tôn trọng bản sắc cá nhân.

Bầu không khí tâm lý của lớp D20B1 có biểu hiện chung là trung tính. Sinh viên trong lớp có thái độ đối với bản thân khá tích cực nhưng thái độ với nhau và thái độ đối với nhiệm vụ chỉ trung bình nên kết quả biểu hiện chung mang tính chất trung tính. Lớp nêu cao tinh thần dân chủ, biết dung hòa giữa cá nhân và tập thể. Mỗi thành viên có tinh thần cầu tiến, coi trọng việc học, yêu cầu cao với bản thân và đề cao vai trò của giảng viên. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng không thông cảm nhau, xem thường người khác và nhút nhát trong tập thể.

Bầu không khí tâm lý của lớp D20D có biểu hiện chung là trung tính. Lớp có thái độ với nhau khá tích cực nhưng thái độ đối với nhiệm vụ và thái độ đối với bản thân chỉ trung bình nên kết quả biểu hiện chung mang tính chất trung tính. Lớp thể hiện tinh thần hợp tác, hòa thuận, nhường nhịn và quan tâm nhau, tự giác tham gia phong trào. Tuy nhiên, lớp vẫn có những biểu hiện chưa tốt như còn dễ dãi, bao che, giả tạo, xã giao, dựa dẫm người khác.

2.2.3. Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND trên các chiều kích khác nhau của nhóm khách thể

a. Theo giới tính:

Khách thể nghiên cứu của đề tài theo giới tính bao gồm 272 sinh viên nam và 45 sinh viên nữ. Người nghiên cứu tiến hành đánh giá điểm trung bình biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học theo giới tính, kết quả như sau (xem bảng 2.14):

Điểm trung bình chung của nhóm nam là 3,21 và điểm trung bình chung của nhóm nữ là 3,18. Kiểm nghiệm F có biến số kiểm nghiệm $F=0,245 > 0,05$. Như vậy, có thể nhận định không có khác biệt đáng kể giữa nam và nữ khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học. Hay nói cách khác, sự chênh lệch trong kết quả trung bình theo giới tính ($3,21 - 3,18 = 0,03$) không có ý nghĩa về mặt thống kê. Bầu không khí tâm lý tích cực hay tiêu cực không phụ thuộc vào yếu tố giới tính.

Bảng 2.14. Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo giới tính

| Giới | TB | ĐLC | Biến số kiểm nghiệm F |
|------|------|------|-----------------------|
| Nam | 3,21 | 0,53 | 0,245 |
| Nữ | 3,18 | 0,47 | |

b. Theo khóa học:

Khách thể nghiên cứu của đề tài theo khóa học bao gồm sinh viên thuộc ba khóa D19 (93 sinh viên), D20 (151 sinh viên) và D21 (73 sinh viên).

Dựa vào kết quả trung bình khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp D19C, D21A2, D20B1 và D20D (xem biểu đồ 2.5), người nghiên cứu nhận thấy có sự chênh lệch rất cao giữa các khóa. Tuy nhiên vì khảo sát theo lớp học nên số lượng mẫu không đại diện cho toàn thể khóa học, theo đó không thể đưa ra một kết luận đánh giá chung về bầu không khí tâm lý của lớp học theo khóa học.

c. Theo thành phần khách thể là Cán bộ đi học và học sinh phổ thông:

Khách thể nghiên cứu của đề tài theo thành phần nói trên bao gồm 20 sinh viên là cán bộ đi học và 297 sinh viên là học sinh phổ thông trúng tuyển đại học. Người nghiên cứu tiến hành đánh giá điểm trung bình biểu hiện của bầu không khí

tâm lý của lớp học theo thành phần nói trên, kết quả thu được như sau (xem bảng 2.15):

Bảng 2.15. Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo thành phần khách thể là Cán bộ đi học hay học sinh phổ thông

| Thành phần | TB | ĐLC | Biến số kiểm nghiệm F |
|-------------------|-----------|------------|------------------------------|
| Cán bộ đi học | 3,11 | 0,46 | 0,351 |
| HS phổ thông | 3,13 | 0,54 | |

Điểm trung bình chung của hai nhóm là 3,11 và 3,13. Kiểm nghiệm F có biến số kiểm nghiệm $F=0,351 > 0,05$. Như vậy, không có khác biệt đáng kể giữa hai nhóm khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học. Hay nói cách khác, sự chênh lệch trong kết quả trung bình theo thành phần nói trên ($3,13 - 3,11 = 0,02$) không có ý nghĩa về mặt thống kê. Bầu không khí tâm lý tích cực hay tiêu cực không phụ thuộc vào yếu tố thành phần đối tượng sinh viên là cán bộ đi học hay học sinh phổ thông trúng tuyển đại học.

c. Theo thành phần khách thể là Ban chỉ huy lớp, cán bộ Đoàn - Hội, Ban chủ nhiệm các CLB, Đảng viên và sinh viên là Đoàn viên - Hội viên:

Khách thể nghiên cứu của đề tài theo thành phần nói trên bao gồm 257 sinh viên là Đoàn viên - Hội viên và 60 sinh viên thuộc thành phần còn lại. Người nghiên cứu tiến hành đánh giá điểm trung bình biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học theo thành phần nói trên, kết quả như sau (xem bảng 2.16):

Bảng 2.16. Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo thành phần khách thể là Ban chỉ huy lớp, cán bộ Đoàn - Hội, Ban chủ nhiệm các CLB và sinh viên là Đoàn viên - Hội viên

| Thành phần | | ĐLC | Biến số kiểm nghiệm F |
|-----------------------------------|------------------------------------|------------|------------------------------|
| Đoàn viên - Hội viên TB = 3,18 | Ban chỉ huy lớp TB = 3,19 | 0,56 | 0,446 |
| | Cán bộ Đoàn - Hội TB = 3,23 | 0,43 | 0,551 |
| | Ban chủ nhiệm các CLB TB = 3,20 | 0,55 | 0,439 |
| | Đảng viên TB = 3,22 | 0,67 | 0,533 |

Ở đây người nghiên cứu chỉ so sánh nhóm gồm những sinh viên là Đoàn viên - Hội viên và không tham gia trong vai trò lãnh đạo với nhóm có tham gia lãnh đạo. Kiểm nghiệm F có biến số kiểm nghiệm lần lượt có giá trị thể hiện ở bảng 2.16 và $F > 0,05$. Như vậy, không có khác biệt đáng kể giữa hai nhóm khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học. Bầu không khí tâm lý tích cực hay tiêu cực không phụ thuộc vào yếu tố thành phần khách thể nói trên.

- Theo kết quả xếp loại về học tập:

Khách thể nghiên cứu của đề tài theo kết quả xếp loại về học tập bao gồm 11 sinh viên xếp loại Giỏi - Xuất sắc, 117 sinh viên xếp loại Khá và 189 sinh viên xếp loại TB - TB khá, không có sinh viên yếu kém. Người nghiên cứu tiến hành đánh giá điểm trung bình biểu hiện của bầu không khí tâm lý của lớp học theo kết quả xếp loại về học tập, kết quả như sau (xem bảng 2.17):

Bảng 2.17. Kết quả đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học theo kết quả xếp loại về học tập

| Thành phần | | DLC | Biến số kiểm nghiệm F |
|-------------------------------|------------------------|------|-----------------------|
| Giỏi - Xuất sắc (TB= 3,30) | Khá (TB= 3,27) | 0,56 | 0,231 |
| | TB - TB Khá (TB= 3,22) | 0,43 | 0,001* |
| Khá (TB= 3,27) | TB - TB Khá (T= 3,22) | 0,44 | 0,227 |

Điểm trung bình chung giữa hai nhóm Giỏi - Xuất sắc và Khá là 3,30 và 3,27. Kiểm nghiệm F có biến số kiểm nghiệm $F=0,231 > 0,05$. Như vậy, không có khác biệt đáng kể giữa hai nhóm này khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học. Tương tự, điểm trung bình chung giữa hai nhóm Khá và TB - TB Khá là 3,27 và 3,22. Kiểm nghiệm F có biến số kiểm nghiệm $F=0,227 > 0,05$. Như vậy, cũng không có khác biệt đáng kể giữa hai nhóm này khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học.

Tuy nhiên, khi kiểm nghiệm sự khác biệt giữa hai nhóm có học lực Giỏi – Xuất sắc và TB - TB Khá đánh giá về bầu không khí tâm lý thì có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $F^*=0,001 < 0,05$.

Tiếp tục kiểm nghiệm có hay không sự khác biệt giữa yếu tố học lực với thái độ đối với việc học tập, kết quả đã cho thấy có mối liên hệ giữa hai yếu tố này (xem bảng 2.18).

Bảng 2.18. Kết quả đánh giá thái độ đối với việc học tập theo kết quả xếp loại về học tập

| Thái độ đối với việc học tập | | ĐLC | Biến số kiểm nghiệm F |
|-------------------------------|------------------------|------|-----------------------|
| Giỏi - Xuất sắc (TB= 3,65) | Khá (TB= 3,46) | 0,67 | 0,000* |
| | TB - TB Khá (TB= 3,30) | 0,54 | 0,001* |
| Khá (TB= 3,46) | TB - TB Khá (TB= 3,30) | 0,65 | 0,000* |

Với kết quả kiểm nghiệm F đều có $F^* < 0,05$ cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa các nhóm khi đánh giá thái độ đối với việc học tập. Kết quả thể hiện ở bảng 2.18 đã chứng minh mối liên hệ giữa thái độ đối với việc học và kết quả học tập của mỗi cá nhân. Một khi sinh viên có thái độ đối với việc học nghiêm túc, tích cực, sinh viên sẽ chủ động, tìm tòi, nghiên cứu, nỗ lực phấn đấu trong học tập. Theo đó, kết quả học tập sẽ theo chiều hướng tích cực.

2.2.4. Những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

Những yếu tố ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND gồm có hai nhóm yếu tố: nhóm các yếu tố bên ngoài và nhóm các yếu tố bên trong.

a. Nhóm yếu tố bên ngoài:

Nhóm này bao gồm các yếu tố cụ thể sau:

- Thứ nhất là tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường:

Phân tích mối liên hệ giữa tính chất các quan hệ xã hội trong nhà trường đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí của lớp học, người nghiên cứu khái quát lại ở bảng 2.19:

Bảng 2.19. Ảnh hưởng của tính chất các quan hệ xã hội trong nhà trường đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|---|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Thái độ ứng xử của Phòng ban, Trung tâm | R | 0,25 | 0,31 | 0,23 | 0,11 | 0,24 |
| | Sig | 0,452 | 0,000 | 0,067 | 0,006 | 0,001 |
| Sự quan tâm của Khoa đào tạo - Bộ môn | R | 0,32 | 0,40* | 0,34 | 0,32 | 0,38 |
| | Sig | 0,432 | 0,001 | 0,542 | 0,635 | 0,746 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Hai nội dung trên đều có những tương quan riêng lẻ đối với các biểu hiện thái độ. Thái độ ứng xử của các Phòng ban, Trung tâm đối với sinh viên trong những công việc có liên quan đến đào tạo, giải quyết sự vụ... ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên đối với giảng viên, thái độ của sinh viên trong việc học tập và rèn luyện. Bên cạnh đó, sự quan tâm của Khoa đào tạo - Bộ môn cũng có liên quan đến thái độ đánh giá của sinh viên về giảng viên, nhất là giảng viên thuộc biên chế của Khoa đào tạo - Bộ môn. Tuy nhiên, vì hầu hết trị số R nằm trong khoảng dưới 0,39 nên mức ảnh hưởng này ở mức thấp, hầu như đều ở mức tương quan yếu. Riêng R* nằm trong khoảng 0,40 đến 0,59 nên sự tương quan có khá hơn nhưng vẫn ở mức trung bình.

- Thứ hai là nội quy - kỷ luật - điều lệnh:

Phân tích mối liên hệ giữa nội quy - kỷ luật - điều lệnh đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí của lớp học, người nghiên cứu khái quát lại ở bảng 2.20:

Bảng 2.20. Ảnh hưởng của nội quy - kỷ luật - điều lệnh đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|--------------------------------|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Môi trường kỷ luật - điều lệnh | R | 0,24 | 0,33 | 0,36 | 0,44* | 0,41** |
| | Sig | 0,352 | 0,450 | 0,007 | 0,006 | 0,001 |
| Đặc điểm của nội quy, quy định | R | 0,22 | 0,26 | 0,35 | 0,36 | 0,35 |
| | Sig | 0,532 | 0,352 | 0,000 | 0,001 | 0,000 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Hai nội dung trên cũng đều có những tương quan riêng lẻ đối với các biểu hiện thái độ. Đặc trưng trong các nhà trường thuộc Bộ Công an là mối liên hệ giữa môi trường kỷ luật - điều lệnh nhà trường với thái độ học tập và rèn luyện của sinh viên. Việc tuân thủ, chấp hành nội quy - quy định trong nhà trường cũng có sự ảnh hưởng đến bầu không khí của lớp học ở mặt thái độ đối với việc học tập và rèn luyện. Song với trị số của R thể hiện trong bảng thì đa số có mối tương quan ở mức thấp, riêng R*, R** ở mức trung bình.

- Thứ ba là đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học:

Phân tích mối liên hệ giữa đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học, người nghiên cứu thu được kết quả và thể hiện ở bảng 2.21.

Với kết quả kiểm nghiệm có số Sig < 0,01, có đến 9/10 mối liên hệ được kiểm nghiệm có ý nghĩa. Trị số R cũng chứng minh có sự liên hệ cao và rất đáng tin cậy giữa hoạt động giảng dạy và giáo dục với bầu không khí tâm lý của lớp học thể hiện qua các nhóm thái độ. Có 3 mối tương quan mạnh, rất rõ rệt, trong đó R* cao nhất có trị số 0,85. Còn lại là những mối tương quan trung bình, vừa phải đến mức rõ rệt. Qua đó có thể khẳng định sự ảnh hưởng mạnh mẽ của yếu tố hoạt động giảng dạy và giáo dục đến mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của lớp học.

Bảng 2.21. Ảnh hưởng của đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|-------------------------------------|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Chất lượng bài giảng của giảng viên | R | 0,21 | 0,82** | 0,61 | 0,80*** | 0,55 |
| | Sig | 0,254 | 0,000 | 0,001 | 0,000 | 0,003 |
| Hiệu quả hoạt động giáo dục | R | 0,42 | 0,46 | 0,54 | 0,56 | 0,85* |
| | Sig | 0,002 | 0,000 | 0,001 | 0,001 | 0,000 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Nội dung đánh giá về chất lượng bài giảng của giảng viên có sự tương quan với thái độ của sinh viên đối với giảng viên ở mức độ cao. Mức tương quan rất đáng tin cậy $R^{**} = 0,82$. Như vậy, thái độ tin tưởng, hài lòng và yêu thích giảng viên của sinh viên phụ thuộc mạnh mẽ vào chất lượng bài giảng, chất lượng giảng dạy của giảng viên đó. Theo đó, sinh viên được tiếp cận với nguồn tri thức quý báu từ thầy cô và cũng thỏa mãn nhu cầu học tập của chính mình. Bên cạnh đó, chất lượng bài giảng của giảng viên cũng có mối liên hệ rất mạnh đến thái độ học tập của sinh viên, $R^{***} = 0,80$. Những giảng viên làm tốt các khâu hoạt động sư phạm từ việc tổ chức lớp học, tổ chức hoạt động giảng dạy trên lớp đáp ứng mục tiêu giảng dạy, đảm bảo tri thức khoa học về nội dung giảng dạy, đa dạng hóa các hình thức và phương pháp giảng dạy cũng như kiểm tra đánh giá sẽ tác động tích cực đến việc hình thành thái độ học đúng đắn cũng như hiệu quả hoạt động học tập của sinh viên nói chung. Ngoài ra, kết quả khảo sát tương quan giữa chất lượng bài giảng và thái độ đối với bản thân của sinh viên cũng cho trị số tương đối rõ rệt là $R = 0,61$. Qua bài giảng trên lớp với ý đồ thiết kế của mình, giảng viên có thể tạo điều kiện giúp sinh viên tự tin hơn, mạnh dạn, cởi mở trình bày quan điểm của mình, từ đó, sinh viên hình thành thái độ cầu tiến và đặt ra yêu cầu cao đối với bản thân. Giữa chất lượng của bài giảng và thái độ của sinh viên đối với rèn luyện có mức tương quan trung bình với trị số $R = 0,55$.

Nội dung hiệu quả của hoạt động giáo dục có sự tương quan mạnh nhất tới thái độ của sinh viên đối với hoạt động rèn luyện. Mức tương quan cao và rất đáng

tin cậy: $R^* = 0,85$. Đây là mức tương quan mạnh nhất giữa chất lượng của hoạt động giảng dạy và giáo dục với các loại thái độ của sinh viên. Như vậy, có thể khẳng định sự phong phú, đa dạng, thiết thực về nội dung, hình thức và cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục sẽ tác động rất lớn đến thái độ của sinh viên đối với các hoạt động rèn luyện: hứng thú, tự giác và thoải mái tham gia, tin tưởng vào năng lực đội ngũ tổ chức các hoạt động... Thực tế khảo sát ý kiến của sinh viên về mức độ thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện đạo đức lối sống cho sinh viên trong nhà trường cho thấy: có đến 48% sinh viên lựa chọn “thỉnh thoảng”, thường xuyên là 30%, 18% sinh viên lựa chọn “ít khi”. Như vậy đa số sinh viên đánh giá việc tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức lối sống trong nhà trường hiện nay là chưa thường xuyên. Hầu như các hoạt động đều tập trung mạnh mẽ vào các đợt trọng tâm trọng điểm mà chưa chú ý đến tính xuyên suốt và lâu dài. Ngoài ra, quan sát các chỉ số thống kê còn lại, chúng ta còn nhận thấy mức tương quan trung bình giữa hiệu quả hoạt động giáo dục trong nhà trường với thái độ của sinh viên đối với thầy cô.

- Thứ tư là điều kiện học tập và rèn luyện của sinh viên:

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa điều kiện học tập và rèn luyện đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học được khái quát ở bảng 2.22 như sau:

Bảng 2.22. Ảnh hưởng của điều kiện học tập và rèn luyện đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|--|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Độ dày của lịch học trên lớp | R | 0,21 | 0,28 | 0,19 | 0,79* | 0,57 |
| | Sig | 0,254 | 0,000 | 0,105 | 0,001 | 0,000 |
| Cơ sở vật chất của lớp học | R | 0,32 | 0,46 | 0,38 | 0,75** | 0,58 |
| | Sig | 0,435 | 0,000 | 0,321 | 0,001 | 0,000 |
| Điều kiện kinh tế hỗ trợ việc học và sinh hoạt | R | 0,34 | 0,22 | 0,39 | 0,69 | 0,41 |
| | Sig | 0,327 | 0,000 | 0,000 | 0,001 | 0,002 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Nhìn bảng 2.22, có thể nhận ra mối liên hệ rõ rệt giữa độ dày của lịch học trên lớp với thái độ học tập của sinh viên với trị số R ở mức khá cao: $R^* = 0,79$. Nội dung này cũng có ảnh hưởng đến thái độ của sinh viên đối với hoạt động rèn luyện nhưng ở mức trung bình: $R = 0,57$. Kế đến, giữa cơ sở vật chất của lớp học với thái độ của sinh viên đối với hoạt động học tập có mối tương quan rõ rệt. Trị số R khá cao: $R^{**} = 0,75$. Đồng thời, giữa cơ sở vật chất lớp học với thái độ của sinh viên đối với hoạt động rèn luyện cũng có sự liên hệ song ở mức trung bình với $R = 0,58$. Quan sát thực tế cũng có thể khẳng định sinh viên sẽ xuất hiện những cảm xúc tích cực: thoải mái, tránh được căng thẳng, mệt mỏi... nếu được học tập trong không gian phòng học rộng rãi, thoải mái, có đầy đủ bàn ghế, trang bị đầy đủ âm thanh và ánh sáng, máy chiếu; được sinh hoạt trong điều kiện đầy đủ sân bãi, trang thiết bị vật chất và các phương tiện phục vụ khác. Ngoài ra, giữa điều kiện kinh tế hỗ trợ cho việc học với thái độ học tập cũng có mối liên hệ rõ rệt với $R = 0,69$. Điều kiện kinh tế tốt, thoải mái hay điều kiện kinh tế eo hẹp, thiếu thốn, sẽ tác động đến thái độ tích cực hay tiêu cực trong học tập.

Tóm lại, bầu không khí tâm lý của lớp học chịu sự tác động bởi những yếu tố thuộc về điều kiện bên ngoài như tính chất của các quan hệ xã hội trong trường học, nội quy - kỷ luật - điều lệnh, hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học, các điều kiện học tập và rèn luyện. Trong đó, yếu tố có sức ảnh hưởng mạnh mẽ nhất là hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học. Vì vậy, cần chú ý lựa chọn nội dung hoạt động giảng dạy và giáo dục trong lớp học trong nhóm yếu tố ảnh hưởng bên ngoài để đưa ra những phương pháp tác động phù hợp, cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học.

b. Nhóm yếu tố bên trong:

Nhóm này bao gồm các yếu tố cụ thể sau:

- Thứ nhất là đặc điểm của người giảng viên đứng lớp:

Kết quả phân tích mối liên hệ giữa đặc điểm của người giảng viên đứng lớp như đặc điểm năng lực, sự gương mẫu, sự gần gũi, chia sẻ với sinh viên, chủ động

sử dụng những phương pháp giảng dạy tích cực đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học được thể hiện ở bảng 2.23.

Kết quả tương quan giữa đặc điểm của người giảng viên đứng lớp với các nhóm thái độ có sự khác nhau. Với hệ số tương quan từ 0,76 đến 0,85, cho thấy hầu hết các mối tương quan rõ rệt đều rơi vào thái độ đối với thầy cô và thái độ đối với học tập. Đây là sự liên hệ nằm trong mức tương quan rõ rệt đến mức cao, đáng tin cậy. Ngoài ra, thái độ đối với bản thân và thái độ đối với hoạt động rèn luyện cũng chịu sự ảnh hưởng của đặc điểm của người giảng viên nhưng chỉ ở mức thấp.

Bảng 2.23. Ảnh hưởng của đặc điểm người giảng viên đứng lớp đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|--|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Đặc điểm năng lực | R | 0,20 | 0,81** | 0,33 | 0,80*** | 0,21 |
| | Sig | 0,210 | 0,000 | 0,000 | 0,001 | 0,000 |
| Sự gương mẫu | R | 0,24 | 0,78 | 0,26 | 0,79 | 0,30 |
| | Sig | 0,113 | 0,001 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |
| Sự gần gũi, chia sẻ với sinh viên | R | 0,32 | 0,76 | 0,37 | 0,76 | 0,28 |
| | Sig | 0,023 | 0,000 | 0,00 | 0,000 | 0,000 |
| Sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực | R | 0,35 | 0,85* | 0,32 | 0,81** | 0,31 |
| | Sig | 0,034 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Ở nhóm thái độ đối với thầy cô, việc sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực có ảnh hưởng rõ rệt nhất, hệ số tương quan ở mức cao: $R^* = 0,85$. Như vậy, việc người giảng viên thường xuyên tìm tòi, sử dụng những phương pháp giảng dạy kích thích hứng thú người học, hướng dẫn quá trình tiếp thu tri thức của người học là yếu tố tạo nên những thái độ tích cực của lớp học đối với người giảng viên. Kế đến, hệ số tương quan giữa năng lực của người giảng viên với thái độ đối với giảng viên và hệ số giữa sử dụng phương pháp giảng dạy tích cực với thái độ đối với học tập có giống nhau ($R^{**} = 0,81$) và cũng rất đáng tin cậy. Mối tương quan rõ rệt còn thuộc

về yếu tố năng lực của người giảng viên với thái độ đối với học tập ($R^{***} = 0,80$). Ngoài ra, cũng cần thấy được mức độ thường xuyên gần gũi, chia sẻ với sinh viên; sự gương mẫu với thái độ đối với giảng viên, đối với học tập có hệ số tương quan ở mức khá (có R dao động từ 0,76 đến 0,79).

Nói khác đi, đặc điểm của người giảng viên đứng lớp ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học mạnh mẽ nhất ở thái độ đối với thầy cô và thái độ đối với nhiệm vụ học tập. Theo đó, người giảng viên phải có ý thức nâng cao năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm, là tấm gương về sự nhiệt tình, gần gũi và gương mẫu trước sinh viên.

- Thứ hai là sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học: Phân tích mối liên hệ giữa sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học, chúng ta thu được kết quả như sau:

Bảng 2.24. Ảnh hưởng của sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|--|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Hiểu biết nhau | R | 0,80 | 0,41 | 0,79 | 0,32 | 0,25 |
| | Sig | 0,000 | 0,024 | 0,000 | 0,034 | 0,026 |
| Hợp nhau về tính tình | R | 0,81 | 0,39 | 0,75 | 0,39 | 0,31 |
| | Sig | 0,000 | 0,012 | 0,001 | 0,231 | 0,031 |
| Hợp nhau về quan niệm, quan điểm sống, cách suy nghĩ và làm việc | R | 0,81 | 0,31 | 0,77 | 0,58 | 0,26 |
| | Sig | 0,000 | 0,156 | 0,000 | 0,000 | 0,027 |
| Uy tín của Ban chỉ huy lớp | R | 0,75 | 0,33 | 0,35 | 0,23 | 0,23 |
| | Sig | 0,001 | 0,241 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |
| Uy tín của cán bộ Đoàn - Đảng | R | 0,73 | 0,33 | 0,31 | 0,24 | 0,27 |
| | Sig | 0,000 | 0,124 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |

Ghi chú: hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Mối liên hệ giữa các nội dung thể hiện sự tương hợp tâm lý như: mức độ hiểu biết nhau, tính tình hợp nhau, quan niệm, quan điểm sống, cách suy nghĩ và làm việc hợp nhau, uy tín của Ban chỉ huy lớp và cán bộ Đảng - Đoàn với nhóm thái độ đối với các sinh viên khác thể hiện sự tương quan rõ rệt, rất đáng tin cậy với R ở mức cao, dao động từ 0,73 đến 0,81. Bạn bè càng hiểu nhau sâu sắc, hợp nhau về tính tình thì thái độ đối với bạn bè trong lớp càng tích cực, càng thân thiết, gắn bó. Ngoài ra, sự phù hợp về quan niệm, quan điểm sống, cách suy nghĩ và làm việc giúp tăng cường mối quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau. Uy tín của Ban chỉ huy lớp và cán bộ Đảng - Đoàn cũng giúp các thành viên tin tưởng và thích hợp tác. Khi được hỏi về những phẩm chất quan trọng đối với sinh viên Đại học ANND, đại đa số các ý kiến đều tập trung ở những phẩm chất như: trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân; ý chí, nghị lực cao; giúp đỡ nhau, yêu thương nhau; đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích tập thể; đoàn kết, tương thân tương ái (tỉ lệ phần trăm lựa chọn khá cao từ 54% đến 89%).

Một đặc điểm nổi bật nữa là sức ảnh hưởng của mức độ hiểu nhau, tính tình hợp nhau, cách suy nghĩ và làm việc hợp nhau đến thái độ đối với bản thân cũng mạnh mẽ với hệ số cao từ 0,77 đến 0,79. Sự thấu hiểu lẫn nhau, tương đồng về tính tình, cách suy nghĩ và làm việc giúp cho bản thân sinh viên tự tin, tự giác, tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể, thoải mái nêu quan điểm, chính kiến của mình. Như vậy, sự tương hợp tâm lý có ảnh hưởng mạnh đến thái độ của sinh viên về bản thân họ khi ở trong lớp học.

Trong hoạt động học tập, sinh viên thường tiến hành nhiều hình thức khác nhau, trong đó thường xuyên thể hiện sự hợp tác, trao đổi và làm việc nhóm. Do vậy rất cần đến sự hợp nhau về cách suy nghĩ và làm việc. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy sự tương quan ở mức trung bình.

- *Thứ ba là đặc điểm của hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp:* Kết quả phân tích mối liên hệ giữa đặc điểm của hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học được khái quát ở bảng sau:

Bảng 2.25. Ảnh hưởng của đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|------------------------------|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Đặc điểm hoạt động học tập | R | 0,32 | 0,72 | 0,65 | 0,80* | 0,68 |
| | Sig | 0,024 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |
| Đặc điểm hoạt động rèn luyện | R | 0,29 | 0,35 | 0,72 | 0,68 | 0,64 |
| | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |
| Đặc điểm hoạt động giao tiếp | R | 0,78** | 0,69 | 0,31 | 0,36 | 0,25 |
| | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,061 | 0,038 | 0,000 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Quan sát những hệ số tương quan ở mức rõ rệt và đáng tin cậy, chúng ta thấy rằng có mối liên hệ chặt chẽ giữa đặc điểm hoạt động học tập với thái độ đối với học tập ($R^* = 0,80$); giữa đặc điểm của hoạt động giao tiếp với thái độ đối với các sinh viên khác ($R^{**} = 0,78$); giữa đặc điểm của hoạt động học tập với thái độ đối với giảng viên cũng như giữa đặc điểm hoạt động rèn luyện với thái độ đối với bản thân ($R = 0,72$).

Phân tích cụ thể một số biểu hiện nổi bật trong mỗi hoạt động sẽ thấy rõ hơn mối liên hệ đến từng thành phần trong cấu trúc bầu không khí tâm lý của lớp học (xem bảng 2.26).

Biểu hiện thường xuyên giao tiếp với giảng viên có mối tương quan mạnh mẽ với thái độ đối với giảng viên ($R^{**} = 0,82$). Sự giao tiếp thường xuyên, chia sẻ, trao đổi với giảng viên sẽ củng cố mối quan hệ giữa sinh viên với giảng viên và

hình thành thái độ tích cực. Khi được hỏi về nguyên nhân thúc đẩy sinh viên thường xuyên giao tiếp với giảng viên, kết quả tập trung chủ yếu ở các nguyên nhân như yêu thích giảng viên, nhận thức rõ trách nhiệm của người học và mong muốn xây dựng mối quan hệ thầy trò, đồng chí đồng đội tốt đẹp (tỉ lệ phần trăm từ 55% đến 93%).

Bảng 2.26. Ảnh hưởng của đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện và giao tiếp giữa các thành viên trong lớp học đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| Nội dung | | Thái độ đối với các sinh viên khác | Thái độ đối với giảng viên | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với học tập | Thái độ đối với rèn luyện |
|--|-----|------------------------------------|----------------------------|--------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Thường xuyên gần gũi, chia sẻ với giảng viên | R | 0,41 | 0,82** | 0,74 | 0,72 | 0,65 |
| | Sig | 0,026 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |
| Giao tiếp, gần gũi với bạn bè trong lớp | R | 0,83* | 0,46 | 0,63 | 0,42 | 0,35 |
| | Sig | 0,000 | 0,012 | 0,028 | 0,126 | 0,000 |
| Thường xuyên tổ chức giao lưu, sinh hoạt lớp | R | 0,76 | 0,39 | 0,69 | 0,41 | 0,48 |
| | Sig | 0,000 | 0,013 | 0,001 | 0,000 | 0,248 |
| Mức độ chuyên cần rèn luyện | R | 0,38 | 0,51 | 0,34 | 0,57 | 0,65 |
| | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,014 | 0,002 | 0,000 |
| Kết quả học tập | R | 0,31 | 0,37 | 0,63 | 0,75 | 0,62 |
| | Sig | 0,013 | 0,024 | 0,000 | 0,000 | 0,000 |
| Kết quả rèn luyện | R | 0,29 | 0,42 | 0,31 | 0,36 | 0,71 |
| | Sig | 0,000 | 0,002 | 0,012 | 0,000 | 0,001 |

Ghi chú: Hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Biểu hiện thường xuyên giao tiếp, gần gũi với bạn bè có mối tương quan mạnh mẽ đối với thái độ đối với các sinh viên khác và có hệ số tương quan cao nhất ($R^* = 0,83$). Chính trong mối quan hệ giao tiếp này, sinh viên được thỏa mãn nhu cầu, tìm thấy chính mình trong lớp học và củng cố thêm mối quan hệ bạn bè thân thiết. Khi được hỏi về nguyên nhân thúc đẩy sinh viên thường xuyên giao tiếp với nhau, kết quả tập trung chủ yếu ở các nguyên nhân như phù hợp về tính tình, thói quen, quan điểm; giúp đỡ nhau trong học tập; nhận thức rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của người đồng chí, đồng đội (tỉ lệ phần trăm từ 60% đến 95%).

Biểu hiện thường xuyên tổ chức giao lưu, sinh hoạt lớp có mối tương quan rõ rệt đến thái độ với nhau và thái độ đối với bản thân. Hệ số tương quan ở mức khá cao (0,76 và 0,69). Trong những dịp tổ chức giao lưu, sinh hoạt lớp, các thành viên sẽ có cơ hội bày tỏ cảm xúc, thái độ đối với bạn bè, mọi người sẽ hiểu về nhau hơn. Đồng thời cũng là dịp sinh viên thể hiện bản thân mình, tìm thấy sự gần gũi, cởi mở, hòa đồng cùng tập thể, từ đó hình thành nên bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học. Từ kết quả tương quan trên, nếu thường xuyên tổ chức giao lưu giữa các sinh viên trong lớp với nhau, tổ chức những buổi sinh hoạt chung thì có thể sẽ cải thiện được thái độ đối với bạn bè trong lớp học.

Mức độ chuyên cần rèn luyện có mối liên hệ rõ nét với thái độ đối với hoạt động rèn luyện ($R = 0,65$). Đồng thời cũng có mối liên hệ với thái độ đối với giảng viên và thái độ đối với học tập (hệ số tương quan tương ứng là 0,51 và 0,57), song chỉ mức tương quan trung bình. Kết quả rèn luyện của lớp học tương quan khá chặt chẽ với thái độ rèn luyện của lớp đó với hệ số tương quan khá cao ($R = 0,71$). Như vậy, thái độ rèn luyện tốt sẽ tương ứng với kết quả rèn luyện tốt và ngược lại.

Kết quả học tập của lớp học tương quan khá chặt chẽ với thái độ học tập của lớp đó với hệ số tương quan khá cao ($R = 0,75$). Điều này cho thấy thái độ học tập tốt sẽ tương ứng với kết quả học tập tốt và ngược lại. Song song đó, kết quả học tập cũng thể hiện mối liên hệ với thái độ đối với bản thân và đối với rèn luyện (mức tương quan khá rõ). Còn lại là những mức tương quan trung bình và thấp. Như vậy, tất cả các nhóm thái độ trong bầu không khí tâm lý của lớp học đều có ảnh hưởng qua lại với kết quả học tập trong lớp đó.

Tóm lại, có thể khái quát ảnh hưởng của các nhóm yếu tố đến bầu không khí tâm lý của lớp học như sau:

Mỗi nhóm yếu tố đều đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Cụ thể có các yếu tố tác động thuộc nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài: tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường, nội quy - quy chế - điều lệnh, đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục, điều kiện học tập và rèn luyện thuộc về nhóm yếu tố bên ngoài; đặc điểm của giảng viên đứng lớp, sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên, đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện giao tiếp thuộc về nhóm yếu tố bên trong.

Tổng hợp kết quả phân tích trên, chúng ta có bảng 2.27 đánh giá tổng quát về tương quan như sau:

Bảng 2.27. Ảnh hưởng của các yếu tố bên trong và bên ngoài đến bầu không khí tâm lý của lớp học

| STT | Nội dung | | Thái độ đối với nhau | Thái độ đối với bản thân | Thái độ đối với nhiệm vụ | Kết luận chung | Thứ hạng |
|-----|---|-----|----------------------|--------------------------|--------------------------|----------------|----------|
| 1 | Tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường | R | 0,23 | 0,25 | 0,47 | 0,41 | 7 |
| | | Sig | 0,075 | 0,062 | 0,000 | 0,000 | |
| 2 | Nội quy - quy chế - điều lệnh | R | 0,39 | 0,42 | 0,64 | 0,47 | 5 |
| | | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | |
| 3 | Đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục | R | 0,55 | 0,43 | 0,68 | 0,53 | 4 |
| | | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | |
| 4 | Điều kiện học tập và rèn luyện | R | 0,39 | 0,41 | 0,59 | 0,44 | 6 |
| | | Sig | 0,000 | 0,102 | 0,000 | 0,000 | |
| 5 | Đặc điểm của giảng viên đứng lớp | R | 0,49 | 0,46 | 0,62 | 0,56 | 3 |
| | | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | |
| 6 | Sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên | R | 0,63 | 0,56 | 0,38 | 0,58 | 2 |
| | | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | |
| 7 | Đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện giao tiếp | R | 0,62 | 0,41 | 0,73 | 0,60 | 1 |
| | | Sig | 0,000 | 0,000 | 0,000 | 0,000 | |

Ghi chú: hệ số tương quan tính theo $R_{Pearson}$. Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$

Số liệu ở bảng 2.27 cho thấy, các yếu tố đều có mối tương quan ý nghĩa đến kết luận chung về bầu không khí tâm lý của lớp học. Có đến 25/28 hệ số tương quan đều có ý nghĩa ở mức 1%. Điều này chứng minh sự ảnh hưởng rõ rệt của các yếu tố này đến kết quả bầu không khí tâm lý của lớp học.

Nhóm yếu tố bên trong (với các yếu tố đặc điểm của giảng viên đứng lớp, sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên và đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện, giao tiếp) có hệ số tương quan cao hơn nhóm yếu tố bên ngoài (với các yếu tố đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục, tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường, điều kiện học tập và rèn luyện). Như vậy, độ lớn của các hệ số tương quan đã chứng minh sự ảnh hưởng mang tính quyết định hơn của nhóm yếu tố bên trong so với nhóm yếu tố bên ngoài. Bên cạnh đó, trong nhóm các yếu tố bên ngoài, có yếu tố “hoạt động giảng dạy và giáo dục” cũng có sức ảnh hưởng rõ rệt đến bầu không khí tâm lý của lớp học (khá tương đồng với yếu tố xếp hạng ba - đặc điểm của giảng viên đứng lớp) với hệ số tương quan không chênh lệch nhau nhiều.

Yếu tố xếp hạng đầu tiên trong bảng là đặc điểm của hoạt động học tập rèn luyện và giao tiếp trong lớp học. Ở góc độ lý luận, yếu tố này đóng vai trò là nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh các thái độ, tạo nên sự lây lan cảm xúc giữa các thành viên trong lớp học, là phương thức vận hành và biểu hiện các đặc điểm của một bầu không khí tâm lý của lớp học. Đồng thời, cũng tác động thường xuyên đến các yếu tố khác như: mối quan hệ trong nhà trường, nội quy - quy định - điều lệnh, điều kiện vật chất, giảng viên... Do vậy, nó mang tính quyết định trực tiếp nhất đối với sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý của lớp học. Muốn tác động đến bầu không khí tâm lý lớp học đều phải thông qua hoạt động và giao tiếp. *Vị trí thứ hai* thuộc về yếu tố “Sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học”. Yếu tố này đảm bảo cho hoạt động của lớp học được diễn ra một cách trật tự, ổn định, thống nhất; giúp xây dựng các mối quan hệ cá nhân hài hòa, thân thiện, tránh được những xung đột, xây dựng một lớp học đoàn kết, quan tâm giúp đỡ lẫn nhau, hướng hoạt động của các thành viên vào việc thực hiện mục đích chung của tập thể, hoàn thành nhiệm vụ học tập và rèn luyện. *Kế đến là* đặc điểm của giảng

viên đứng lớp. Giảng viên là người tổ chức và điều khiển trực tiếp hoạt động giảng dạy và giáo dục. Họ chính là lực lượng dẫn dắt, định hướng quá trình học tập, rèn luyện, tiếp thu tri thức khoa học và trau dồi đạo đức của sinh viên. Người giảng viên còn là nhân tố tạo môi trường, cơ hội cho các thành viên trong lớp trao đổi, hợp tác với nhau. Ở đó, phong cách điều hành và ứng xử của người giảng viên ảnh hưởng rất lớn đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Thực tế cho thấy, giảng viên sẽ là người chủ động sử dụng các biện pháp để xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học.

Vị trí thứ tư thuộc về đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục. Thông qua hoạt động giảng dạy và giáo dục làm thỏa mãn nhu cầu học tập và rèn luyện của sinh viên. Trên cơ sở đó, sẽ tác động đến việc hình thành những thái độ của sinh viên trong lớp học và ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Giảng viên và các nhà giáo dục cần chú ý để tác động hình thành bầu không khí tâm lý tích cực. *Vị trí thứ năm* thuộc về yếu tố nội quy - định - điều lệnh. Yếu tố này không chỉ là điều kiện cơ bản để thiết lập trật tự, ổn định và sự tồn tại của lớp học mà còn là yếu tố tạo ra sự gắn kết giữa các sinh viên, ngăn ngừa các xung đột tâm lý xảy ra. Đồng thời, định hướng sự phát triển các mối quan hệ qua lại phù hợp với chuẩn mực đạo đức, yêu cầu của nhiệm vụ học tập và rèn luyện, làm cơ sở cho bầu không khí tâm lý của lớp học phát triển theo hướng tích cực. Hai yếu tố ảnh hưởng xếp *vị trí cuối cùng* là tính chất các quan hệ xã hội trong nhà trường và điều kiện học tập, rèn luyện.

Việc khảo sát, phân tích và kết luận về sự ảnh hưởng của các yếu tố đến bầu không khí tâm lý của lớp học không chỉ giúp cho chúng ta nhận diện thực tế về những nguyên nhân tác động mà còn giúp lựa chọn, thiết kế các biện pháp tác động để cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học theo hướng tích cực hơn. Vì vậy, cần chú ý đến tất cả các yếu tố thuộc hai nhóm yếu tố bên trong và bên ngoài và đặc biệt quan tâm đến cả ba yếu tố trong nhóm yếu tố bên trong.

TIỂU KẾT

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy, bầu không khí tâm lý của mỗi lớp học tại trường Đại học ANND có những nét đặc trưng riêng, biểu hiện ra bằng những đặc điểm tích cực và chưa tích cực trong các khía cạnh về thái độ đối với các sinh viên khác, thái độ đối với giảng viên, thái độ đối với bản thân sinh viên, thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện của lớp học đó. Giữa các mặt thái độ có sự tương quan với nhau, nhất là thái độ đối với bản thân sinh viên có sự tương quan thuận với thái độ với nhau và thái độ đối với nhiệm vụ. Kết quả so sánh trên các chiều kích khác nhau theo các nhóm khách thể như giới tính, khóa học, thành phần sinh viên cho thấy không có sự khác biệt về đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học. Riêng kiểm nghiệm sự khác biệt giữa hai nhóm có học lực Giỏi - Xuất sắc và TB - TB Khá đánh giá về bầu không khí tâm lý thì có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

Thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND do nhiều yếu tố tác động, được chia thành hai nhóm yếu tố. Nhóm yếu tố bên ngoài bao gồm tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường, nội quy - quy chế - điều lệnh, đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục, điều kiện học tập và rèn luyện. Nhóm yếu tố bên trong bao gồm đặc điểm của giảng viên đứng lớp, sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên và đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện, giao tiếp). Trong đó, yếu tố bên trong đóng vai trò quyết định. Đây chính là cơ sở quan trọng cần quan tâm để lựa chọn, thiết kế các phương pháp tác động cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học theo hướng tích cực hơn.

Chương 3

THỰC NGHIỆM MỘT SỐ BIỆN PHÁP TÁC ĐỘNG NHẪM CẢI THIỆN BẦU KHÔNG KHÍ TÂM LÝ CỦA LỚP HỌC TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC AN NINH NHÂN DÂN

3.1. Một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

3.1.1. Cơ sở đề xuất các biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

a. Cơ sở lý luận:

- Xuất phát từ nền tảng lý luận của Tâm lý học duy vật biện chứng để xem xét và đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học, như đã xác lập ở cơ sở lý luận, bầu không khí tâm lý của lớp học là trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong lớp học và được biểu hiện qua thái độ của các thành viên với nhau, thái độ với nhiệm vụ của lớp học và thái độ đối với bản thân của từng thành viên. Bầu không khí tâm lý của lớp học với tư cách là một trạng thái tâm lý có tính chất bền vững tương đối và có cường độ đủ lớn chi phối đời sống tâm lý xã hội của lớp học. Trạng thái tâm lý này được biểu hiện qua thái độ chung và được hình thành xuất phát từ nhận thức của các thành viên trong lớp học về mục tiêu và hoạt động chung, đến lượt nó lại có tác dụng chi phối ngược lại nhận thức - thái độ - hành vi của từng thành viên trong lớp học đó. Yếu tố này tồn tại song song cùng với sự phát triển của lớp học, bao trùm lên tất cả các mối quan hệ và các hoạt động diễn ra trong lớp học. Nó có vai trò quan trọng trong việc tạo nên những điều kiện tâm lý xã hội cần thiết đảm bảo hiệu quả hoạt động của các thành viên nói riêng và hoạt động chung của lớp.

- Về bản chất, trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học được cấu thành từ các thái độ của mỗi cá nhân và thuộc về tâm lý cá nhân. Tuy nhiên, sự gặp gỡ giữa thái độ của các cá nhân tạo nên vùng giao thoa chung gọi là thái độ xã hội và thuộc về tâm

lý xã hội. Thái độ xã hội đó phản ánh điều kiện sống, hoạt động của lớp học trong những giai đoạn nhất định. Nói cách khác, bầu không khí tâm lý của lớp học là sản phẩm tinh thần, nảy sinh trong quá trình con người hoạt động và giao tiếp trong lớp học, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong lớp học và là tâm trạng chung của lớp học đó. Ngoài ra, bầu không khí tâm lý của lớp học đã đề cập đến trạng thái tâm lý chủ đạo phản ánh thái độ của các thành viên trong lớp học đó. Tuy nhiên, thái độ hình thành hay không có liên quan đến nhu cầu của cá nhân, mà nhu cầu có được thỏa mãn hay không đều phải thông qua hoạt động và giao tiếp của các thành viên trong lớp học. Do đó, hoạt động và giao tiếp là yếu tố quyết định trực tiếp đến sự hình thành một thái độ nào đó ở cá nhân nói riêng và lớp học nói chung. Vì vậy, bầu không khí tâm lý của lớp học hoàn toàn có thể được cải thiện thông qua việc tác động một cách có mục đích đến quá trình hoạt động và giao tiếp của lớp học đó.

- Giao tiếp là sự hiện thực hóa các mối quan hệ của con người. Bầu không khí tâm lý của lớp học gắn liền và không tách rời khỏi giao tiếp. Cơ sở của bầu không khí tâm lý tập thể là những cảm xúc hình thành và phát triển trong quá trình con người giao tiếp. Có cảm xúc tích cực và có cảm xúc tiêu cực. Như vậy, mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể như thế nào sẽ được phản ánh rõ ràng trong bầu không khí tâm lý tập thể. Việc xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực rất cần những điều kiện quan trọng như sự hiểu biết đầy đủ về nhau, sự tín nhiệm nhau, sự gần gũi của người lãnh đạo với các thành viên trong tập thể... Như vậy, có thể thấy, bầu không khí tâm lý của lớp học là một hiện tượng tâm lý phức tạp, nảy sinh trong quá trình giao tiếp, hoạt động cùng nhau của lớp học và ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên. Việc hình thành và phát triển của hiện tượng này có thể theo những con đường khác nhau. Một là bầu không khí tâm lý phát triển theo hướng tương đối tự nhiên, xuất phát từ sự đồng thuận của tất cả hoặc đa số các thành viên trong tập thể tạo ra. Hai là bầu không khí tâm lý là kết quả của hoạt động có mục đích, có tổ chức, có sự lãnh đạo. Ba là bầu không khí tâm lý là kết quả của hoạt động điều khiển và điều chỉnh của những người lãnh đạo hoặc của

các thành viên dựa trên cơ sở những kinh nghiệm thực tiễn và vận dụng các thành tựu khoa học nhằm xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực.

Như vậy, có thể nhận thấy rằng, bầu không khí tâm lý của lớp học có thể được cải thiện thông qua những tác động có mục đích, được điều khiển và điều chỉnh nếu như người tác động có kinh nghiệm, có hiểu biết và khả năng vận dụng các quy luật tâm lý xã hội.

- Việc nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển bầu không khí tâm lý của lớp học sẽ làm cơ sở để đưa ra hướng tác động. Người nghiên cứu đã chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý của lớp học thuộc hai nhóm:

Nhóm yếu tố bên ngoài bao gồm: Tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường, nội quy - quy định - điều lệnh, đặc điểm của hoạt động giảng dạy và giáo dục, điều kiện học tập và rèn luyện của học viên.

Nhóm yếu tố bên trong bao gồm: Đặc điểm của người giảng viên đứng lớp, sự tương hợp về tâm lý giữa các học viên trong lớp học và đặc điểm của hoạt động học tập - rèn luyện - giao tiếp giữa các thành viên trong lớp.

Trong đó, yếu tố bên trong đóng vai trò quyết định. Đây chính là khía cạnh cần quan tâm để lựa chọn, thiết kế các phương pháp tác động cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học theo hướng tích cực hơn.

b. Cơ sở thực tiễn:

+ Kết quả nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND cho thấy: Mỗi lớp học hình thành bầu không khí tâm lý riêng, không thể đánh đồng giữa bầu không khí tâm lý của các lớp học với nhau. Bầu không khí tâm lý của các lớp học nhìn chung không có mức độ tiêu cực, song xem xét ở từng khía cạnh vẫn có thể thấy sự khác biệt rõ rệt trong những tiêu chí đánh giá (có biểu hiện tiêu cực, nhiều biểu hiện vẫn còn ở mức trung tính).

+ Thực trạng này chịu sự tác động của nhiều yếu tố nằm trong hai nhóm yếu tố bên trong và bên ngoài. Mỗi nhóm yếu tố đều đóng vai trò quan trọng ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học. Kết quả khảo sát cũng đã cho thấy bốn trong bảy

yếu tố có sự tác động mạnh nhất đến bầu không khí tâm lý của lớp học là đặc điểm của hoạt động học tập rèn luyện và giao tiếp trong lớp học (yếu tố này đóng vai trò là nguyên nhân trực tiếp làm nảy sinh các thái độ; tạo nên sự lây lan cảm xúc giữa các thành viên trong lớp học; là phương thức vận hành và biểu hiện các đặc điểm của bầu không khí tâm lý của lớp học; mang tính quyết định trực tiếp nhất đối với sự hình thành và phát triển của bầu không khí tâm lý của lớp học); Sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên trong lớp học (yếu tố này đảm bảo cho hoạt động của lớp học được diễn ra một cách trật tự, ổn định, thống nhất; giúp xây dựng các mối quan hệ cá nhân hài hòa, thân thiện, tránh được những xung đột); Đặc điểm của giảng viên đứng lớp (họ là người tổ chức và điều khiển trực tiếp hoạt động giảng dạy và giáo dục; là nhân tố tạo môi trường, cơ hội cho các thành viên trong lớp trao đổi, hợp tác với nhau; là người chủ động sử dụng các biện pháp để xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học) và đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục (thông qua hoạt động giảng dạy và giáo dục làm thỏa mãn nhu cầu học tập và rèn luyện của sinh viên; tác động đến việc hình thành những thái độ của sinh viên trong lớp học và ảnh hưởng đến bầu không khí tâm lý của lớp học).

3.1.2. Một số biện pháp cụ thể nhằm cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

a. Biện pháp 1: Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện mình cũng như tăng cường tương tác tích cực giữa các thành viên trong lớp.

- *Mục đích:*

Tạo không khí sinh hoạt lớp ấm cúng, thân tình; Sinh viên tự tin hơn, hiểu nhau hơn, gắn bó với nhau hơn; củng cố uy tín của cán bộ quản lý sinh viên (chủ nhiệm lớp) và Ban chỉ huy lớp. Trên cơ sở đó cải thiện thái độ đối với bản thân và thái độ đối với nhau.

- *Yêu cầu:*

Thảo luận thống nhất giữa giáo viên chủ nhiệm, Ban chỉ huy lớp, Cán bộ đoàn về mục đích chung và hình thức tổ chức

Đảm bảo thời gian thực hiện, ưu tiên lựa chọn cách trình bày dí dỏm, sáng tạo, phù hợp với sinh viên.

Chuẩn bị đầy đủ điều kiện hỗ trợ cần thiết: kinh phí, máy tính, máy chiếu, máy quay phim...

- *Nội dung:*

Thiết kế mỗi buổi sinh hoạt với nhiều chương trình khác nhau: Ngoài những nội dung bắt buộc trong buổi sinh hoạt như báo cáo tình hình hoạt động của lớp và đề ra phương hướng hoạt động trong thời gian tới, thiết kế thêm những chương trình giao lưu, sinh hoạt tập thể. Cụ thể như sau:

Chương trình “Gắn kết”: Thiết kế “Sổ tay gắn kết” có ghi sẵn tên các thành viên trong lớp (mỗi tên ghi trong một trang). Tiểu đội phụ trách điều khiển chương trình phát sổ tay cho các thành viên; đưa ra các câu đố về đặc điểm của một thành viên trong lớp, về ngày tháng năm sinh, đóng tiểu phẩm mô tả đặc điểm của một thành viên trong lớp. Các thành viên còn lại cùng nhau xác định người được nhắc đến là ai, có thể bút ký những đặc điểm đã được nói đến trong trang sổ tay có ghi tên người đó. Người được nhắc đến sẽ lên phát biểu cảm tưởng và ký tên mình vào sổ tay “Gắn kết” cho cả lớp.

Chương trình “Tự hào là sinh viên của lớp”: Mỗi tiểu đội phụ trách một tiết mục (kịch, tấu hài, sáng tác thơ, nhạc...) ca ngợi những thành tích hoặc nói lên những mặt còn tồn tại của lớp. Qua đó khẳng định đó là bản sắc của lớp - “chất kết dính” giữa các thành viên với nhau, đồng thời đưa ra những thông điệp đầy ý nghĩa nhắn gửi cho các thành viên về việc xây dựng mối quan hệ đồng chí đồng đội đoàn kết, yêu thương nhau.

Chương trình “Thử tài đoán ý”: Mỗi tiểu đội phụ trách một trò chơi (dùng ngôn ngữ hình thể, không sử dụng lời để nói lên điều mình suy nghĩ). Các thành viên còn lại đoán thông điệp tiểu đội muốn nói là gì. Theo đó, hiểu hơn về cách suy nghĩ, quan điểm sống, tình cảm... của mỗi người; hiểu để hợp tác, để hiểu gắn bó nhau hơn trong tình đồng chí đồng đội.

b. Biện pháp 2: Áp dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả

- Mục đích:

Tạo không khí học tập sôi nổi, tích cực; Giúp sinh viên thể hiện tinh thần hợp tác, hăng hái, nhiệt tình đóng góp nội dung bài học, có cơ hội thể hiện mình bằng việc phát biểu, tranh luận

- Yêu cầu:

Giảng viên chủ động thiết kế bài giảng cho phù hợp với lớp, sưu tầm những tình huống hay, “đắt”, phù hợp; trao đổi với giáo viên chủ nhiệm, Ban chỉ huy lớp và Ban cán sự học tập về cách thức tổ chức thực hiện dự án.

Chuẩn bị các điều kiện hỗ trợ: máy tính, máy chiếu, giấy khổ lớn, bút lông, kinh phí trao giải...

- Nội dung:

Sử dụng phương pháp nêu vấn đề bằng tình huống (Tình huống có thể là đoạn clip, một bộ phim, bức hình...), thảo luận nhóm và trình bày ý kiến theo nhóm, giao bài tập theo hình thức dự án và báo cáo việc thực hiện vào cuối học phần Tâm lý học đại cương (Xây dựng chân dung tâm lý đối tượng, mở CLB “Kết nối trẻ”...). Kết quả thực hiện sẽ được cộng vào điểm kiểm tra thường xuyên và điểm kiểm tra giữa học phần, thậm chí được lấy điểm này thay cho điểm kiểm tra thường xuyên và điểm thi giữa học phần. Nhóm thực hiện tốt, sáng tạo sẽ được trao giải để động viên tinh thần làm việc tích cực của nhóm.

c. Đa dạng hóa hình thức học tập của sinh viên:

- Mục đích: Giúp sinh viên hứng thú hơn trong hoạt động học tập, xây dựng động cơ học tập đúng đắn. Trên cơ sở đó, hình thành thái độ tích cực với hoạt động học tập nói chung, góp phần tạo không khí thi đua sôi nổi trong lớp học.

- Yêu cầu:

Đảm bảo thực hiện theo đúng kế hoạch, đảm bảo nội dung cuộc thi (Tính khoa học, chính xác...)

Việc tham quan thực tế phải được sự đồng ý của Lãnh đạo nhà trường và Lãnh đạo trại giam Z30D.

Chuẩn bị các điều kiện hỗ trợ: kinh phí, máy tính, máy chiếu...

- *Nội dung:*

Tổ chức cuộc thi “Tìm hiểu kiến thức tâm lý” giữa các tiểu đội. Phân công cho Ban cán sự học tập của lớp xây dựng Kế hoạch, dự kiến nội dung và trình giảng viên góp ý (Gồm 4 phần thi chính: Tôi là tôi, Trắc nghiệm, Ô chữ kỳ diệu, Ứng xử thông minh). Hướng dẫn sinh viên thiết kế nội dung cuộc thi dạng “game show” truyền hình. Kết thúc các phần thi sẽ công bố kết quả và trao giải. Xen kẽ là các tiết mục giải trí của các tiểu đội.

Hướng dẫn các tiểu đội đóng phim xoay quanh các chủ đề tâm lý có liên quan đến việc ứng dụng trong công tác nghiệp vụ (Nhu cầu trong động cơ phạm tội, tâm lý người phạm tội, tâm lý người làm chứng). Tổ chức trình chiếu, cho sinh viên đánh giá, đặt câu hỏi và giải đáp.

Tham quan thực tế tại trại giam Z30D. Chuẩn bị kế hoạch tham quan (nghe báo cáo chuyên đề về tâm lý đối tượng phạm tội, đặt câu hỏi với báo cáo viên, tổ chức đêm văn nghệ giao lưu với cán bộ chiến sỹ ở đó). Cho sinh viên viết bài thu hoạch cảm nhận về chuyến đi, về thái độ của các thành viên trong lớp qua chuyến đi.

3.2. Tổ chức thực nghiệm một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

3.2.1. Mục đích và nhiệm vụ thực nghiệm

- *Mục đích thực nghiệm:*

Thực nghiệm nhằm kiểm tra hiệu quả việc cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND thông qua các biện pháp đã đề xuất.

- *Nhiệm vụ thực nghiệm:*

+ Tiến hành mô hình thực nghiệm trên nhóm khách thể được chọn lọc.

+ Kiểm tra tính hiệu quả của mô hình thực nghiệm dựa trên kết quả đánh giá và công cụ đánh giá.

3.2.2. Khách thể thực nghiệm

- *Nhóm thực nghiệm:* 69 sinh viên thuộc lớp D20D là khách thể thử nghiệm của đề tài nghiên cứu.

- *Nhóm đối chứng:* 82 sinh viên thuộc lớp D20B1 là khách thể thuộc nhóm đối chứng. Các khách thể này không nhận sự tác động từ các biện pháp thực nghiệm của đề tài.

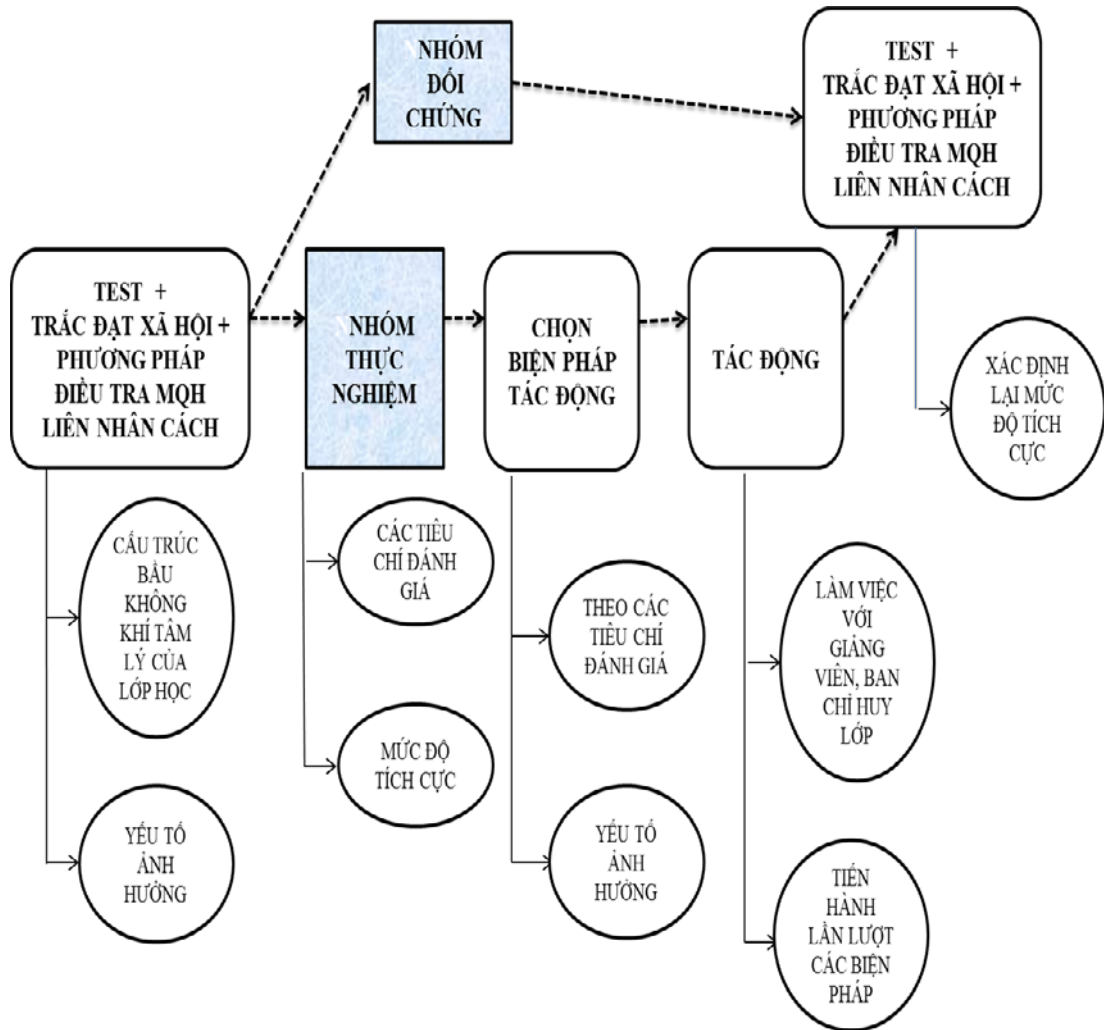
3.2.3. Giả thuyết và mô hình thực nghiệm

- *Giả thuyết thực nghiệm:*

Nếu tạo môi trường giao tiếp thoải mái cho sinh viên, sử dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả hơn và đa dạng hóa các hình thức học tập sẽ cải thiện được bầu không khí tâm lý của lớp học.

- *Mô hình thực nghiệm:*

Mô hình thực nghiệm được xác định trên chuỗi lựa chọn như sau:



Sơ đồ mô hình thực nghiệm

3.2.4. Điều kiện và quy trình thực nghiệm

- *Điều kiện thực nghiệm:*

Thực nghiệm được tiến hành trong điều kiện bình thường. Các hoạt động học tập và rèn luyện của lớp diễn ra bình thường và theo đúng lịch trình của nhà trường. Không có sự đầu tư kinh phí hay giúp đỡ đặc biệt cho nhóm thực nghiệm.

Nhóm đối chứng không chịu sự tác động của bất kỳ biện pháp tác động nào.

- *Quy trình thực nghiệm:*

Việc thực nghiệm được tiến hành từ tháng 3 năm 2012 đến tháng 8 năm 2012 theo 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1 (từ tháng 3/2012 đến hết tháng 5/2012): thực hiện các công việc sau:

Lựa chọn khách thể tác động trong nhóm thực nghiệm và chọn nhóm đối chứng.

Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp D20B1 (nhóm đối chứng) và của lớp D20D (nhóm thực nghiệm) trước khi thực nghiệm: căn cứ vào kết quả đã khảo sát và tiến hành thêm phương pháp trắc đạt xã hội và phương pháp điều tra mối quan hệ liên nhân cách.

Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện mình cũng như tăng cường tương tác tích cực giữa các thành viên trong lớp.

Áp dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả.

+ Giai đoạn 2 (từ tháng 7/2012 đến hết tháng 8/2012): thực hiện các công việc sau:

Đa dạng hóa hình thức học tập của sinh viên: áp dụng các hình thức học tập tích cực như thi tìm hiểu kiến thức Tâm lý học đại cương, đóng phim, tham quan thực tế tại trại Z30D.

Tổ chức cho sinh viên thảo luận nhóm và viết thu hoạch về ích lợi thu được trong các hoạt động của lớp, viết cảm nhận về bầu không khí tâm lý của lớp.

Đánh giá bầu không khí tâm lý của lớp học ở nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau khi thực nghiệm.

Phân tích và so sánh kết quả thu được sau khi thực hiện các biện pháp tác động.

Viết báo cáo thực nghiệm.

3.2.5. Công cụ đánh giá thực nghiệm

- Đánh giá bằng phương pháp điều tra:

Người nghiên cứu đánh giá bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm và lớp đối chứng trước thực nghiệm bằng phiếu khảo sát. Sau đó, đánh giá bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng sau thực nghiệm bằng phiếu khảo sát như trên. So sánh sự khác biệt giữa đặc điểm bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm, so sánh với kết quả thu được từ nhóm đối chứng, phân tích, đánh giá và kết luận.

- Đánh giá bằng phương pháp trắc đạt xã hội:

Đây là phương pháp nghiên cứu của nhà nghiên cứu xã hội học người Mỹ J. Moreno. Thiết kế phiếu thăm dò thái độ (Xem phụ lục...). Phát phiếu thăm dò này cho sinh viên ở hai thời điểm trước và sau thực nghiệm. Sinh viên đánh dấu lựa chọn mức độ yêu thích đối với từng người trong lớp. So sánh sự khác nhau về tỉ lệ người được chọn giữa hai thời điểm trước và sau thực nghiệm.

- Đánh giá bằng ma trận liên nhân cách:

Phát phiếu chọn người cộng tác cho sinh viên ở hai thời điểm trước và sau thực nghiệm, yêu cầu ghi tên những người mà mình đánh giá là có thể hợp tác với mình trong các hoạt động. Không hạn chế số lượng người được lựa chọn. So sánh số lượng người được lựa chọn hợp tác trước và sau thực nghiệm.

3.3. Kết quả thực nghiệm một số biện pháp cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân

3.3.1. So sánh nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Nhìn bảng 3.1, kết quả đánh giá về bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm cho thấy có sự khác biệt giữa hai thời điểm trước và sau thực nghiệm. Điểm trung bình chung đánh giá bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm ở thời điểm trước thực nghiệm là 3,34 (mức “Trung tính”) và ở thời điểm sau thực nghiệm là

4,18 (mức “Khá tích cực”). Sự chênh lệch điểm (0,84) là sự chênh lệch đáng kể và cho thấy có sự thay đổi nhất định trong bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm. Kiểm nghiệm F với biến số kiểm nghiệm $F=0,000 < 0,01$ cũng cho thấy có sự khác biệt ý nghĩa về mặt thống kê.

Bảng 3.1. Bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

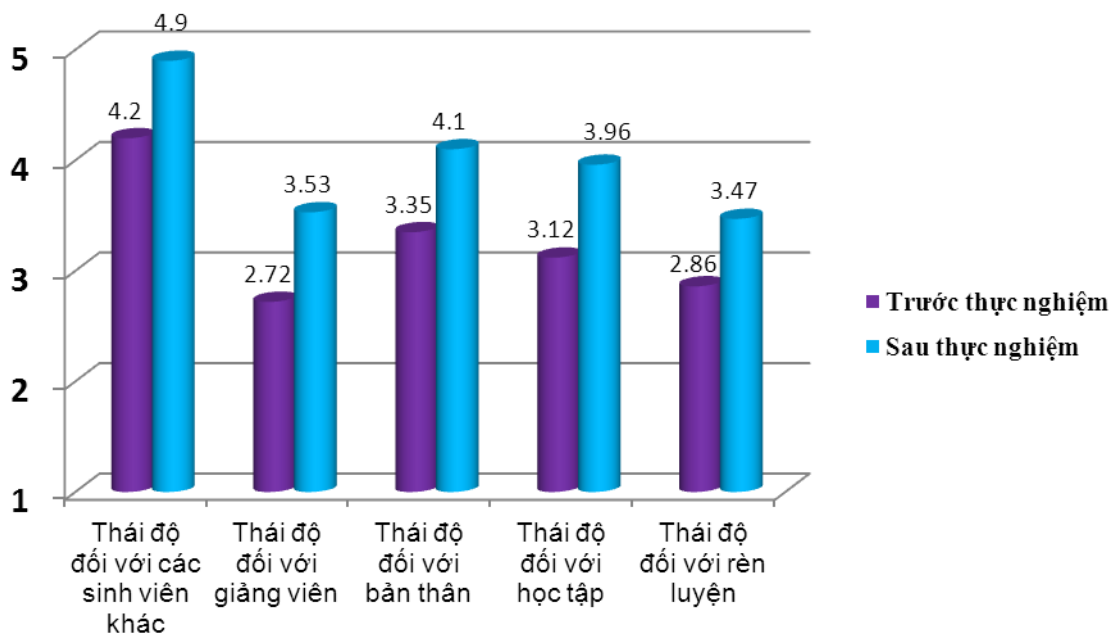
| Nội dung | | Trước thực nghiệm | | Sau thực nghiệm | | Chênh lệch | Biến số kiểm nghiệm F |
|---------------------------------|------------------------------------|-------------------|-------------------|-----------------|---------------------|-------------|-----------------------|
| | | TB | Mức độ | TB | Mức độ | | |
| Thái độ đối với nhau | Thái độ đối với các sinh viên khác | 4,20 | Rất tích cực | 4,90 | Rất tích cực | 0,70 | 0,000* |
| | Thái độ đối với giảng viên | 2,72 | Trung tính | 3,53 | Khá tích cực | 0,81 | 0,001* |
| Thái độ đối với bản thân | | 3,35 | Trung tính | 4,10 | Khá tích cực | 0,75 | 0,003* |
| Thái độ đối với nhiệm vụ | Thái độ đối với học tập | 3,12 | Trung tính | 3,96 | Khá tích cực | 0,84 | 0,000* |
| | Thái độ đối với rèn luyện | 2,86 | Trung tính | 3,47 | Khá tích cực | 0,61 | 0,000* |
| Chung | | 3,34 | Trung tính | 4,18 | Khá tích cực | 0,84 | 0,000* |

Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$; () có ý nghĩa với $\alpha = 0.01$*

Nhìn vào biểu đồ 3.1, có thể nhận thấy:

- Kết quả tích cực nhất là biểu hiện thái độ của nhóm thực nghiệm đối với học tập. Từ mức xếp loại “Trung tính” trước thực nghiệm với trị số trung bình là 3,12 đã nâng lên mức “Khá tích cực” với trị số trung bình cao hẳn là 3,96. Đây cũng là điểm chênh lệch cao nhất trong các mặt (0,84). Đồng thời, kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mặt thái độ đối với học tập

trước và sau thực nghiệm. Qua đó, có thể kết luận, các biện pháp tác động đã phát huy hiệu quả, nhất là việc áp dụng các hình thức học tập khác nhau và việc giảng viên sử dụng những phương pháp tích cực. Qua cuộc thi, qua chuyến tham quan, sinh viên có thể vừa học vừa giải trí, vừa quan sát được thực tế sinh động, từ đó thúc đẩy người học hăng say nghiên cứu, tìm tòi khám phá tri thức để có thể hiểu sâu hơn bài học. Cách thức giảng dạy mà giảng viên sử dụng không gây tâm lý nhàm chán mà trái lại tạo môi trường cho sinh viên hoạt động tích cực, hăng hái trao đổi, làm việc nhóm, theo đó hình thành thái độ tích cực đối với việc học tập.



Biểu đồ 3.1. Bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm.

- Biện pháp “Áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả” cũng đã cho thấy hiệu quả của nó trong việc cải thiện thái độ đối với giảng viên. Điểm trung bình đã được nâng từ 2,72 ở thời điểm trước thực nghiệm lên 3,53 ở thời điểm sau thực nghiệm, tương ứng là mức xếp loại “Trung tính” trước thực nghiệm nâng lên thành mức “Khá tích cực” sau thực nghiệm. Mức chênh lệch cũng rất cao (0,81). Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mặt thái độ đối với giảng viên trước và sau thực nghiệm.

- Biện pháp “Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện mình cũng như tăng cường tương tác tích cực giữa các thành viên trong

lớp” nhằm mục đích cải thiện thái độ đối với bản thân và thái độ giữa các thành viên với nhau. Trước thực nghiệm, thái độ đối với bản thân ở mức “Trung tính” (TB=3,35). Sau thực nghiệm, mức độ này nâng lên thành “Khá tích cực” (TB=4,10). So sánh hai trị số trung bình, ta thấy điểm chênh lệch là 0,75 cũng khá cao. Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mặt thái độ đối với bản thân trước và sau thực nghiệm. Bên cạnh đó, có thể nhận thấy mặc dù khía cạnh thái độ của các sinh viên với nhau vẫn ở mức “Rất tích cực”, tuy nhiên xét về trị trung bình thì đã được nâng lên rất nhiều (từ 4,20 trước thực nghiệm lên 4,90 sau thực nghiệm), chênh lệch điểm là 0,70. Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trước và sau thực nghiệm.

- Chênh lệch điểm trung bình ít nhất là ở khía cạnh thái độ đối với rèn luyện (0,61). Mặc dù vậy, bầu không khí tâm lý của lớp học thể hiện ở mặt thái độ đối với rèn luyện cũng đã được cải thiện từ “Trung tính” lên “Khá tích cực”. Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trước và sau thực nghiệm. Điều này cũng có thể được lý giải rằng người nghiên cứu không đặt ra mục tiêu cải thiện thái độ đối với rèn luyện khi thực hiện ba biện pháp tác động đến bầu không khí tâm lý của lớp học.

Như vậy, có thể đi đến nhận xét rằng bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm đã được cải thiện từ mức “Trung tính” trước thực nghiệm thành “Khá tích cực” sau thực nghiệm. Như vậy, có thể kết luận những biện pháp tác động lên nhóm thực nghiệm là có hiệu quả.

3.3.2. So sánh nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

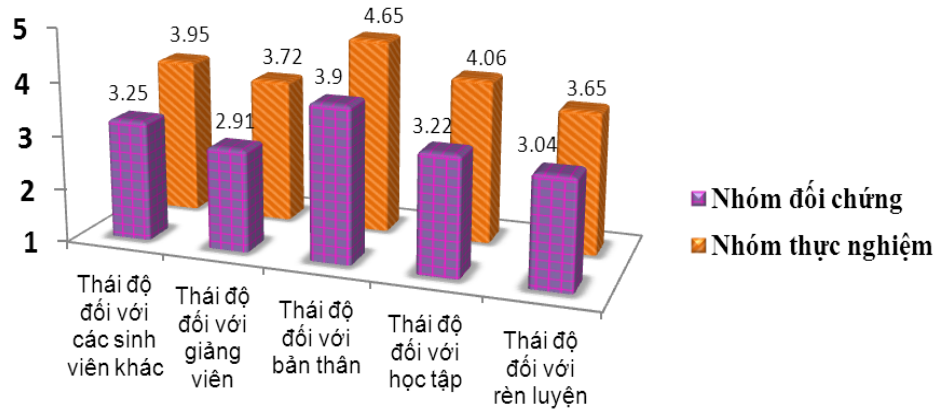
Người nghiên cứu tiến hành đánh giá bầu không khí tâm lý trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm nhằm đánh giá có hay không sự khác biệt giữa hai nhóm này sau khi sử dụng các biện pháp tác động vào nhóm thực nghiệm.

Bảng 3.2. Bầu không khí tâm lý của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

| Nội dung | | Nhóm đối chứng | | Nhóm thực nghiệm | | Chênh lệch | Biến số kiểm nghiệm F |
|---------------------------------|------------------------------------|----------------|-------------------|------------------|---------------------|-------------|-----------------------|
| | | TB | Mức độ | TB | Mức độ | | |
| Thái độ đối với nhau | Thái độ đối với các sinh viên khác | 3,25 | Trung tính | 3,95 | Khá tích cực | 0,70 | 0,000* |
| | Thái độ đối với giảng viên | 2,91 | Trung tính | 3,72 | Khá tích cực | 0,81 | 0,001* |
| Thái độ đối với bản thân | | 3,90 | Khá tích cực | 4,65 | Rất tích cực | 0,75 | 0,003* |
| Thái độ đối với nhiệm vụ | Thái độ đối với học tập | 3,22 | Trung tính | 4,06 | Khá tích cực | 0,84 | 0,000* |
| | Thái độ đối với rèn luyện | 3,04 | Trung tính | 3,65 | Khá tích cực | 0,61 | 0,000* |
| Chung | | 3,26 | Trung tính | 4,01 | Khá tích cực | 0,75 | 0,000* |

Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$; (*) có ý nghĩa với $\alpha = 0.01$

Kết quả ở bảng 3.2 cho thấy có sự khác biệt đáng kể. Ở thời điểm sau thực nghiệm, điểm trung bình chung của nhóm đối chứng là 3,26 ở mức “Trung tính”, còn ở nhóm thực nghiệm là 4,01 ở mức “Khá tích cực”. Điểm trung bình chênh lệch là rất đáng kể giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm (0,75). Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt về mặt thống kê ở đánh giá trên.



Biểu đồ 3.2. Bầu không khí tâm lý của nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm

Nhìn biểu đồ 3.2, cùng với những kết quả phân tích trên có thể khẳng định: mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm được cải thiện rõ rệt so với mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của nhóm đối chứng sau thực nghiệm. Một lần nữa chúng ta có thể kết luận những biện pháp tác động lên nhóm thực nghiệm là có hiệu quả.

3.3.3. So sánh từng biểu hiện nổi bật trong các tiêu chí đánh giá về bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Nhìn vào bảng 3.3, kết quả đánh giá một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý nhóm thực nghiệm cho thấy có sự khác biệt giữa hai thời điểm trước và sau thực nghiệm. Ở mặt thái độ đối với các sinh viên khác, các biểu hiện tích cực ở thời điểm trước thực nghiệm mặc dù đã có trị số trung bình rất cao thì sau thực nghiệm trị số này vẫn tiếp tục tăng. Chênh lệch điểm nhiều nhất là 0,66 ở biểu hiện “Thông cảm với nhau” gần đạt đến cận trên của mức “Rất tích cực”. Chênh lệch ít nhất là 0,28 ở biểu hiện “Quan tâm nhau”. Song cho dù là chênh lệch ít nhưng vẫn ở mức rất cao. Ở các biểu hiện tiêu cực cũng đã có sự cải thiện đáng kể. Mức chênh lệch lần lượt là 0,66 và 0,56 đã nâng biểu hiện “Dễ dãi với nhau” và “Giả tạo, không cởi mở, xã giao” từ “Khá tiêu cực” lên “Trung tính”. Đây là cũng sự thay đổi khá rõ. Qua các buổi sinh hoạt, các cuộc thi, tham quan thực tế, sinh viên đã thân thiện và chia sẻ nhiều hơn. Quá trình chuẩn bị cho các cuộc thi đã khiến sinh viên chủ động, thẳng thắn góp ý để quyết tâm đem lại thành công cho tiểu đội của mình,

nhờ đó hạn chế sự qua loa, dễ dãi với nhau. Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mặt thái độ đối với các sinh viên khác trước và sau thực nghiệm.

Bảng 3.3. Một số biểu hiện nổi bật của bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm thông qua thái độ với nhau trước và sau thực nghiệm

| Biểu hiện | | | | Trước thực nghiệm | Sau thực nghiệm | Chênh lệch | Biến số kiểm nghiệm F |
|-------------------------|------------------------------------|---|--|-------------------|-----------------|-------------|-----------------------|
| Nhóm thực nghiệm | Thái độ đối với các sinh viên khác | Tích cực | Hòa thuận, nhường nhịn nhau | 4,24 | 4,79 | 0,55 | 0,000* |
| | | | Quan tâm đến nhau | 4,30 | 4,55 | 0,28 | 0,000* |
| | | | Thông cảm với nhau | 4,27 | 4,91 | 0,64 | 0,000* |
| | | Tiêu cực | Dễ dãi với nhau | 2,23 | 2,89 | 0,66 | 0,001* |
| | | | Giả tạo, không cởi mở, xã giao | 2,45 | 3,01 | 0,56 | 0,000* |
| | | | | | | | |
| | Thái độ đối với giảng viên | Tích cực | Cởi mở | 3,41 | 4,10 | 0,69 | 0,000* |
| | | | Tôn trọng | 3,53 | 4,23 | 0,70 | 0,001* |
| | | Tiêu cực | <i>Không gần gũi, xa cách</i> | 2,54 | 3,46 | 0,92 | 0,000* |
| | Thái độ đối với bản thân | Tích cực | Khiêm tốn | 3,87 | 4,45 | 0,58 | 0,000* |
| | | | Tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể | 3,65 | 0,44 | 0,60 | 0,000* |
| | | Tiêu cực | <i>Dễ dãi đối với bản thân</i> | 2,32 | 3,21 | 0,89 | 0,000* |
| | | | <i>Có tính phụ thuộc, dựa dẫm người khác</i> | 2,54 | 3,39 | 0,85 | 0,000* |
| | Thái độ đối với học tập | Tích cực | Hợp tác, chia sẻ hiểu biết lẫn nhau | 4,12 | 4,66 | 0,54 | 0,002* |
| | | Tiêu cực | Dựa dẫm người khác | 2,57 | 3,25 | 0,68 | 0,000* |
| | Thái độ đối với rèn luyện | Tích cực | Tự giác tham gia | 4,45 | 4,74 | 0,29 | 0,000* |
| Tiêu cực | | Chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái | 2,64 | 3,54 | 0,90 | 0,000* | |

Mức ý nghĩa: $\alpha = 0.01$; () có ý nghĩa với $\alpha = 0.01$*

Điểm nổi bật sau thực nghiệm là ở khía cạnh thái độ đối với giảng viên. Biểu hiện “Không gần gũi, xa cách” đã cho thấy có sự cải thiện rất rõ rệt với sự chênh lệch về trị số trung bình rất cao (0,92), theo đó đã nâng từ mức “Khá tiêu cực” ở thời điểm trước thực nghiệm lên mức “Khá tích cực” ở thời điểm sau thực nghiệm. Việc áp dụng những phương pháp giảng dạy tích cực đã tạo không khí học tập sôi nổi, giảng viên và sinh viên cùng nhau trao đổi và đi đến giải quyết vấn đề đặt ra, điều này khiến sinh viên mạnh dạn hơn và không còn cảm thấy xa cách với giảng viên. Biểu hiện tích cực “Tôn trọng” cũng đã được nâng từ mức “Khá tích cực” ở thời điểm trước thực nghiệm lên mức “Rất tích cực” ở thời điểm sau thực nghiệm với chênh lệch 0,70. Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trước và sau thực nghiệm.

Sự khác biệt sau thực nghiệm được nhận thấy ở hầu hết các biểu hiện tiêu cực. Ở mặt thái độ đối với bản thân, mức chênh lệch về trị số trung bình cũng rất cao, lần lượt là 0,89 và 0,85 ở biểu hiện “Dễ dãi đối với bản thân” và “Có tính phụ thuộc, dựa dẫm người khác”. Theo đó, cải thiện được mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của lớp học, nâng từ mức “Khá tiêu cực” lên mức “Trung tính”. Điều này cũng tương đồng với biểu hiện “Dựa dẫm người khác” ở khía cạnh thái độ đối với học tập có trị số trung bình được nâng từ 2,57 lên 3,25 (chênh lệch 0,68). Biểu hiện “Chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái” có mức “Trung tính” ở thời điểm trước thực nghiệm với trị số trung bình là 2,64 đã được nâng lên mức “Khá tích cực” với trị số trung bình là 3,54 (chênh lệch khá cao 0,90). Kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cũng cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê trước và sau thực nghiệm.

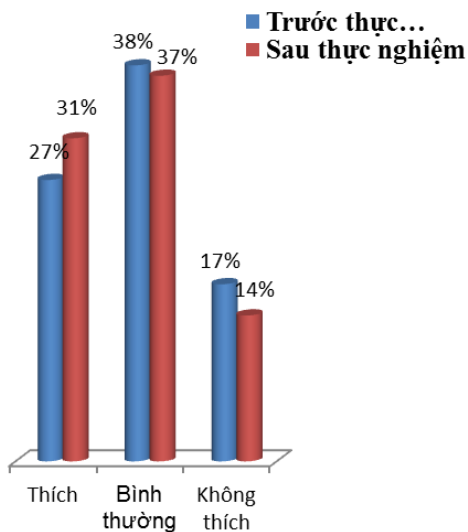
3.3.4. Kết quả thực nghiệm bằng các phương pháp khác

- Với phương pháp trắc đạt xã hội: Sau khi tiến hành điều tra bằng phương pháp trắc đạt xã hội thông qua việc phát phiếu thăm dò thái độ, các thành viên trong lớp học đã xác định được những người mà họ lựa chọn từ mức không thích đến thích, qua đó thể hiện mức độ thiện cảm với nhau. Cụ thể như sau:

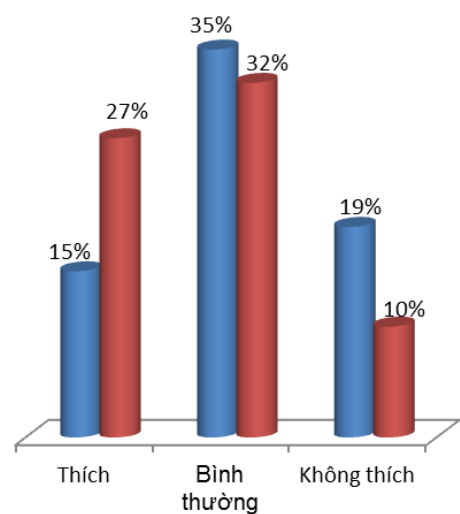
Bảng 3.4. So sánh số người được yêu thích trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

| Mức độ | Nhóm đối chứng | | | | Nhóm thực nghiệm | | | |
|-------------|-------------------|------------|-----------------|------------|-------------------|------------|-----------------|------------|
| | Trước thực nghiệm | | Sau thực nghiệm | | Trước thực nghiệm | | Sau thực nghiệm | |
| | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % | Tần số | % |
| Thích | 27 | 32,9 | 31 | 37,8 | 15 | 21,7 | 27 | 39,1 |
| Bình thường | 38 | 46,3 | 37 | 45,1 | 35 | 50,7 | 32 | 46,5 |
| Không thích | 17 | 20,8 | 14 | 17,1 | 19 | 27,6 | 10 | 14,4 |
| Tổng | 82 | 100 | 82 | 100 | 69 | 100 | 69 | 100 |

Nhìn bảng 3.4, có thể nhận thấy dấu hiệu tích cực trong lựa chọn số người yêu thích của nhóm thực nghiệm. Tỷ lệ số người chiếm được cảm tình nhiều nhất đã tăng từ 21,7% lên 39,1% (tăng 17,4%). Kết quả này cho thấy có sự cải thiện trong thái độ của các sinh viên với nhau. Ngoài ra, tỷ lệ những người bị lựa chọn “không thích” lại giảm từ 27,6% trước thực nghiệm xuống còn 14,4% sau thực nghiệm (giảm 13,2%). Tỷ lệ số lượng người được đánh giá ở mức bình thường không thay đổi nhiều. So sánh với nhóm đối chứng, kết quả ở nhóm đối chứng không có sự thay đổi lớn. Tỷ lệ người được yêu thích - bình thường - không được thích có thay đổi về con số nhưng không đáng kể (Xem biểu đồ 3.3 và 3.4)



Biểu đồ 3.3. So sánh số người được yêu thích trong nhóm đối chứng trước và sau thực nghiệm



Biểu đồ 3.4. So sánh số người được yêu thích trong nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Như vậy, có thể khẳng định thái độ với nhau của nhóm thực nghiệm sau thực nghiệm có sự thay đổi theo chiều hướng tích cực. Điều này chứng minh thêm tính hiệu quả của các biện pháp tác động.

- Với phương pháp điều tra mối quan hệ liên nhân cách: Sau khi thực hiện phương pháp điều tra mối quan hệ liên nhân cách thông qua việc phát phiếu chọn người cộng tác, các thành viên trong lớp học đã xác định được những người mà họ lựa chọn hợp tác, qua đó thể hiện mức độ thiện cảm, hòa hợp và tin tưởng lẫn nhau. Cụ thể như sau:

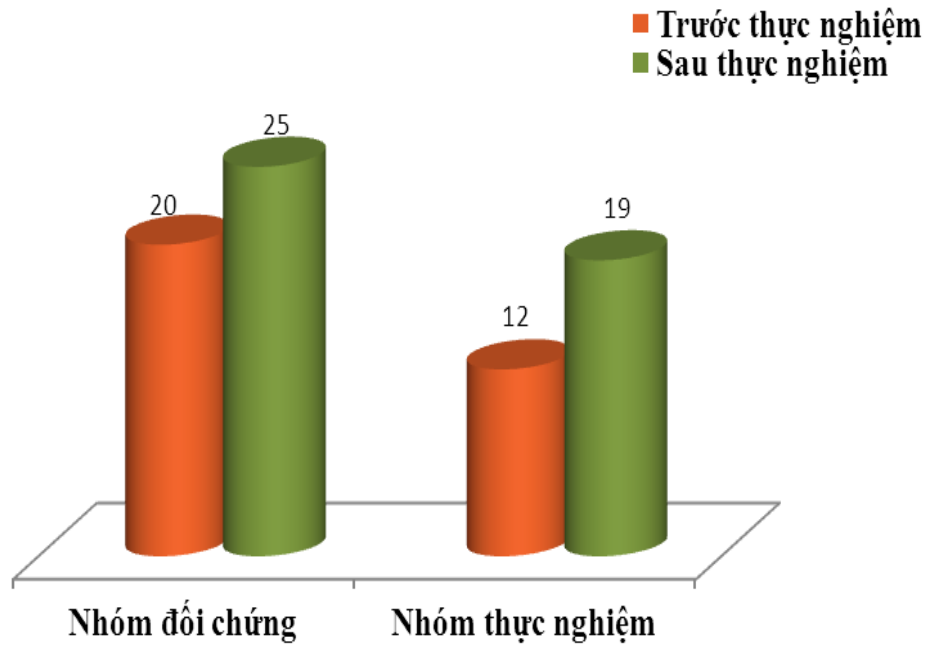
Bảng 3.5. So sánh số người được lựa chọn cộng tác trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

| Các nhóm | Trước thực nghiệm | | Sau thực nghiệm | | Chênh lệch | |
|------------------|-------------------|------|-----------------|------|------------|------|
| | Tần số | %* | Tần số | %* | Tần số | % |
| Nhóm đối chứng | 20 | 24,3 | 25 | 30,4 | 5 | 6,1 |
| Nhóm thực nghiệm | 12 | 17,3 | 19 | 27,5 | 7 | 10,2 |

() So với tổng số thành viên của mỗi nhóm*

Ở nhóm thực nghiệm, tỉ lệ người được chọn là có thể hợp tác tốt trước thực nghiệm là 17,3% (tương đương với 12 người). Sau khi thực nghiệm, tỉ lệ này tăng lên 27,5% (tương đương với 19 người) . Mức chênh lệch là 10,2%. Tuy tỉ lệ này không quá cao nhưng có thể khẳng định rằng đã có sự cải thiện trong thái độ hợp tác giữa các thành viên trong lớp với nhau.

So sánh với nhóm đối chứng ở thời điểm trước và sau thực nghiệm, chúng ta có thể thấy, tỉ lệ lựa chọn người hợp tác của các thành viên trong lớp này cũng có tăng từ 24,3% (tương đương với 20 người) lên 30,4% (tương đương với 25 người) với mức chênh lệch là 6,1%, thấp hơn tỉ lệ chênh lệch của nhóm thực nghiệm. Nếu so sánh theo chiều ngang, tỉ lệ lựa chọn hợp tác của nhóm thực nghiệm trước thực nghiệm thấp hơn so với tỉ lệ lựa chọn hợp tác của nhóm đối chứng trước thực nghiệm (mức chênh lệch là 7%). Sau thực nghiệm, mức chênh lệch chỉ còn 3%.



Biểu đồ 3.5. So sánh số người được lựa chọn cộng tác trong nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm trước và sau thực nghiệm

Như vậy, từ những kết luận, chúng ta có thể khẳng định: bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm đã có sự thay đổi tích cực ở khía cạnh thái độ hợp tác lẫn nhau giữa các thành viên trong lớp. Theo đó, chứng minh được các biện pháp tác động được đề xuất là có hiệu quả.

TIỂU KẾT

Qua thời gian thực nghiệm một số biện pháp tác động nhằm cải thiện mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của lớp học, có thể rút ra tiểu kết sau:

Để cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học, có thể tiến hành các biện pháp như: Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện mình cũng như tăng cường tương tác tích cực giữa các thành viên trong lớp; Áp dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả; Đa dạng hóa hình thức học tập của sinh viên.

Các biện pháp tác động trong thực nghiệm đến các mặt thái độ như thái độ đối với nhau, thái độ đối với bản thân, thái độ đối với giảng viên, thái độ đối với học tập là có hiệu quả. Kết quả thử nghiệm đã cho thấy mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của lớp học được nâng lên.

Kết quả tích cực nhất là biểu hiện thái độ của nhóm thực nghiệm đối với học tập. Từ mức xếp loại “Trung tính” trước thực nghiệm với trị số trung bình là 3,12 đã nâng lên mức “Khá tích cực” với trị số trung bình cao hẳn là 3,96. Đây cũng là điểm chênh lệch cao nhất trong các mặt (0,84). Biện pháp “Áp dụng các phương pháp giảng dạy hiệu quả” cũng đã cho thấy hiệu quả của nó trong việc cải thiện thái độ đối với giảng viên. Biện pháp “Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt lớp, tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện mình cũng như tăng cường tương tác tích cực giữa các thành viên trong lớp” cũng đã cải thiện thái độ đối với bản thân và thái độ giữa các thành viên với nhau. Trước thực nghiệm, thái độ đối với bản thân ở mức “Trung tính”. Sau thực nghiệm, mức độ này nâng lên thành “Khá tích cực”. So sánh hai trị số trung bình, ta thấy điểm chênh lệch là 0,75 cũng khá cao. Các kết quả kiểm nghiệm với $F < 0,01$ cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở mặt thái độ đối với bản thân, thái độ đối với học tập trước và sau thực nghiệm.

Như vậy, bầu không khí tâm lý của nhóm thực nghiệm đã được cải thiện từ mức “Trung tính” trước thực nghiệm thành “Khá tích cực” sau thực nghiệm. Theo đó, việc sử dụng các biện pháp tác động để cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND là hoàn toàn có cơ sở cả về lý luận và thực tiễn.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. KẾT LUẬN

Việc tìm hiểu và đánh giá thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND có ý nghĩa rất quan trọng, ảnh hưởng đến kết quả hoạt động chung của lớp cũng như chất lượng hoạt động đào tạo của trường. Qua nghiên cứu lý luận và thực tiễn, người nghiên cứu rút ra một số kết luận sau:

1.1. Bầu không khí tâm lý của lớp học là trạng thái tâm lý chủ đạo của lớp học, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các thành viên trong tập thể và được biểu hiện qua thái độ của các thành viên đối với nhau, thái độ với lao động của tập thể và thái độ đối với bản thân của từng thành viên. Qua đó có thể hiểu bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND là trạng thái tâm lý chủ đạo, phản ánh tính chất mối quan hệ qua lại giữa các sinh viên Đại học ANND trong lớp học và được biểu thị qua thái độ của các thành viên đối với nhau, thái độ đối với bản thân của từng thành viên, thái độ với hoạt động và rèn luyện để trở thành những sỹ quan An ninh. Bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND gắn liền với những đặc trưng của bầu không khí tâm lý của lớp học nói chung, bên cạnh đó cũng phản ánh những đặc trưng riêng, gắn liền với hoạt động học tập, rèn luyện của sinh viên trong trường Công an nói chung. Trên cơ sở làm rõ khái niệm về bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND, đề tài còn chỉ ra những vấn đề lý luận về cấu trúc của bầu không khí tâm lý của lớp học, quá trình hình thành, các tiêu chí đánh giá cũng như nhận diện các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển của bầu không khí của lớp học.

1.2. Kết quả nghiên cứu thực trạng bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND cho thấy bầu không khí tâm lý của mỗi lớp học có những nét đặc trưng riêng, biểu hiện bằng những đặc điểm tích cực và chưa tích cực trong các khía cạnh về thái độ đối với các sinh viên khác, thái độ đối với giảng viên, thái độ đối với bản thân sinh viên, thái độ đối với nhiệm vụ học tập và rèn luyện của lớp học đó. Giữa các mặt thái độ có sự tương quan với nhau, nhất là thái độ đối với bản thân sinh viên có sự

tương quan thuận với thái độ đối với nhau và thái độ đối với nhiệm vụ. Cụ thể là: Bầu không khí tâm lý của lớp D19C có nhiều biểu hiện tích cực. Mặc dù ở mặt thái độ đối với nhiệm vụ có mức trung tính nhưng với kết quả ở các mặt thái độ đối với nhau và thái độ đối với bản thân khá tích cực nên kết quả biểu hiện chung là khá tích cực. Bầu không khí tâm lý của lớp D20B1 có biểu hiện chung là trung tính. Lớp có thái độ đối với bản thân khá tích cực nhưng thái độ đối với nhau và thái độ đối với nhiệm vụ chỉ trung bình. Bầu không khí tâm lý của lớp D20D biểu hiện ở mức độ trung tính. Lớp có thái độ đối với nhau khá tích cực nhưng thái độ đối với nhiệm vụ và thái độ đối với bản thân chỉ trung bình. Bầu không khí tâm lý của lớp D21A2 tương đối tiêu cực. Lớp có thái độ đối với nhau khá tiêu cực, nhưng thái độ đối với nhiệm vụ và thái độ đối với bản thân ở mức trung tính. Đây là kết quả thấp nhất trong bốn lớp học được nghiên cứu.

Kết quả so sánh trên các chiều kích như giới tính, khóa học, thành phần sinh viên cho thấy không có sự khác biệt khi đánh giá về bầu không khí tâm lý của lớp học. Riêng kiểm nghiệm sự khác biệt giữa hai nhóm có học lực Giỏi - Xuất sắc và TB - TB Khá đánh giá về bầu không khí tâm lý thì có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $F < 0,05$.

1.3. Kết quả nghiên cứu bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND cho thấy có bảy yếu tố tác động thuộc nhóm yếu tố bên trong và nhóm yếu tố bên ngoài. Kết quả nghiên cứu cho thấy nhóm yếu tố bên trong (với các yếu tố đặc điểm của giảng viên đứng lớp, sự tương hợp về tâm lý giữa các thành viên và đặc điểm hoạt động học tập, rèn luyện, giao tiếp) có hệ số tương quan cao hơn nhóm yếu tố bên ngoài (với các yếu tố đặc điểm hoạt động giảng dạy và giáo dục, tính chất của các quan hệ xã hội trong nhà trường, điều kiện học tập và rèn luyện). Nhóm yếu tố bên trong có ảnh hưởng mang tính quyết định hơn so với nhóm yếu tố bên ngoài.

1.4. Để cải thiện mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học ANND, cần áp dụng những biện pháp tác động phù hợp và hiệu quả. Có thể áp dụng một số biện pháp sau: Đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt

lớp, tạo điều kiện cho sinh viên thể hiện mình cũng như tăng cường tương tác tích cực giữa các thành viên trong lớp; Áp dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả; Đa dạng hóa hình thức học tập của sinh viên. Kết quả thực nghiệm cũng đã chứng minh những biện pháp tác động đã áp dụng là có hiệu quả đối với nhóm thực nghiệm theo mô hình thực nghiệm đã xác lập.

2. KIẾN NGHỊ

2.1. Đối với Ban giám hiệu

- Quan tâm chỉ đạo các hoạt động hướng tới xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học, nhất là trong công tác thi đua khen thưởng cần kịp thời biểu dương những lớp học có những thành viên luôn đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau hăng hái thi đua lập thành tích cao trong học tập và rèn luyện.

- Quan tâm hỗ trợ về kinh phí, thời gian để khuyến khích các lớp tổ chức nhiều hình thức hoạt động hiệu quả, theo đó, tác động đến sự hình thành và phát triển bầu không khí tâm lý tích cực của lớp mình.

- Đầu tư trang thiết bị dạy học, cải thiện cơ sở vật chất.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên phát huy năng lực chuyên môn và năng lực sư phạm: nhân rộng điển hình, biểu dương, khen thưởng, hỗ trợ học tập, nâng cao trình độ...

- Đẩy mạnh các hoạt động thi đua nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học trong nhà trường.

2.2. Đối với các Phòng ban, Trung tâm

- Tạo điều kiện về mọi mặt khi lớp liên hệ công tác, có thái độ niềm nở, gần gũi khi giao tiếp với sinh viên.

- Tham mưu đề xuất các phong trào thi đua (nội dung, hình thức) giữa các lớp.

- Cán bộ quản lý sinh viên cần quan tâm sâu sát đến từng thành viên trong lớp, có sự lựa chọn và phân công công việc hợp lý cho các thành viên trong lớp; Tạo điều kiện hỗ trợ tối đa để Ban chỉ huy lớp, Ban cán sự học tập, cán bộ Đoàn – Hội hoàn thành nhiệm vụ; Thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho sinh viên, giáo dục ý thức học tập và rèn luyện, mở rộng dân chủ đi đôi với duy trì

ngghiêm kỷ luật, nội quy, quy định, điều lệnh; Biết lắng nghe ý kiến phản hồi từ phía sinh viên; Ngăn ngừa và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh; Tích cực xây dựng mối quan hệ tốt với giảng viên và các Phòng ban; Đảm bảo công bằng, khách quan trong đánh giá công việc đã giao cho lớp; Thường xuyên học tập, tích lũy tri thức về công tác chuyên môn để nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động quản lý giáo dục sinh viên.

- Tổ chức cho sinh viên nghe báo cáo chuyên đề về xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học.

2.3. Đối với các Khoa, Bộ môn

- Khuyến khích giảng viên sử dụng các phương pháp giảng dạy tích cực, phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên, tăng cường cập nhật kiến thức thực tiễn.

- Tổ chức dự giờ, rút kinh nghiệm trong tổ chức hoạt động giảng dạy và giáo dục.

- Giảng viên có ý thức lồng ghép nội dung bài học với vấn đề giáo dục thái độ tích cực cho sinh viên trong việc xây dựng những mối quan hệ tốt đẹp tại trường, giáo dục lòng yêu nghề và nhiệt huyết cống hiến cho sinh viên; gương mẫu, nghiêm túc trong công việc.

- Gần gũi, chia sẻ với sinh viên, biết lắng nghe ý kiến phản hồi từ phía sinh viên, đảm bảo tính công bằng và khách quan trong đánh giá kết quả học tập.

2.4. Đối với các tổ chức đoàn thể

- Xây dựng các chương trình hoạt động nhằm mục đích củng cố và nâng cao mức độ tích cực của bầu không khí tâm lý của các lớp học.

- Tạo nhiều sân chơi, nhiều mô hình hoạt động giúp sinh viên có môi trường hoạt động cùng nhau, qua đó nâng cao tinh thần đoàn kết, hợp tác, cùng nhau xây dựng mối quan hệ đồng chí đồng đội tốt đẹp.

2.5. Đối với Ban chỉ huy lớp, Ban cán sự học tập, cán bộ Đoàn - Đảng

- Quan tâm, gần gũi, chia sẻ và đồng cảm với các thành viên trong lớp.

- Lựa chọn và phân công công việc phù hợp với từng thành viên, đảm bảo khách quan và công bằng.

- Làm tốt công tác tham mưu cho giáo viên chủ nhiệm trong việc quản lý lớp, trong việc đề ra các chương trình hoạt động, ngăn ngừa và giải quyết kịp thời những vướng mắc hay mâu thuẫn nảy sinh trong lớp.

- Ý thức rõ trách nhiệm của người lãnh đạo trong lớp, củng cố và nâng cao uy tín của mình bằng những chương trình hành động, việc làm cụ thể đáp ứng được nhu cầu nguyện vọng của các thành viên trong lớp.

- Tích cực, sáng tạo trong việc tổ chức hoạt động sinh hoạt lớp, các hoạt động giải trí, giao lưu trong lớp, với lớp bạn và kết nghĩa với các đơn vị nghiệp vụ ở địa phương.

2.6. Đối với sinh viên

- Chủ động, tích cực trong việc xây dựng các mối quan hệ trong nhà trường, nhất là nêu cao ý thức tạo dựng mối quan hệ đồng chí đồng đội tốt đẹp.

- Phát huy tinh thần tập thể, đoàn kết, cùng hợp tác hướng tới xây dựng môi trường học tập và rèn luyện tích cực, thân thiện.

- Nỗ lực phấn đấu trong học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học để khẳng định bản thân, đồng thời góp phần vào thành tích chung của lớp.

- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng kiềm chế cảm xúc.

- Gần gũi, chia sẻ với giảng viên những khó khăn, vướng mắc trong nội dung và phương pháp học tập cũng như những vấn đề nảy sinh trong sinh hoạt tại trường.

- Tích cực đóng góp xây dựng bài trên lớp, năng động, nhiệt tình trong những công việc được giao.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. A. G. Côvaliôp (1976), *Tâm lý học xã hội*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Lê Tuyết Ánh, Nguyễn Thanh Hằng (2000), *Tâm lý học xã hội*, Tủ sách Đại học Tổng hợp.
3. C. Mác (1846), “Luận cương về Phoi-ơ-bắc”, *C. Mác và Ăngghen Toàn tập*, (3), NXB Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội.
4. Hoàng Đình Châu (2000), “Xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của tập thể khoa giáo viên trong các trường đào tạo sĩ quan”, *Tạp chí Nhà trường quân đội*, (6), tr.19-22.
5. Nguyễn Đình Chinh, Phạm Ngọc Uyên (1998), *Tâm lý học xã hội*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
6. Chung Vĩnh Cao (1998), *Tìm hiểu ảnh hưởng của phong cách lãnh đạo của hiệu trưởng đối với bầu không khí tâm lý tập thể sư phạm một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
7. Thái Trí Dũng (2004), *Tâm lý học quản trị và kinh doanh*, NXB Thống kê.
8. Vũ Dũng (1995), *Tâm lý học xã hội và quản lý*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Vũ Dũng (2000), *Tâm lý học xã hội*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
10. Vũ Dũng (2008), *Từ điển Tâm lý học*, NXB Từ điển bách khoa, Hà Nội.
11. Nguyễn Bá Dương (1999), *Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
12. Đảng cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, NXB Chính trị quốc gia - Sự thật.

13. E.X. Cudomin và J.P. Vônôp (1978), *Người lãnh đạo và tập thể*, NXB Sự thật, Hà Nội.
14. Gustave Le Bon (2008), *Tâm lý học đám đông*, NXB Tri thức.
15. Phạm Mạnh Hà (2001), “Bầu không khí tâm lý xã hội và vai trò của nó đối với năng suất lao động trong tập thể sản xuất”, *Tạp chí Tâm lý học*, (5), tr.44-48.
16. Phạm Mạnh Hà (2003), *Tìm hiểu bầu không khí tâm lý tập thể và chiều hướng ảnh hưởng của nó đến năng suất lao động tại Công ty cổ phần Nam Thăng*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
17. Lê Thu Hà (2002), *Bầu không khí tâm lý và quan hệ của nó với kiểu loại nhân cách trong các nhóm lao động khác nhau*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục Hà Nội.
18. Nguyễn Minh Hải (2004), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong tập thể giáo viên trung học phổ thông tại thành phố Hạ Long – Quảng Ninh*, Khóa luận tốt nghiệp, Đại học KHXH&NV, ĐHQG Hà Nội.
19. Phạm Thị Tiết Hạnh (2000), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể giáo viên trong một số trường mầm non tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
20. Lê Thị Hân (1984), *Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên và vai trò của đội ngũ cán bộ lãnh đạo trong việc xây dựng bầu không khí tâm lý*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
21. Nguyễn Thị Thu Hiền (1999), *Mối quan hệ giữa uy tín của hiệu trưởng với bầu không khí tâm lý của tập thể sư phạm ở một số trường tiểu học tại thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
22. Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Thống kê.

23. Trần Hiệp (1997), *Tâm lý học xã hội - Những vấn đề lý luận*, NXB Khoa học xã hội.
24. Nguyễn Hoàng Khắc Hiếu (2010), *Bầu không khí tâm lý một số lớp học tại trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh và biện pháp cải thiện*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, ĐH Sư phạm TPHCM.
25. Trần Đức Hội (1985), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể ở sinh viên Trường cao đẳng sư phạm Ninh Bình*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
26. Lê Văn Hồng (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và Tâm lý học sư phạm*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
27. Nguyễn Thị Huệ (2005), “Bầu không khí tâm lý tập thể và vai trò của nó đối với sự phát triển nhân cách học sinh THCS”, Tạp chí Tâm lý học, (2), tr.22-25.
28. Bùi Văn Huệ (1991), “Một số khía cạnh tâm lý xã hội của giáo dục”, *Tâm lý học xã hội - Những lĩnh vực ứng dụng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
29. Bùi Văn Huệ, Đỗ Mộng Tuấn, Nguyễn Ngọc Bích (1995), *Tâm lý học xã hội*, NXB Hà Nội.
30. Đỗ Thị Hương (1983), *Bầu không khí tâm lý tập thể sinh viên sư phạm mẫu giáo và ảnh hưởng của nó tới tâm trạng cá nhân*, Luận văn Sau đại học, Đại học Sư phạm, Hà Nội.
31. I.X.Côn (1987), *Tâm lý học thanh niên*, NXB Trẻ TpHCM.
32. Nguyễn Công Khanh (2004), *Đánh giá và đo lường trong khoa học xã hội*, NXB Chính trị quốc gia.
33. Nguyễn Hải Khoát (1981), *Những cơ sở Tâm lý học trong công tác của người lãnh đạo*, Hà Nội.

34. Nguyễn Hải Khoát (1996), *Những khía cạnh tâm lý của công tác cán bộ*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
35. Mai Hữu Khuê (1985), *Những khía cạnh tâm lý của quản lý*, NXB Lao động, Hà Nội.
36. Mai Hữu Khuê (1994), *Tâm lý học trong quản lý nhà nước*, NXB Lao động, Hà Nội.
37. Đặng Phương Kiệt (2001), *Cơ sở tâm lý học ứng dụng*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.
38. Nguyễn Ngọc Kỳ (1996), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể ở học viên trường sỹ quan tăng thiết giáp*, Luận văn Thạc sỹ Tâm lý học, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
39. Lê Ngọc Lan (2000), “Bầu không khí tâm lý gia đình và việc giáo dục trẻ em”, *Tạp chí nghiên cứu giáo dục*, (346), tr.4-11.
40. Hoàng Mộc Lan (2005), *Tâm lý con người trong hoạt động quản lý*, Hà Nội.
41. Hoàng Linh (1998), *Tâm lý học quân sự*, NXB Quân đội nhân dân.
42. Đỗ Long (1991), *Tâm lý học xã hội - Những lĩnh vực ứng dụng*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
43. Trần Đức Long (2004), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tích cực trong tập thể học viên các trường đào tạo sỹ quan quân đội*, Luận văn Tiến sỹ Tâm lý học, Hà Nội.
44. Nguyễn Đức Lợi, Nguyễn Xuân Lam (2009), *Tâm lý học quản trị kinh doanh*, NXB Tài chính.
45. Phan Thị Kim Ngân (1997), *Tâm lý học quản lý*, Đại học Luật, Đại học quốc gia TP HCM.
46. Nguyễn Thị Bạch Ngọc (2010), *Thực trạng phong cách quản lý của hiệu trưởng ảnh hưởng lên bầu không khí tâm lý trong các trường trung học*

phổ thông tại thành phố Cần Thơ, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học Sư phạm TP HCM.

47. Nicky Hayes (2005), *Nền tảng Tâm lý học*, NXB Lao động.
48. Đào Thị Oanh (1996), *Tâm lý học xã hội*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
49. Đoàn Huy Oánh (2005), *Tâm lý Sư phạm*, NXB Đại học quốc gia Tp HCM.
50. Bùi Ngọc Oánh (1992), *Tâm lý học trong xã hội và quản lý*, Khoa Quản trị kinh doanh, Viện đào tạo mở rộng.
51. Nguyễn Ngọc Phú (1997), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về kỹ luật quân sự*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
52. Nguyễn Ngọc Phú (2000), *Một số vấn đề Tâm lý học quân sự trong xây dựng quân đội*, NXB Quân đội nhân dân, Hà Nội.
53. Vũ Thị Phượng (2000), *Tâm lý học*, Đại học Kinh tế TP HCM.
54. Roberts Feldman (2004), *Tâm lý học căn bản*, NXB Văn hóa thông tin.
55. Nguyễn Thơ Sinh (2008), *Tâm lý xã hội học*, NXB Lao động.
56. Hà Nhật Thăng (1991), *Giáo dục hệ thống giá trị đạo đức nhân văn*, NXB Giáo dục.
57. Vũ Đình Thắng (2002), *Nghiên cứu không khí tâm lý tập thể biên tập viên Nhà xuất bản chính trị quốc gia*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Hà Nội.
58. Nguyễn Hữu Thụ (2007), “Nghiên cứu bầu không khí tâm lý trong một số doanh nghiệp dệt may trên địa bàn Hà Nội”, *Tạp chí Tâm lý học*, (11), tr.1-5.
59. Nguyễn Xuân Thúc (2007), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm.

60. Trần Trọng Thủy (1976), *Tâm lý học quản lý*, Viện khoa học giáo dục, Hà Nội.
61. Trần Trọng Thủy (1990), *Bài tập thực hành Tâm lý học*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
62. Trần Trọng Thủy (1992), *Khoa học chẩn đoán tâm lý*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
63. Trần Trọng Thủy (1996), *Tâm lý học lao động*, Viện Khoa học giáo dục, Hà Nội.
64. Dương Thiệu Tống (2005), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục và tâm lý*, NXB Khoa học xã hội.
65. Trần Thị Bích Trà - Nguyễn Thị Phương Hoa (2007), “Thực trạng không khí tâm lý lớp học của học sinh THCS Hà Nội”, *Tạp chí Tâm lý học*, (1), tr.48-55.
66. Nguyễn Văn Tuấn (2001), *Vấn đề xung đột tâm lý liên nhân cách trong tập thể quân nhân ở đơn vị cơ sở*, Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Học viện Chính trị quân sự.
67. Nguyễn Thị Hải Vân (2006), *Nghiên cứu bầu không khí tâm lý tập thể học viên trường Đại học Phòng cháy chữa cháy*, Luận văn Thạc sĩ Tâm lý học, Đại học KHXH&NV, Đại học quốc gia Hà Nội.
68. Nguyễn Khắc Viện (1991), *Từ điển Tâm lý*, NXB Ngoại văn Trung tâm nghiên cứu Tâm lý trẻ em, Hà Nội.
69. V. L. Mikheev (1979), *Những vấn đề xã hội trong quản lý*, NXB Lao động, Hà Nội.
70. V. M. Sêpel (1985), *Tâm lý học trong quản lý sản xuất*, NXB Lao động, Hà Nội.
71. V. M. Sêpel (1969), *Những vấn đề Tâm lý học lao động*, NXB Matxcova.

72. Nguyễn Đình Xuân, Vũ Đức Đán (1994), *Giáo trình Tâm lý học quản lý*, Trường Đại học Tổng hợp, Hà Nội.
73. Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam (1983), *Một số vấn đề tâm lý trong quản lý sản xuất*, Viện thông tin khoa học xã hội.
74. Vũ Duy Yên (2009), *Tâm lý học quản lý*, NXB Lao động, Hà Nội.
75. Nguyễn Như Ý (1999), *Đại từ điển Tiếng Việt*, NXB Văn hóa Thông tin.

Tiếng Anh

76. B.E. Colins, B.H. Raven (1992), *Group structure: Attraction, coalitions communication and power*, The handbook of Social Psychology.
77. D. Katz and R. Kahn (1966), *The social psychology of organizations*, NY.
78. E.E. Lawer, D.T. Hall, G.R.Oldham (1974), *Relationship to organizational structure, process and performance*, Org. Behav. and Hum, Perfor.
79. E.H. Chein (1995), *Organizational Psychology*.
80. G. Forehand, B. Gilmore (1975), *Environmental Variation in studies of organization behavior*, Psychology, Bull.
81. G. Forehand (2001), *Organization behavior*, Bull.
82. J. P. Chaplin (2006), *Dictionary of Psychology*, NY.
83. L. James and A. Jones (1974), *Organizational Climate: A review of theory and research*, Psychology, Bull.
84. L.J. Severy, J.C. Brigham, R. Schlenker (1976), *A contemporary introduction to social Psychology*, NY.
85. Morris E. Eson (1992), *Psychological foundations of education*, Victoria.
86. R. Likert (1961), *New patterns of management*, NY.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1

PHIẾU KHẢO SÁT

Các đồng chí thân mến!

Nhằm thu thập thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu bầu không khí tâm lý của lớp học tại trường Đại học An ninh nhân dân, đồng chí vui lòng cho biết ý kiến của riêng mình bằng cách đánh dấu X vào ô tương ứng trong các câu hỏi dưới đây. Những ý kiến của đồng chí sẽ góp phần quan trọng cho sự thành công của nghiên cứu này.

Rất mong nhận được sự cộng tác tích cực của đồng chí!

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

| | | | | |
|--------------------------|--|--|--|--------------------------------|
| 1. Giới tính: | <input type="checkbox"/> Nam | <input type="checkbox"/> Nữ | | |
| 2. Khóa: | <input type="checkbox"/> D19C | <input type="checkbox"/> D20B1 | <input type="checkbox"/> D20D | <input type="checkbox"/> D21A2 |
| 3. Chuyên ngành: | <input type="checkbox"/> ANĐT | <input type="checkbox"/> TSCPĐ | <input type="checkbox"/> TSCGD | <input type="checkbox"/> BVNB |
| 4. Thuộc diện: | <input type="checkbox"/> Cán bộ đi học | <input type="checkbox"/> Học sinh phổ thông | | |
| 5. Tham gia Đảng – Đoàn: | <input type="checkbox"/> Đoàn viên | <input type="checkbox"/> Đảng viên | | |
| 6. Bàn thân là: | <input type="checkbox"/> Cán bộ lớp | <input type="checkbox"/> Cán bộ Chỉ đoàn – Đoàn trưởng – Hội | <input type="checkbox"/> Ban chủ nhiệm các CLB | |

B. CÂU HỎI KHẢO SÁT

Câu 1: Hãy cho biết mức độ quan tâm của đồng chí về việc xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học?

- 1. Hoàn toàn không quan tâm
- 2. Không quan tâm
- 3. Bình thường
- 4. Quan tâm
- 5. Rất quan tâm

Câu 2: Theo đồng chí, bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học sẽ ảnh hưởng như thế nào đến mỗi thành viên trong lớp?

- 1. Không ảnh hưởng
- 2. Ảnh hưởng không đáng kể
- 3. Có ảnh hưởng
- 4. Ảnh hưởng nhiều
- 5. Rất ảnh hưởng, thậm chí có tính chất quyết định

Câu 3: Đánh giá của đồng chí về thái độ của các thành viên trong lớp đối với nhau? (Đánh dấu X vào ô có mức độ tương ứng từ 1 đến 5, với mức tốt nhất là mức 5, mức trung bình là mức 3 và mức xấu nhất là mức 1)

| STT | Biểu hiện tích cực | Mức độ | | | | | Biểu hiện tiêu cực |
|-----|---|--------|---|---|---|---|--|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 | |
| 1 | Thân mật, hữu nghị | | | | | | Thù hằn |
| 2 | Quan tâm đến nhau | | | | | | Không quan tâm, thờ ơ, hời hợt |
| 3 | Hòa thuận, nhường nhịn nhau | | | | | | Bất hòa, xung khắc |
| 4 | Yêu cầu cao lẫn nhau | | | | | | Để dãi với nhau |
| 5 | Tôn trọng lẫn nhau | | | | | | Xem thường người khác |
| 6 | Thông cảm với nhau | | | | | | Không thông cảm cho nhau |
| 7 | Trung thực với nhau | | | | | | Gian dối |
| 8 | Hấp dẫn nhau | | | | | | Không hấp dẫn nhau |
| 9 | Thi đua lành mạnh | | | | | | Ganh đua |
| 10 | Hài lòng về nhau | | | | | | Bất mãn về nhau |
| 11 | Hợp tác, giúp đỡ nhau | | | | | | Không muốn hợp tác, giúp đỡ nhau |
| 12 | Chân thành, thẳng thắn, cởi mở | | | | | | Giả tạo, không cởi mở, xã giao |
| 13 | Đề cao vai trò của các thành viên trong lớp | | | | | | Xem nhẹ vai trò của các thành viên trong lớp |
| 14 | Đoàn kết | | | | | | Mất đoàn kết |
| 15 | Tin tưởng nhau | | | | | | Mất lòng tin về nhau |
| 16 | Nêu cao tinh thần dân chủ, vì tập thể | | | | | | Độc đoán, bảo thủ, ích kỷ |
| 17 | Có tinh thần góp ý xây dựng cùng tiến bộ | | | | | | Có ý muốn hãm hại nhau |

Câu 4: Đồng chí hãy tự đánh giá mức độ hài lòng về mối quan hệ của mình với mọi người trong lớp?

1. Hoàn toàn không hài lòng
 2. Không hài lòng
 3. Bình thường
 4. Hài lòng
 5. Rất hài lòng

Câu 5: Đồng chí thấy bản thân mình và các thành viên trong lớp có hợp nhau về tính tình, lối sống không?

1. Hoàn toàn không hợp
 2. Ít hợp
 3. Bình thường
 4. Khá hợp
 5. Rất hợp

Câu 6: Đồng chí hãy tự đánh giá về bản thân mình khi ở trong lớp học? (Đánh dấu X vào ô có mức độ tương ứng từ 1 đến 5, với mức tốt nhất là mức 5, mức trung bình là mức 3 và mức xấu nhất là mức 1)

| STT | Biểu hiện tích cực | Mức độ | | | | | Biểu hiện tiêu cực |
|-----|---|--------|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 | |
| 1 | Thoải mái khi trình bày quan điểm, chính kiến | | | | | | Gò bó, sợ sai khi bày tỏ ý kiến cá nhân |
| 2 | Tinh thần cầu tiến | | | | | | An phận |
| 3 | Tự tin | | | | | | Nhút nhát |
| 4 | Tự trọng | | | | | | Không có lòng tự trọng |

| | | | | | | | | |
|----|--|--|--|--|--|--|--|---|
| 5 | Khiêm tốn | | | | | | | Kieu căng, kieu ngao |
| 6 | Biết dung hòa giữa cá nhân và tập thể | | | | | | | Không dung hòa giữa cá nhân và tập thể |
| 7 | Tự nguyện dung hòa giữa cá nhân và tập thể | | | | | | | Miễn cưỡng dung hòa giữa cá nhân và tập thể |
| 8 | Tôn trọng bản sắc cá nhân | | | | | | | Xem thường bản sắc riêng của mình trong tập thể |
| 9 | Yêu cầu cao đối với bản thân | | | | | | | Đề dãi đối với bản thân |
| 10 | Có tinh thần tự lập, không muốn phụ thuộc vào người khác | | | | | | | Có tính phụ thuộc, dựa dẫm vào người khác |

Câu 7: Đồng chí thấy bản thân mình và các thành viên trong lớp có hợp nhau về quan niệm, quan điểm, cách suy nghĩ và làm việc không?

1. Hoàn toàn không hợp
 2. Ít hợp
 3. Bình thường
 4. Khá hợp
 5. Rất hợp

Câu 8: Đồng chí hiểu biết về những thành viên trong lớp như thế nào?

1. Hoàn toàn không hiểu
 2. Ít hiểu
 3. Hiểu những nét cơ bản
 4. Hiểu khá rõ
 5. Hiểu rất rõ

Câu 9: Động cơ học tập của đồng chí là: (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

1. Hứng thú với nghề, tích lũy tri thức để bảo vệ Đảng, Tổ quốc, nhân dân
 2. Có việc làm sau khi học xong, không phải vất vả đi xin việc làm
 3. Có thu nhập ổn định
 4. Cảm thấy tự hào với nghề nghiệp cao quý, là người sỹ quan an ninh
 5. Được gia đình, bạn bè ngưỡng mộ
 6. Được bao cấp ăn ở sinh hoạt, có thêm sinh hoạt phí
 7. Bạn bè lôi kéo
 8. Gia đình bắt buộc, muốn gia đình vui lòng
 9. Động cơ khác (ghi rõ):
.....
.....

Câu 10: Kết quả xếp loại về học tập của đồng chí trong năm học trước:

1. Kém
 2. Yếu
 3. Trung bình – Trung bình khá
 4. Khá
 5. Giỏi – Xuất sắc

Câu 11: Lịch học trên lớp của đồng chí như thế nào?

1. Rất rối
 2. Khá rối
 3. Bình thường
 4. Khá dầy
 5. Rất dầy

Câu 12: Đánh giá về thái độ của lớp đồng chí đối với việc học tập? (Đánh dấu X vào ô có mức độ tương ứng từ 1 đến 5, với mức tốt nhất là mức 5, mức trung bình là mức 3 và mức xấu nhất là mức 1)

| STT | Biểu hiện tích cực | Mức độ | | | | | Biểu hiện tiêu cực |
|-----|--|--------|---|---|---|---|---|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 | |
| 1 | Coi trọng | | | | | | Xem thường |
| 2 | Có tinh thần tự lực | | | | | | Dựa dẫm vào người khác |
| 3 | Chủ động, tích cực | | | | | | Thụ động |
| 4 | Nỗ lực sáng tạo | | | | | | Không thích sáng tạo trong học tập, chấp nhận cái có sẵn |
| 5 | Trung thực trong học tập và thi cử | | | | | | Gian dối trong học tập và thi cử |
| 6 | Động cơ học tập tích cực | | | | | | Động cơ học tập tiêu cực |
| 7 | Hứng thú với phương pháp của giảng viên | | | | | | Không hứng thú với phương pháp của giảng viên |
| 8 | Hứng thú với việc lồng ghép bài học và hoạt động thực tế, ngoại khóa | | | | | | Buồn chán với việc lồng ghép bài học và hoạt động thực tế, ngoại khóa |
| 9 | Hứng thú với nội dung bài học | | | | | | Không hứng thú với nội dung bài học |
| 10 | Có tinh thần xây dựng nội dung bài học | | | | | | Phá bình trong lớp |
| 11 | Thoải mái trong học tập và thi cử | | | | | | Cảm thấy nặng nề trong học tập và thi cử |
| 12 | Có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ham hiểu biết | | | | | | Không có tinh thần cầu tiến, ham học hỏi, ham hiểu biết |
| 13 | Hài lòng về đánh giá của giảng viên, về kết quả thi cử | | | | | | Không hài lòng về đánh giá của giảng viên, về kết quả thi cử |
| 14 | Có thái độ phê phán, không chấp nhận cái sai, phân khoa học | | | | | | Dung túng, chấp nhận cái sai, phân khoa học |
| 15 | Hợp tác, chia sẻ hiểu biết lẫn nhau | | | | | | Giấu kiến thức, ích kỉ trong việc chia sẻ hiểu biết |
| 16 | Tin tưởng vào hoạt động đào tạo của nhà trường | | | | | | Mất tin tưởng vào hoạt động đào tạo của nhà trường |
| 17 | Nhất trí với các mục tiêu giảng dạy của giảng viên | | | | | | Bất đồng với các mục tiêu giảng dạy của giảng viên |

Câu 13: Bạn thấy mức độ thường xuyên tổ chức các hoạt động giáo dục, rèn luyện, phong trào cho sinh viên như thế nào?

1. Không bao giờ
 2. Ít khi
 3. thỉnh thoảng
 4. Thường xuyên
 5. Rất thường xuyên

Câu 14: Bạn đánh giá như thế nào về hiệu quả của các hoạt động đó?

1. Hoàn toàn không hiệu quả
 2. Ít hiệu quả
 3. Bình thường
 4. Hiệu quả
 5. Rất hiệu quả

Câu 15: Kết quả xếp loại về rèn luyện của đồng chí trong năm học trước:

- 1. Kém
- 2. Yếu
- 3. Trung bình – Trung bình khá
- 4. Khá
- 5. Tốt

Câu 16: Hãy tự đánh giá về mức độ thường xuyên tham gia các hoạt động rèn luyện, phong trào của bản thân?

- 1. Không bao giờ
- 2. Ít khi
- 3. Thỉnh thoảng
- 4. Thường xuyên
- 5. Rất thường xuyên

Câu 17: Nguyên nhân nào thúc đẩy đồng chí tham gia các hoạt động rèn luyện, phong trào? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- 1. Bị bắt buộc, bản thân không thích
- 2. Hứng thú với hoạt động phong trào, hoạt động xã hội
- 3. Mong muốn thể hiện bản thân, đóng góp cho phong trào chung
- 4. Nhận thức rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của sinh viên
- 5. Có lợi vì sẽ được xếp loại về rèn luyện tốt
- 6. Nguyên nhân khác (Ghi rõ):

Câu 18: Lớp của đồng chí có thái độ như thế nào đối với hoạt động rèn luyện, tham gia phong trào? (Đánh dấu X vào ô có mức độ tương ứng từ 1 đến 5, với mức tốt nhất là mức 5, mức trung bình là mức 3 và mức xấu nhất là mức 1)

| STT | Biểu hiện tích cực | Mức độ | | | | | Biểu hiện tiêu cực |
|-----|--|--------|---|---|---|---|--|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 | |
| 1 | Coi trọng | | | | | | Xem thường |
| 2 | Hứng thú với nội dung hoạt động | | | | | | Không hứng thú với nội dung hoạt động |
| 3 | Hứng thú với hình thức hoạt động | | | | | | Không hứng thú với hình thức hoạt động |
| 4 | Tự giác tham gia | | | | | | Miễn cưỡng tham gia |
| 5 | Thoải mái khi tham gia | | | | | | Nặng nề khi tham gia |
| 6 | Động cơ tham gia tích cực | | | | | | Động cơ tham gia tiêu cực |
| 7 | Thăng thản phê phán, đấu tranh với những hành vi sai trái | | | | | | Chấp nhận, dung túng những hành vi sai trái |
| 8 | Nhất trí với các mục tiêu rèn luyện | | | | | | Bất đồng với các mục tiêu rèn luyện |
| 9 | Hài lòng về kết quả đánh giá rèn luyện của tập thể | | | | | | Không hài lòng về kết quả đánh giá rèn luyện của tập thể |
| 10 | Tin tưởng vào năng lực đội ngũ tổ chức các hoạt động rèn luyện, phong trào | | | | | | Không tin tưởng vào năng lực đội ngũ tổ chức các hoạt động rèn luyện, phong trào |

Câu 19: Đánh giá của đồng chí về cơ sở vật chất (trang thiết bị phục vụ học tập, không gian...) của lớp học?

- 1. Hoàn toàn không đảm bảo về số lượng và chất lượng
- 2. Không đảm bảo về số lượng và chất lượng
- 3. Bình thường
- 4. Khá đầy đủ, khá tốt
- 5. Rất đầy đủ, chất lượng rất tốt

Câu 20: Đánh giá về điều kiện kinh tế hỗ trợ việc học và sinh hoạt hàng ngày của đồng chí?

- 1. Rất thiếu thốn
- 2. Thiếu thốn
- 3. Bình thường
- 4. Khá thoải mái
- 5. Rất thoải mái

Câu 21: Theo đồng chí, uy tín của đội ngũ cán bộ lớp ở mức nào sau đây?

- 1. Rất thấp
- 2. Khá thấp
- 3. Trung bình
- 4. Cao
- 5. Rất cao

Câu 22: Theo đồng chí, uy tín của đội ngũ cán bộ Đoàn – Đảng của lớp ở mức nào sau đây?

- 1. Rất thấp
- 2. Thấp
- 3. Trung bình
- 4. Cao
- 5. Rất cao

Câu 23: Đánh giá của đồng chí về thái độ của các thành viên trong lớp đối với giảng viên? (Đánh dấu X vào ô có mức độ tương ứng từ 1 đến 5, với mức tốt nhất là mức 5, mức trung bình là mức 3 và mức xấu nhất là mức 1)

| STT | Biểu hiện tích cực | Mức độ | | | | | Biểu hiện tiêu cực |
|-----|-------------------------------|--------|---|---|---|---|--------------------------------|
| | | 5 | 4 | 3 | 2 | 1 | |
| 1 | Tôn trọng | | | | | | Xem thường |
| 2 | Hài lòng | | | | | | Không hài lòng |
| 3 | Gần gũi, thân mật | | | | | | Không gần gũi, xa cách |
| 4 | Tin tưởng | | | | | | Mất niềm tin |
| 5 | Cởi mở | | | | | | Khép kín |
| 6 | Hợp tác | | | | | | Bất hợp tác |
| 7 | Yêu thích | | | | | | Chán ghét |
| 8 | Yêu cầu cao với giảng viên | | | | | | Không quan tâm, dễ dãi |
| 9 | Đề cao vai trò của giảng viên | | | | | | Xem nhẹ vai trò của giảng viên |
| 10 | Trung thực với giảng viên | | | | | | Gian dối với giảng viên |

Câu 24: Theo đồng chí, chất lượng bài giảng của giảng viên đứng lớp ở mức nào sau đây?

- 1. Rất thấp
- 2. Thấp
- 3. Trung bình
- 4. Cao
- 5. Rất cao

Câu 25: Đánh giá của đồng chí về năng lực của giảng viên đứng lớp?

- 1. Rất thấp
- 2. Thấp
- 3. Bình thường
- 4. Cao
- 5. Rất cao

Câu 26: Theo đồng chí, giảng viên thể hiện sự gương mẫu trước lớp như thế nào?

- 1. Không gương mẫu
- 2. Ít gương mẫu
- 3. Bình thường
- 4. Khá gương mẫu
- 5. Rất gương mẫu

Câu 27: Đánh giá của đồng chí về mức độ thường xuyên trong hoạt động, giao tiếp của Giảng viên và sinh viên?

- Về phía Giảng viên:

| Yếu tố | Không bao giờ | Ít khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Rất thường xuyên |
|---|---------------|--------|--------------|--------------|------------------|
| 1. Sử dụng những phương pháp giảng dạy tích cực | | | | | |
| 2. Sự gần gũi, chia sẻ với sinh viên | | | | | |

- Về phía sinh viên:

| Yếu tố | Không bao giờ | Ít khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Rất thường xuyên |
|--|---------------|--------|--------------|--------------|------------------|
| 1. Sự gần gũi, chia sẻ với Giảng viên | | | | | |
| 2. Giao tiếp, gần gũi với bạn bè trong lớp | | | | | |

Câu 28: Điều gì khiến đồng chí giao tiếp, chia sẻ với giảng viên? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- 1. Yêu thích giảng viên
- 2. Muốn được giúp đỡ trong học tập
- 3. Nhận thức rõ trách nhiệm của người học trong mối quan hệ tương tác Thầy - Trò
- 4. Xây dựng mối quan hệ Thầy - Trò, đồng chí đồng đội tốt đẹp
- 5. Chỉ là quan hệ xã giao
- 6. Cần người có kinh nghiệm để chia sẻ cho đỡ buồn khi học xa nhà
- 7. Yếu tố khác (Ghi rõ):

Câu 29: Điều gì khiến đồng chí trao đổi, chia sẻ với bạn bè trong lớp? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- 1. Phù hợp về tính tình, thói quen, quan điểm...
- 2. Cùng mục đích giúp đỡ nhau trong học tập
- 3. Nhận thức rõ nghĩa vụ, trách nhiệm của người đồng chí, đồng đội
- 4. Xây dựng mối quan hệ tốt đẹp
- 5. Chỉ là quan hệ xã giao
- 6. Có người chia sẻ cho đỡ buồn khi học xa nhà
- 7. Yếu tố khác (Ghi rõ):

Câu 30: Lớp đồng chí có thường xuyên tổ chức những hoạt động giao lưu để giúp các thành viên gần gũi nhau hơn như sinh hoạt lớp, cắm trại dã ngoại, mừng sinh nhật...?

- 1. Không bao giờ
- 2. Ít khi
- 3. Thỉnh thoảng
- 4. Thường xuyên
- 5. Rất thường xuyên

Câu 31: Đồng chí có nhớ ngày sinh nhật của các thành viên trong lớp không? (Khoảng bao nhiêu phần trăm?)

- 1. 0% - 20%
- 2. Trên 20%
- 3. Trên 40%
- 4. Trên 60%
- 5. Trên 80%

Câu 32: Phòng Quản lý học viên (trực tiếp là Thầy/Cô chủ nhiệm lớp) và Khoa đào tạo quan tâm đến lớp như thế nào?

| Yếu tố | Không bao giờ | Ít khi | Thỉnh thoảng | Thường xuyên | Rất thường xuyên |
|-----------------------------------|---------------|--------|--------------|--------------|------------------|
| 1. Phòng QLHV (Thầy/Cô chủ nhiệm) | | | | | |
| 2. Khoa đào tạo | | | | | |

Câu 33: Đánh giá của đồng chí về mức độ hợp lý của nội quy, quy định do Nhà trường ban hành?

- 1. Hoàn toàn bất hợp lý
- 2. Khá bất hợp lý
- 3. Không quan tâm
- 4. Khá hợp lý
- 5. Rất hợp lý

Câu 34: Đánh giá của đồng chí về môi trường kỷ luật của Nhà trường?

- 1. Hoàn toàn không nghiêm túc, vô kỷ luật
- 2. Không nghiêm túc
- 3. Bình thường
- 4. Khá nghiêm túc
- 5. Rất nghiêm túc

Câu 35: Đồng chí thấy các Phòng ban, Trung tâm...có thái độ ứng xử như thế nào khi đồng chí có công việc cần liên hệ?

- 1. Hoàn toàn không nhiệt tình
- 2. Không nhiệt tình
- 3. Bình thường
- 4. Nhiệt tình
- 5. Rất nhiệt tình

Câu 36: Theo đồng chí, bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học ảnh hưởng như thế nào đến bản thân đồng chí?

- 1. Hoàn toàn không ảnh hưởng
- 2. Ảnh hưởng không đáng kể
- 3. Có ảnh hưởng
- 4. Ảnh hưởng nhiều
- 5. Rất ảnh hưởng

Câu 37: Theo đồng chí, những phẩm chất nào sau đây là quan trọng đối với sinh viên Đại học An ninh ? (Có thể chọn nhiều câu trả lời)

- 1. Trung thành với Tổ quốc, Đảng và nhân dân
- 2. Yêu thích nghề nghiệp
- 3. Ý chí, nghị lực cao
- 4. Đoàn kết, tương thân tương ái
- 5. Cầu tiến, hoài bão
- 6. Biết hoạch định mục tiêu phấn đấu trong học tập và rèn luyện
- 7. Giúp đỡ nhau, thương yêu nhau
- 8. Đặt lợi ích tập thể trên lợi ích cá nhân
- 9. Không ngại khó, ngại khổ
- 10. Năng động, nhanh nhẹn, giao tiếp tốt
- 11. Ý kiến khác (Ghi rõ):

Câu 38: Đánh giá của đồng chí về tầm quan trọng của những yếu tố sau trong việc cải thiện bầu không khí tâm lý của lớp?

| Yếu tố | Rất quan trọng | Khá quan trọng | Không quan trọng |
|--------------------------|----------------|----------------|------------------|
| 1. Nhà trường | | | |
| 2. Giảng viên | | | |
| 3. Chủ nhiệm lớp | | | |
| 4. Ban cán sự lớp - Đoàn | | | |
| 5. Mỗi thành viên lớp | | | |

Câu 39: Để xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học, cần thực hiện những biện pháp nào? (có thể chọn nhiều câu trả lời)

- Về phía Nhà trường:

- Đầu tư trang thiết bị dạy học, cải thiện cơ sở vật chất
- Duy trì nghiêm túc nề nếp kỷ luật
- Đổi mới các hình thức, phương pháp hoạt động giáo dục, rèn luyện
- Đẩy mạnh các hoạt động thi đua nâng cao chất lượng công tác giảng dạy trong Nhà trường
- Nâng cao hiệu quả công tác quản lý sinh viên, phối kết hợp giữa các phòng ban với sinh viên
- Kịp thời tuyên dương, khen thưởng các tập thể lớp có thành tích trong học tập và rèn luyện
- Biện pháp khác (Ghi rõ):

- Về phía giảng viên:

- Có ý thức sử dụng phương pháp dạy học tích cực, phát huy tính năng động, sáng tạo của sinh viên
- Tăng cường cập nhật kiến thức thực tiễn
- Gần gũi, chia sẻ với sinh viên
- Biết lắng nghe ý kiến phản hồi từ phía sinh viên
- gương mẫu, nghiêm túc trong giảng dạy
- Nhiệt tình, yêu nghề
- Có ý thức lồng ghép nội dung giáo dục lòng yêu nghề và nhiệt huyết cống hiến cho sinh viên
- Đảm bảo tính công bằng và khách quan trong đánh giá kết quả học tập
- Biện pháp khác (Ghi rõ):

- Về phía Ban cán sự lớp - Đoàn:

- Dân chủ hóa hoạt động của lớp
- Duy trì, giữ gìn kỉ luật lớp học
- Làm tốt công tác tham mưu cho Chủ nhiệm lớp trong việc quản lý lớp
- Tổ chức tốt hoạt động sinh hoạt lớp

- Tổ chức tốt hoạt động giao lưu trong lớp, với lớp bạn và địa phương
- Tổ chức tốt hoạt động giải trí như văn hóa, văn nghệ, thể thao
- Đảm bảo công bằng, khách quan trong phân công và đánh giá công việc được giao
- Ngăn ngừa và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh
- Gắn gũi, chia sẻ, đồng cảm với các thành viên trong lớp
- Biện pháp khác (Ghi rõ):

.....
 - Về phía Chủ nhiệm lớp:

- Gắn gũi, sâu sát với từng thành viên trong lớp
- Tạo điều kiện hỗ trợ tối đa để Ban cán sự lớp - Đoàn hoàn thành nhiệm vụ
- Ngăn ngừa và giải quyết kịp thời những mâu thuẫn nảy sinh
- Biết lắng nghe ý kiến phản hồi từ phía sinh viên
- Tích cực xây dựng mối quan hệ tốt với Giảng viên, các phòng ban
- Đảm bảo công bằng, khách quan trong phân công và đánh giá công việc được giao
- Kịp thời tuyên dương, khen thưởng những thành viên có thành tích trong học tập và rèn luyện
- Biện pháp khác (Ghi rõ):

.....
 - Về phía thành viên của lớp:

- Chủ động xây dựng mối quan hệ đồng chí, đồng đội tốt đẹp
- Nỗ lực phấn đấu trong học tập và rèn luyện
- Tích cực gắn gũi, chia sẻ với giảng viên về nội dung và phương pháp học tập
- Tự ý thức trong việc đóng góp xây dựng bài trên lớp, năng động, tích cực
- Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm
- Biết kiềm chế cảm xúc
- Biết phê phán trên tinh thần xây dựng
- Biết lắng nghe, đồng cảm với nhau
- Rèn luyện kỹ năng giao tiếp và xây dựng các mối quan hệ tốt đẹp trong trường
- Biện pháp khác (Ghi rõ):

.....
Xin chân thành cảm ơn!

PHỤ LỤC 2

BIÊN BẢN PHÒNG VẤN

- I. Thời gian:
- II. Địa điểm:
- III. Nội dung:
- IV. Người được phỏng vấn
- V. Kết quả:

NỘI DUNG

1. Đồng chí cảm nhận như thế nào về bầu không khí tâm lý của lớp học mình?
2. Hiểu biết của đồng chí về tầm quan trọng của việc xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực của lớp học?
3. Hãy kể ra những điều khiến đồng chí cảm thấy hài lòng về lớp mình?
4. Hãy kể ra những điều khiến đồng chí cảm thấy không hài lòng về lớp mình?
5. Trong lớp đồng chí có hay xảy ra bất hòa, mâu thuẫn không? Mâu thuẫn nào là chủ yếu? Ai là người có vai trò giải quyết hiệu quả những mâu thuẫn ấy?
6. Trong lớp đồng chí có hình thành những nhóm bạn chơi thân với nhau? Hay thậm chí là phe – phái? Giữa các nhóm có xung đột với nhau không?
7. Đồng chí cảm nhận gì về Ban cán sự lớp – Đoàn - CLB? Góp ý của đồng chí để Ban cán sự lớp - Đoàn – CLB hoàn thành tốt hơn vai trò của họ?
8. Đồng chí cảm thấy việc học tập trên lớp như thế nào? Đồng chí có tích cực xây dựng bài không?
9. Đồng chí có thích giao tiếp với các giảng viên không? Vì sao?
10. Đồng chí có ý kiến đóng góp gì đối với các giảng viên để xây dựng bầu không khí tâm lý tích cực, giúp cho việc học tập hiệu quả?
11. Đồng chí đánh giá vai trò của Giảng viên, chủ nhiệm lớp của đồng chí như thế nào/
12. Theo đồng chí, ai là người có ảnh hưởng nhiều nhất đến tâm trạng của lớp học? Vì sao?
13. Trong lớp đồng chí có tồn tại thủ lĩnh không chính thức nào không? Sức ảnh hưởng của họ như thế nào?
14. Bạn có hài lòng với các hoạt động rèn luyện, phong trào trong lớp, trường? Đồng chí có ý kiến đóng góp gì để nâng cao hiệu quả các hoạt động?
15. Để bầu không khí tâm lý trong lớp học của mình tích cực hơn, bạn nghĩ cần phải có những biện pháp nào?

PHỤ LỤC 3

BIÊN BẢN QUAN SÁT

I. Thời gian: Tháng 3/2012

II. Địa điểm: Phòng C203 - Trường Đại học An ninh nhân dân

III. Nội dung: Quan sát buổi học môn Luật Hình sự

IV. Kết quả:

- Nhiều sinh viên không quan tâm đến bài học, vẫn còn làm việc riêng.

- Giảng viên sử dụng phương pháp thuyết trình là chủ yếu, có nêu một vài câu hỏi cho sinh viên trả lời.

- Ít có hoạt động nhóm.

- Sinh viên không chủ động nêu thắc mắc về bài học.

- Lớp học nhìn chung khá trầm

BIÊN BẢN QUAN SÁT

I. Thời gian: Tháng 4/2012

II. Địa điểm: Phòng B303 - Trường Đại học An ninh nhân dân

III. Nội dung: Quan sát buổi sinh hoạt lớp

IV. Kết quả:

- Không khí của buổi sinh hoạt khá nghiêm túc, căng thẳng.
- Giáo viên chủ nhiệm thông báo ngắn gọn, có nhắc nhở công việc cần làm, hơi vội và kết thúc phần việc của mình sớm.
- Ban chỉ huy lớp thông báo kết quả hoạt động trong tháng qua và công việc cần làm trong thời gian tới, không có hoạt động gì khác, chủ yếu là nhắc nhở sinh viên thực hiện tốt
 - Sinh viên lắng nghe, không ghi chép, hơi ưỡ oải
 - Không khí về sau khá trầm

BIÊN BẢN QUAN SÁT

I. Thời gian: Tháng 4/2012

II. Địa điểm: Phòng D202 - Trường Đại học An ninh nhân dân

III. Nội dung: Quan sát buổi học môn Tâm lý học đại cương

IV. Kết quả:

- Sinh viên có tâm thế sẵn sàng học môn Tâm lý học đại cương: mượn trước giáo trình, khi giảng viên hỏi thì có phản hồi là có đọc trước nội dung trong sách

- Giảng viên có vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực, cho sinh viên thảo luận nhóm và báo cáo kết quả

- Sinh viên tích cực lắng nghe, có ghi chép.

- Các nhóm thảo luận với thái độ khác nhau, cũng có nhiều sinh viên tích cực, nhưng cũng có sinh viên ngồi làm việc riêng, hơi gắt gỏng khi bị các sinh viên trong nhóm nhắc nhở.

- Giảng viên chưa nắm bắt được tinh thần làm việc nhóm, chưa sâu sát để nhận định thái độ hợp tác của các thành viên trong nhóm.

BIÊN BẢN QUAN SÁT

I. Thời gian: Tháng 8/2012

II. Địa điểm: Phòng C102 - Trường Đại học An ninh nhân dân

III. Nội dung: Quan sát buổi học môn Tâm lý học nghiệp vụ

IV. Kết quả:

- Lúc đầu, không khí học tập hơi trầm.
- Giảng viên có vận dụng phương pháp giảng dạy tích cực, đưa trước bài tập tình huống cho sinh viên thảo luận, có chiếu phim và yêu cầu viết thu hoạch
- Sinh viên tích cực lắng nghe, có ghi chép.
- Tuy nhiên, việc trao đổi, tương tác giữa sinh viên với giáo viên chưa rõ nét, còn thụ động.
- Giảng viên nghiêm túc, đôi lúc làm không khí căng thẳng, sinh viên có tỏ ra mệt mỏi.

PHỤ LỤC 4

Trường Đại học ANND
Lớp D20B1

PHIẾU THĂM DÒ THÁI ĐỘ

Đồng chí thân mến!

Đồng chí vui lòng cho biết tình cảm của đồng chí với các thành viên trong lớp bằng cách đánh dấu (X) vào ô thích hợp với mức độ tương ứng là Thích – Bình thường – Không thích. Thông tin thu được qua phiếu này sẽ được giữ kín, vì vậy không ảnh hưởng đến bạn và các thành viên khác trong lớp.

| STT | HỌ TÊN | Thích | Bình thường | Không thích |
|-----|---------------------|-------|-------------|-------------|
| 1 | Thái Hoài An | | | |
| 2 | Nguyễn Hoàng Anh | | | |
| 3 | Lê Thị Ánh | | | |
| 4 | Võ Hoài Ân | | | |
| 5 | Nguyễn Công Bằng | | | |
| 6 | Trương Trường Chinh | | | |
| 7 | Nguyễn Minh Chương | | | |
| 8 | Đỗ Thành Công | | | |
| 9 | Huỳnh Chí Công | | | |
| 10 | Nông Văn Công | | | |
| 11 | Hoàng Lục Văn Cương | | | |
| 12 | Huỳnh Kim Cương | | | |
| 13 | Lê Hữu Danh | | | |
| 14 | Mai Tuấn Dũng | | | |
| 15 | Hoàng Thị Kim Dung | | | |
| 16 | Đoàn Văn Duy | | | |
| 17 | Trần Văn Đạt | | | |
| 18 | Tạ Bình Đăng | | | |
| 19 | Trần Văn Đệ | | | |
| 20 | Văn Đương | | | |
| 21 | Trần Thị Thu Hà | | | |
| 22 | Nguyễn Văn Hải | | | |
| 23 | Vũ Văn Anh Hào | | | |

| | | | | |
|----|--------------------------|--|--|--|
| 24 | Đặng Minh Hạt | | | |
| 25 | Hồ Trọng Hậu | | | |
| 26 | Lê Văn Hiếu | | | |
| 27 | Hà Anh Hoàng | | | |
| 28 | Hồ Văn Hoàng | | | |
| 29 | Lê Anh Hùng | | | |
| 30 | Trần Lê Huy | | | |
| 31 | Phạm Văn Hường | | | |
| 32 | Phạm Trọng Hữu | | | |
| 33 | K' Kèng | | | |
| 34 | Huỳnh Văn Khánh | | | |
| 35 | Hoàng Văn Khương | | | |
| 36 | Trần Xuân Kỳ | | | |
| 37 | Phan Quốc Lâm | | | |
| 38 | Trần Ngọc Lâm | | | |
| 39 | Nguyễn Văn Linh | | | |
| 40 | Phan Thị Hồng Linh | | | |
| 41 | Lương Thị Tố Loan | | | |
| 42 | Nguyễn Thành Luân | | | |
| 43 | Nguyễn Lê Phương Ly | | | |
| 44 | Đỗ Minh Lý | | | |
| 45 | Trần Quốc Miên | | | |
| 46 | Trần Văn Mỗi | | | |
| 47 | Nguyễn Đắc Mười | | | |
| 48 | Phan Văn Nam | | | |
| 49 | Bùi Hoàng Nghiêm | | | |
| 50 | Nguyễn Thị Phương Nguyên | | | |
| 51 | Nguyễn Đình Nhân | | | |
| 52 | Võ Tú Như | | | |
| 53 | Lê Phương Ninh | | | |
| 54 | K' Pùn | | | |
| 55 | Nguyễn Văn Quân | | | |
| 56 | Lâm Văn Sơn | | | |
| 57 | Phạm Ngọc Sừ | | | |

| | | | | |
|----|-----------------------|--|--|--|
| 58 | Đinh Xuân Tam | | | |
| 59 | Lê Văn Thành | | | |
| 60 | Hoàng Trọng Thảo | | | |
| 61 | Nguyễn Thị Minh Thảo | | | |
| 62 | Phan Thị Phương Thảo | | | |
| 63 | Lê Tiến Thân | | | |
| 64 | Đỗ Văn Thiêm | | | |
| 65 | Hà Thanh Thùy | | | |
| 66 | Vương Thị Thùy | | | |
| 67 | Trần Văn Tín | | | |
| 68 | Lê Ngọc Tĩnh | | | |
| 69 | Nguyễn Trung Tĩnh | | | |
| 70 | Huỳnh Tuấn Triêm | | | |
| 71 | Nguyễn Thị Kiều Trinh | | | |
| 72 | Hà Mạnh Trung | | | |
| 73 | Nguyễn Quốc Tuấn | | | |
| 74 | Võ Minh Tuyển | | | |
| 75 | Trần Mạnh Tuyển | | | |
| 76 | Hà Thị Thu Vân | | | |
| 77 | Nguyễn Văn Việt | | | |
| 78 | Phạm Thế Vinh | | | |
| 79 | Trần Thanh Vinh | | | |
| 80 | Lê Tuấn Vũ | | | |
| 81 | Nguyễn Khắc Vũ | | | |
| 82 | Nguyễn Hoàng Vui | | | |

Trường Đại học ANND
Lớp D20D

PHIẾU THĂM DÒ THÁI ĐỘ

Đồng chí thân mến!

Đồng chí vui lòng cho biết tình cảm của đồng chí với các thành viên trong lớp bằng cách đánh dấu (X) vào ô thích hợp với mức độ tương ứng là Thích – Bình thường – Không thích. Thông tin thu được qua phiếu này sẽ được giữ kín, vì vậy không ảnh hưởng đến bạn và các thành viên khác trong lớp.

| STT | HỌ TÊN | Thích | Bình thường | Không thích |
|-----|-------------------------|-------|-------------|-------------|
| 1 | Trần Trương Hoài An | | | |
| 2 | Văn Công An | | | |
| 3 | Phạm Đức Anh | | | |
| 4 | Trần Đức Anh | | | |
| 5 | Trần Đông Bá | | | |
| 6 | Trần Lâm Bách | | | |
| 7 | Võ Nguyễn Lý Bằng | | | |
| 8 | Nguyễn Hương Bình | | | |
| 9 | Nguyễn Trần Nguyên Bình | | | |
| 10 | Trần Quang Cảnh | | | |
| 11 | Chữ Từ Thảo Linh Chi | | | |
| 12 | Bùi Quốc Công | | | |
| 13 | Nguyễn Cao Cường | | | |
| 14 | Từ Huy Cường | | | |
| 15 | Đỗ Thị Kiều Diễm | | | |
| 16 | Nguyễn Hưng Duy | | | |
| 17 | Nguyễn Long Dương | | | |
| 18 | Trịnh Hoàng Dương | | | |
| 19 | Nguyễn Anh Đào | | | |
| 20 | Dương Minh Đức | | | |
| 21 | Nguyễn Minh Đức | | | |
| 22 | Từ Thị Hồng Giang | | | |
| 23 | Trần Thị Thu Hà | | | |
| 24 | Nguyễn Vũ Hoàng | | | |
| 25 | Lê Huy Hùng | | | |
| 26 | Nguyễn Thanh Huy | | | |
| 27 | Lê Mạnh Hưng | | | |
| 28 | Nguyễn Thị Thu Hương | | | |
| 29 | Cao Ngọc Hường | | | |

| | | | | |
|----|-----------------------|--|--|--|
| 30 | H' Ngọc Đa Kbuôr | | | |
| 31 | Trần Văn Khương | | | |
| 32 | Nguyễn Trương Lal | | | |
| 33 | Phan Văn Lâm | | | |
| 34 | Huỳnh Thị Lan | | | |
| 35 | Nguyễn Thành Lập | | | |
| 36 | Trần Minh Hoài Linh | | | |
| 37 | Phạm Sỹ Lợi | | | |
| 38 | Văn Khánh Ly | | | |
| 39 | Doãn Thị Lý | | | |
| 40 | Đàm Phi Hùng Miô | | | |
| 41 | Võ Đức Nam | | | |
| 42 | Huỳnh Như Ngọc | | | |
| 43 | H' Nhung | | | |
| 44 | Trần So Ny | | | |
| 45 | Trần Vũ Việt Phú | | | |
| 46 | Phan Ngọc Phước | | | |
| 47 | Trần Thanh Phước | | | |
| 48 | Võ Việt Phước | | | |
| 49 | Lê Thanh Phương | | | |
| 50 | Trịnh Hải Quân | | | |
| 51 | Trần Minh Quốc | | | |
| 52 | Trần Phú Quý | | | |
| 53 | Trần Thanh Sang | | | |
| 54 | Nguyễn Văn Sơn | | | |
| 55 | Bùi Trọng Tấn | | | |
| 56 | Nguyễn Thông Thái | | | |
| 57 | Phan Thị Thu Thanh | | | |
| 58 | Phan Việt Thắng | | | |
| 59 | Huỳnh Cẩm Thơ | | | |
| 60 | Lê Thị Hoài Thương | | | |
| 61 | Nguyễn Song Toàn | | | |
| 62 | Nguyễn Cao Ngọc Trinh | | | |
| 63 | Nguyễn Châu Trinh | | | |
| 64 | Đỗ Nguyễn Anh Tú | | | |
| 65 | Đỗ Trương Anh Tuấn | | | |
| 66 | Phạm Minh Tùng | | | |
| 67 | Đỗ Vĩnh Tường | | | |
| 68 | Trần Thanh Xuân | | | |
| 69 | Hà Thị Như Ý | | | |

PHỤ LỤC 6**MỘT SỐ BẢNG SỐ LIỆU XỬ LÝ SPSS****Kết quả học tập**

| | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|-------|-----------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid | TB-TBK | 189 | 59,6 | 59,6 | 59,6 |
| | Kha | 117 | 36,9 | 36,9 | 96,5 |
| | GloI - XS | 11 | 3,5 | 3,5 | 100,0 |
| | Total | 317 | 100,0 | 100,0 | |

Muon duoc giup do trong hoc tap

| | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|---------|---------------------------------|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid | Muon duoc giup do trong hoc tap | 227 | 71,6 | 100,0 | 100,0 |
| Missing | System | 90 | 28,4 | | |
| | Total | 317 | 100,0 | | |

Xay dung moi quan he Thay tro, dong chi dong doi tot dep

| | | Frequency | Percent | Valid Percent | Cumulative Percent |
|---------|--|-----------|---------|---------------|--------------------|
| Valid | Xay dung moi quan he Thay tro, dong chi dong doi tot dep | 216 | 68,1 | 100,0 | 100,0 |
| Missing | System | 101 | 31,9 | | |
| | Total | 317 | 100,0 | | |

Descriptive Statistics

| | N | Minimum | Maximum | Mean | Std. Deviation |
|-------------------------------|-----|---------|---------|------|----------------|
| Trung thuc voi giang vien | 317 | 1 | 5 | 3,49 | 1,294 |
| De cao vai tro cua giang vien | 317 | 1 | 5 | 3,46 | 1,236 |
| Yeu cau cao voi giang vien | 317 | 1 | 5 | 3,21 | 1,061 |
| Yeu thich | 317 | 1 | 5 | 3,32 | ,837 |
| Col mo | 317 | 1 | 11 | 3,29 | 1,197 |
| Tin tuong | 317 | 1 | 5 | 3,44 | 1,312 |
| Gan gul, than mat | 317 | 1 | 5 | 3,15 | 1,005 |
| Hai long | 317 | 1 | 5 | 3,42 | 1,092 |
| Ton trong | 317 | 1 | 11 | 3,39 | 1,746 |
| Hop tac | 317 | 1 | 5 | 3,41 | 1,175 |
| Valid N (listwise) | 317 | | | | |

Descriptive Statistics

| | N | Minimum | Maximum | Mean | Std. Deviation |
|---|-----|---------|---------|------|----------------|
| Than mat, huu nghi | 317 | 1 | 5 | 3,56 | ,767 |
| Quan tam den nhau | 317 | 1 | 5 | 3,34 | ,922 |
| Hoa thuan, nhuong nhin nhau | 317 | 1 | 5 | 3,24 | ,855 |
| Yeu cau cao lan nhau | 317 | 1 | 5 | 2,90 | ,928 |
| Ton trong lan nhau | 317 | 1 | 5 | 3,63 | ,954 |
| Thong cam voi nhau | 317 | 1 | 5 | 3,48 | ,881 |
| Co tinh than gop y xay dung cung tien bo | 317 | 1 | 5 | 3,59 | ,915 |
| Doan ket | 317 | 1 | 5 | 3,75 | 1,030 |
| Tin tuong nhau | 317 | 1 | 5 | 3,37 | ,878 |
| Neu cao tinh than dan chu, vi tap the | 317 | 1 | 5 | 3,50 | 1,054 |
| De cao vai tro cua cac thanh vien trong lop | 317 | 1 | 5 | 3,41 | 1,020 |
| Chan thanh, thang than, col mo | 317 | 1 | 5 | 3,41 | ,966 |
| Hop tac, giup do nhau | 317 | 1 | 5 | 3,57 | ,983 |
| Thi dua lanh manh | 317 | 1 | 5 | 3,66 | 1,024 |
| Hap dan nhau | 317 | 1 | 5 | 2,71 | ,898 |
| Trung thuc voi nhau | 317 | 1 | 5 | 3,31 | ,968 |
| Hai long ve nhau | 317 | 1 | 5 | 3,10 | ,868 |
| Valid N (listwise) | 317 | | | | |

PHỤ LỤC 7

MỘT SỐ HÌNH ẢNH





